

CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG HẬU



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**của dự án**

**ĐẦU TƯ NHÀ MÁY CHẾ BIẾN MỦ CAO SU  
PHƯƠNG HẬU CÔNG SUẤT 5.000 TẤN/NĂM**

**Địa chỉ: Ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước**

**ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN**

**CÔNG TY TNHH  
MTV PHƯƠNG HẬU**



*Nguyễn Văn Phúc*

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**

**CÔNG TY TNHH TV&XD  
MÔI TRƯỜNG VI TA**



*Trần Thị Thanh Thủy*

## **MỤC LỤC**

|                                                                                                                         |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| MỤC LỤC .....                                                                                                           | 1  |
| DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT .....                                                                  | 3  |
| DANH MỤC BẢNG .....                                                                                                     | 4  |
| DANH MỤC HÌNH VẼ .....                                                                                                  | 5  |
| CHƯƠNG I . THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....                                                                               | 6  |
| 1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH MTV CAO SU PHƯƠNG HẬU .....                                                              | 6  |
| 2. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu, công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm .....                             | 6  |
| 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....                                                              | 6  |
| 4. Nguồn cung cấp điện, nước, hóa chất, nguyên, vật liệu của cơ sở.....                                                 | 14 |
| 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....                                                                          | 20 |
| CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....                            | 21 |
| 1. Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....        | 21 |
| 2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....                                            | 21 |
| CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....                              | 22 |
| 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....                                                | 22 |
| 2. Công trình, biện pháp xử bụi, khí thải.....                                                                          | 28 |
| 3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....                                                | 29 |
| 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....                                                         | 31 |
| 5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn .....                                                                      | 33 |
| 6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành..... | 33 |
| 7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: không có .....                                                         | 36 |
| 8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....        | 36 |
| 9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp: không có.....                                         | 42 |

|                                                                                                                                      |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không có. .... | 42 |
| CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP .....                                                                                      | 43 |
| MÔI TRƯỜNG.....                                                                                                                      | 43 |
| 1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải .....                                                                            | 43 |
| 2. Nội dung cấp phép đối với khí thải .....                                                                                          | 44 |
| 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....                                                                         | 44 |
| 4. Đề nghị cấp phép dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: .....                                                   | 45 |
| 5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất: .....                    | 45 |
| CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....                                                                               | 46 |
| 1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....                                                                       | 46 |
| 2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....                                                                   | 47 |
| CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....                                                                          | 48 |
| 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....                                                                      | 48 |
| 2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.....                                                         | 48 |
| CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....                                                     | 49 |
| CHƯƠNG IV. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....                                                                                               | 51 |

## **DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

|                                |   |                                                   |
|--------------------------------|---|---------------------------------------------------|
| ĐTM                            | : | Đánh giá tác động môi trường                      |
| BTCT                           | : | Bê tông cốt thép                                  |
| BOD <sub>5</sub> <sup>20</sup> | : | Nhu cầu oxy sinh học ở nhiệt độ 20°C trong 5 ngày |
| COD                            | : | Nhu cầu oxy hoá học                               |
| CBCNV                          | : | Cán bộ công nhân viên                             |
| CTNH                           | : | Chất thải nguy hại                                |
| CTRSH                          | : | Chất thải rắn sinh hoạt                           |
| PCCC                           | : | Phòng cháy chữa cháy                              |
| QCKTQG                         | : | Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia                       |
| QLMT                           | : | Quản lý môi trường                                |
| TCVN                           | : | Tiêu chuẩn Việt Nam                               |
| QCVN                           | : | Quy chuẩn Việt Nam                                |
| UBND                           | : | Ủy Ban Nhân Dân                                   |
| SS                             | : | Chất rắn lơ lửng                                  |
| BNNPTNT                        | : | Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn               |
| TNHH                           | : | Trách nhiệm hữu hạn                               |

## DANH MỤC BẢNG

|                                                                                                                            |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bảng 1. 1: Công suất của Nhà máy .....                                                                                     | 7  |
| Bảng 1. 2: Nhu cầu nguyên liệu, hoá chất.....                                                                              | 14 |
| Bảng 1. 3: Nhu cầu sử dụng nước hoạt động chế biến mủ của nhà máy .....                                                    | 16 |
| Bảng 1.4: Cân bằng lượng nước cấp và lưu lượng nước thải phát sinh.....                                                    | 17 |
| Bảng 1. 5: Tính toán khả năng đáp ứng của HTXLNT tập trung đã xây dựng khi bổ sung thêm dây chuyền chế biến mủ ly tâm..... | 18 |
| Bảng 1. 6: Danh mục máy móc thiết bị tại nhà máy .....                                                                     | 19 |
| Bảng 1. 7: Các hạng mục công trình của cơ sở .....                                                                         | 20 |
| Bảng 3. 1: Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy .....                                               | 24 |
| Bảng 3. 2: Thống kê công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng.....                                                   | 27 |
| Bảng 3. 3: Khối lượng chất thải rắn thông thường.....                                                                      | 31 |
| Bảng 3. 4: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy .....                                                       | 31 |
| Bảng 3. 5: Nội dung thực tế xin điều chỉnh, bổ sung so với ĐTM đã được phê duyệt.....                                      | 38 |
| Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của cơ sở .....                                       | 43 |
| Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải của cơ sở .....                                        | 44 |
| Bảng 5. 1: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....                                                     | 46 |
| Bảng 5. 2: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải HTXL lò dầu tải nhiệt .....                               | 47 |

## **DANH MỤC HÌNH VẼ**

|                                                                     |    |
|---------------------------------------------------------------------|----|
| Hình 1. 1: Quy trình công nghệ chế biến mủ cao su SVR 3L .....      | 8  |
| Hình 1. 2: Quy trình chế biến mủ Latex từ mủ nước .....             | 10 |
| Hình 1. 3: Quy trình công nghệ chế biến mủ SVR 10-20 .....          | 12 |
| Hình 3. 1: Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa tại nhà máy.....         | 22 |
| Hình 3. 2: Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải tại nhà máy.....        | 23 |
| Hình 3. 4: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải .....                     | 25 |
| Hình 3. 5: Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt..... | 29 |

## **CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

### **1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH MTV CAO SU PHƯƠNG HẬU**

- Địa chỉ văn phòng: Ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Nguyễn Văn Phúc
- Điện thoại: Email:
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: 38000436457 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 07 năm 2015.

### **2. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu, công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm**

- Địa điểm cơ sở: Ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: số 835/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 02/04/2009 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư Nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu công suất 5.000 tấn/năm tại ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do công ty TNHH MTV Phương Hậu làm chủ đầu tư.
- Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 23/GXN-STNMT của dự án Nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu, công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm tại ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 09/08/2018.
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm C (dự án có tổng mức đầu tư 24 tỷ đồng, quy mô 5.000 tấn sản phẩm/năm).

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:**

#### **3.1. Công suất hoạt động của cơ sở**

Sản phẩm của dự án là các sản phẩm từ mủ nước và sản phẩm từ mủ tạp với công suất sản xuất của toàn dự án là 5.000 tấn sản phẩm/năm, trong đó sản phẩm từ mủ nước như mủ ly tâm (hay còn gọi là mủ Latex), mủ SVR 3L với công suất tối đa là 2.000 tấn sản phẩm/năm, sản phẩm từ mủ tạp như mủ SVR 10-20 có công suất là 3.000 tấn sản phẩm/năm. Đối với các sản phẩm từ mủ nước bao gồm mủ latex và mủ SVR 3L công suất của mỗi loại phụ thuộc vào nhu cầu của thị trường và đơn đặt hàng, vì vậy trong quá trình sản xuất Công ty đảm bảo tổng công suất sản xuất của mủ latex

và mủ SVR 3L không vượt công suất tối đa là 2.000 tấn sản phẩm/năm, với công suất của từng loại sản phẩm như sau :

**Bảng 1. 1: Công suất của Nhà máy**

| STT | Sản phẩm                                  | Công suất (tấn/năm) |
|-----|-------------------------------------------|---------------------|
| 1   | Sản phẩm từ mủ nước (mủ latex, mủ SVR 3L) | 2.000               |
| 2   | Sản phẩm từ mủ tạp (mủ SVR 10,20)         | 3.000               |

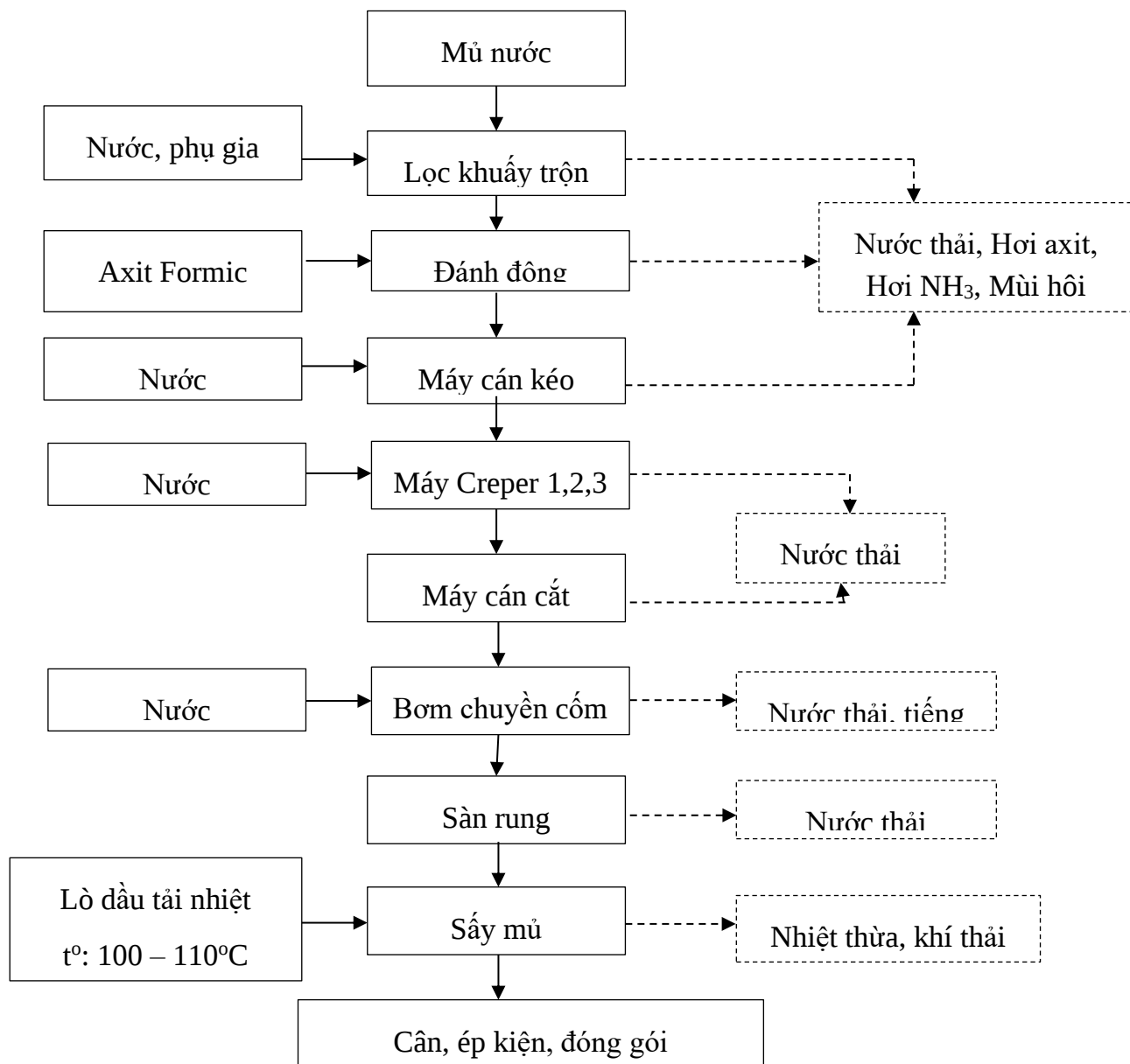
### **3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

Quy trình công nghệ sản xuất của nhà máy bao gồm:

- + Quy trình chế biến mủ cao su từ mủ nước (quy trình chế biến mủ cao su từ mủ nước có 02 quy trình chế biến mủ latex và mủ SVR 3L)
- + Quy trình chế biến mủ cao su từ mủ tạp.

Cụ thể các quy trình sản xuất tại nhà máy như sau:

- ❖ **Quy trình công nghệ chế biến mủ cao su từ mủ nước**
  - **Quy trình chế biến mủ SVR 3L**



**Hình 1. 1: Quy trình công nghệ chế biến mủ cao su SVR 3L**

➤ **Mô tả quy trình công nghệ chế biến mủ cao su SVR 3L**

Quy trình chế biến mủ cao su SVR 3L được thực hiện qua 04 công đoạn, cụ thể từng công đoạn như sau:

**Công đoạn xử lý nguyên liệu**

Mủ nước sau khi được thu mua sẽ được đưa về nhà máy và đưa vào bể chứa mủ. Để mủ nước không bị đông sẽ được thêm hóa chất để chống đông mủ giúp mủ cao su được giữ ở trạng thái lỏng không bị đông, hóa chất sử dụng để chống đông mủ là NH<sub>3</sub> (với nồng độ dao động từ 1,5-2% tùy theo mùa) trước khi qua công đoạn tiếp theo.

**Lọc khuấy trộn:** Sau khi mủ được vận chuyển về nhà máy sẽ được xả vào bể chứa mủ, tại bể này mủ sẽ được lọc tách cặn như cát, sạn, đá, sỏi, vỏ cây và những cục cao su bị đông, mủ cao su sẽ được thêm nước để pha loãng mủ đến nồng độ 25% và

trộn đều bằng máy khuấy để tách bớt các hợp chất có khả năng hòa trong nước của cao su.

**Đánh đông:** sau khi lọc, khuấy trộn mủ cao su được dẫn xuống hồ đánh đông qua hệ thống máng dẫn bằng inox, tại hồ đánh đông mủ sử dụng các tấm ngăn bằng inox nhằm tạo tấm cho sản phẩm. Mủ được đánh đông bằng cách sử dụng axit formic với nồng độ 5%, lúc này mủ sẽ được phân thành 2 pha: Pha cao su nổi trên bề mặt và pha serum (nước và các chất tan trong nước). Đồng thời để tránh bề mặt mủ bị oxy hóa ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, dung dịch  $\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$  (Sodium Metabisulfite) được phun một lớp mỏng trên bề mặt mủ đã được đánh đông và để qua đêm.

#### Công đoạn gia công cơ học

Mủ sau khi đánh đông từ 6-8 giờ, sẽ được thêm nước vào đầy mương đánh đông để làm mủ nổi lên, khối mủ sẽ được chuyển qua công đoạn gia công cơ học bao gồm các bước như sau:

**Cán kéo:** khối mủ được đưa qua máy cán kéo để cán mỏng và loại bỏ axit, serum trong mủ.

**Máy Crepper 1,2,3:** mủ sau khi cán kéo để loại bỏ axit, serum sẽ được đưa các máy crepper bằng các băng tải để tiếp tục cán ép loại bỏ axit, serum thêm một lần nữa, đồng thời trên mỗi máy crepper đều có hệ thống phun nước để rửa bớt tạp chất còn sót lại trong mủ.

**Máy cán cắt:** sau khi mủ đi qua máy crepper 1,2,3 sẽ được đưa qua máy cán để có được bề dày thích hợp để tạo điều kiện cho các công đoạn sau được dễ dàng hơn và được đưa qua máy cắt, băm nhỏ mủ. Mủ sau khi băm nhỏ sẽ được rót xuống hồ băm, tại hồ này sẽ được thêm nước sạch, tiếp đó mủ và nước sẽ bơm lên sàn rung thông qua hệ thống máy bơm chuyển mủ.

**Sàn rung:** mủ được bơm từ hồ chứa mủ lên sàn rung để tách nước và hạt mủ. Các hạt mủ sau khi tách nước sẽ đi qua phễu cấp liệu và rơi xuống hồ chứa mủ, phần nước tách từ mủ ở sàn rung sẽ được bơm về hồ chứa mủ.

#### Công đoạn gia công nhiệt

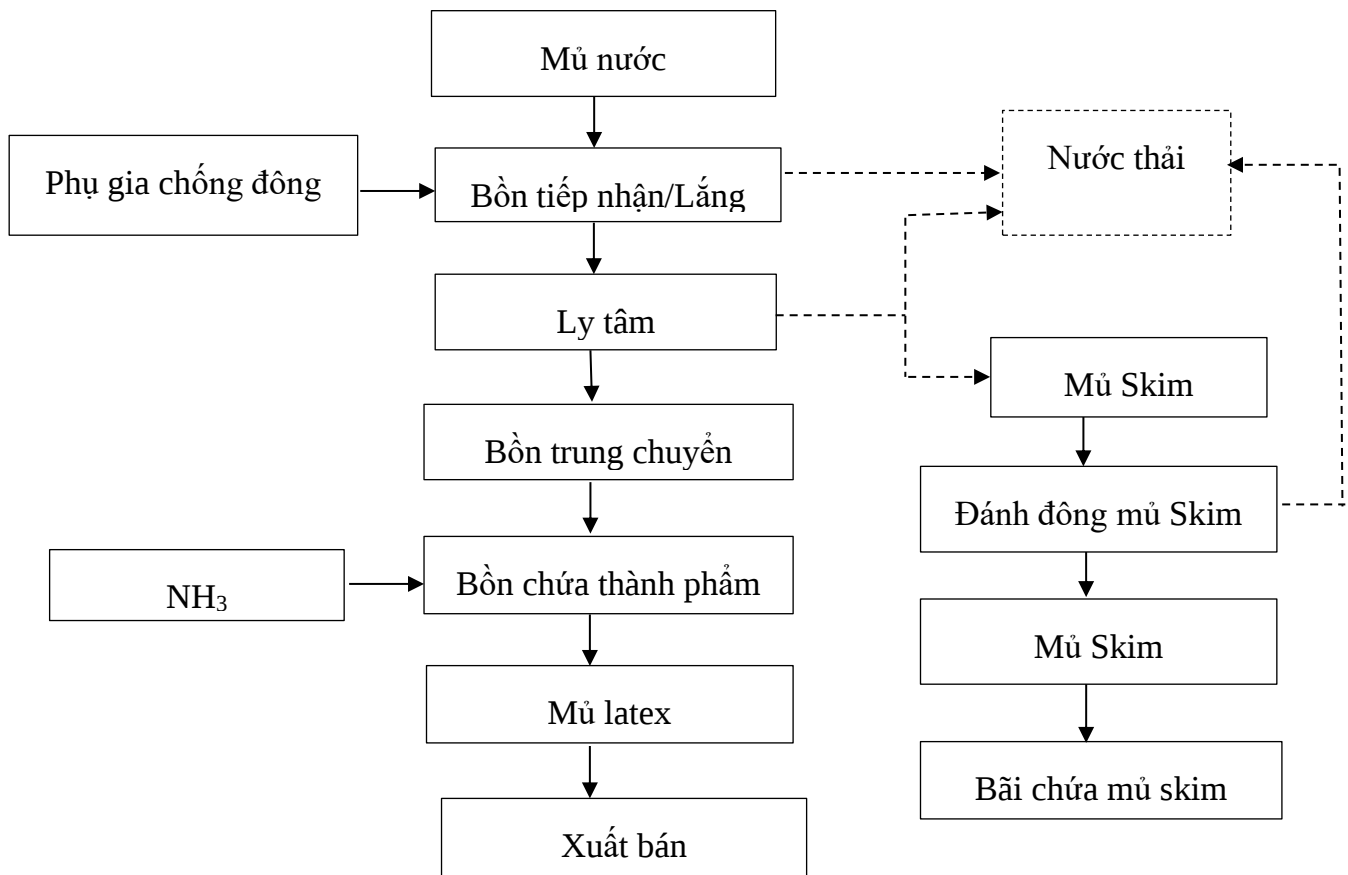
**Sấy mủ:** Mủ sau khi tách nước ở sàn rung đi qua phễu cấp liệu và rơi vào các thùng thùng sấy để đưa vào lò sấy. Mủ sẽ được sấy trong thời gian từ 13 – 17 phút với nhiệt độ từ 100-110°C. Nhiệt cấp cho công đoạn sấy được lấy từ lò dầu tải nhiệt sử dụng nguyên liệu đốt là củi.

#### Công đoạn hoàn thiện sản phẩm

Mủ sau khi sấy sẽ được cân, ép bánh và phân loại, sản phẩm lỗi sẽ được thu gom tái chế, sản phẩm đạt yêu cầu được đưa qua bộ phận đóng gói để đóng gói theo quy định (theo TCVN 3769-83, trọng lượng mỗi bánh là 33,33kg). Các bánh cao su sẽ

được bọc màng PE và đóng bao, xếp lên các pallet và đưa vào kho thành phẩm chờ xuất xưởng.

- Quy trình chế biến mủ Latex



Hình 1. 2: Quy trình chế biến mủ Latex từ mủ nước

❖ Thuyết minh quy trình

Nguyên liệu để sản xuất đầu vào là mủ nước được thu mua từ các cơ sở thu mua mủ cao su ở địa phương và các tỉnh lân cận. Mủ nước được chứa trong bồn và vận chuyển về nhà máy và được bơm qua bồn tiếp nhận.

Bồn tiếp nhận/lắng: mủ được bơm qua bồn tiếp nhận, tại bồn tiếp nhận có lắp đặt cánh khuấy để khuấy trộn mủ với tốc độ chậm để làm đồng đều mủ (từ 15-30p) và để lắng khoảng 12 tiếng trước khi đưa mủ qua máy ly tâm. Tại bồn tiếp nhận/lắng sẽ được châm thêm các hoá chất như  $\text{NH}_3$  để chống đông mủ, TMTD (Tetraethylthiuram Disulfide),  $\text{ZnO}$  có tác dụng lưu hoá cao su, biến đổi cao su sống có xu hướng duy trì tính đàn hồi và giảm tính dẻo của cao su; DAP (Diamoni Photphat) có tác dụng điều chỉnh lượng Mg có trong mủ nước để giữ tính ổn định của mủ.

Sau khi các hoá chất được cho vào đầy đủ, tiến hành khuấy trộn trong thời gian từ 30-60 phút, sau đó để lắng trong 12 giờ trước khi đưa mủ sang công đoạn ly tâm.

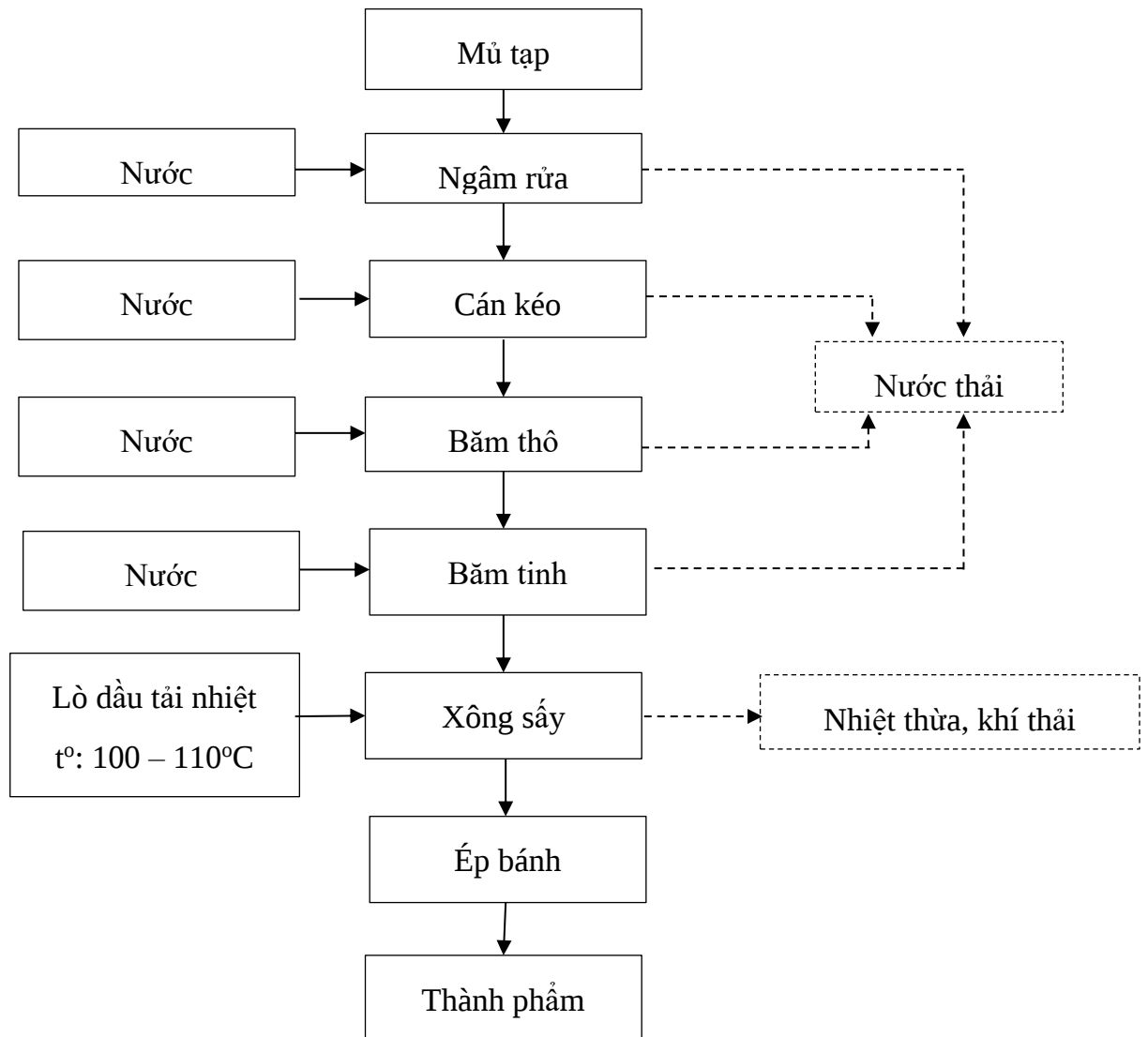
Tại công đoạn khuấy trộn, lắng sẽ phát sinh nước thải từ công đoạn rửa các bồn khuấy trộn. Nước thải từ bồn khuấy trộn được đưa về HTXLNT tập trung để xử lý.

Ly tâm: Mủ sau thời gian lắng 12 giờ sẽ được đưa qua các máy ly tâm. Máy ly tâm có nhiệm vụ tách nước và tạp chất ra khỏi hỗn hợp mủ. Hoạt động của máy ly tâm có 2 dòng, một dòng là mủ latex cô đặc được bơm đến các bồn trung chuyển, một dòng mủ skim được đưa đến khu vực đánh đông mủ skim.

Mủ latex thành phẩm được bơm về các bồn trung chuyển, mủ từ bồn trung chuyển được đưa về các bồn chứa thành phẩm, tại bồn chứa thành phẩm sẽ được bổ sung thêm khí  $\text{NH}_3$  bằng đường ống dẫn riêng để đảm bảo chất lượng của mủ latex. Bồn chứa mủ là bồn inox, có dung tích khoảng  $50\text{m}^3$ . Vật liệu inox có bề dày từ 4 - 6mm. Trong bồn có chứa các cánh khuấy được nối qua trục gắn với động cơ trên nắp. Hỗn hợp mủ được khuấy định kỳ 3-4 ngày/lần, thời gian khuấy 30 phút/lần. Kiểm tra định kỳ sau mỗi lần khuấy để sản phẩm latex đạt chất lượng theo tiêu chuẩn. Thành phẩm được chứa trong các bồn sau đó sẽ đưa đi kiểm tra các chỉ tiêu về sản phẩm đạt yêu cầu trước khi xuất bán theo nhu cầu thị trường

Đối với mủ skim từ máy ly tâm có giá trị DRC khoảng 4-6%, lượng mủ skim tách ra được đưa về bể chứa để tiếp tục đánh đông, tại bể này sẽ được thêm axit  $\text{H}_2\text{SO}_4$  mủ skim được khuấy trộn bằng máy khuấy để làm giảm lượng  $\text{NH}_3$  có trong mủ, mủ được đánh đông từ 8 đến 24 tiếng, mủ sau khi đánh đông được đưa sang bãi chứa mủ, mủ skim sẽ được tận dụng để làm nguyên liệu sản xuất các sản phẩm từ mủ tạp.

- Quy trình công nghệ chế biến mủ cao su từ mủ tạp



**Hình 1. 3: Quy trình công nghệ chế biến mủ SVR 10-20**

**Thuyết minh quy trình**

Mủ tạp là mủ đông tự nhiên mà không cần thêm hóa chất, mủ tạp thường lẫn thêm các tạp chất như cát, đá, lá cây,... Mủ tạp được phân thành nhiều loại như mủ chén đông, mủ dây, mủ vụn, mủ đất.

Mủ sau khi thu mua sẽ được cân, phân loại dựa trên các chỉ tiêu như tạp chất, màu sắc, trạng thái,...sau đó mủ sẽ được lưu trữ tại khu vực chứa mủ. Mủ được lưu trữ tại khu vực khô ráo, có mái che không cho ánh nắng mặt trời tiếp xúc trực tiếp vào nguyên liệu, trong thời gian lưu trữ cần xáo trộn để đảm bảo độ đồng đều cho nguyên liệu.

Trước khi đi vào chế biến, sử dụng một máy cán (máy crepper) để làm giảm kích thước khối củ cũng như trộn, kéo, xé để làm giảm độ ẩm của củ trước khi đưa củ vào công đoạn chế biến chính, máy cán được bố trí ở khu vực chứa nguyên liệu.

#### **Công đoạn gia công cơ học**

Mủ được đưa vào hồ ngâm tiếp nhận củ, sau đó được chuyển đến máy băm thô để làm giảm kích thước của khối củ cũng như loại bỏ tạp chất lẫn trong củ, củ sau khi băm thô được củ được chuyển qua hồ quậy củ để loại bỏ các tạp chất có trong củ.

Sau một thời gian trộn rửa nhất định, củ được chuyển qua máy băm tinh bằng băng tải gầu để làm giảm kích thước của củ một lần nữa, củ sau khi băm tinh được chuyển qua hồ rửa củ.

Mủ sau khi rửa được loại bỏ sạch tạp chất được chuyển qua máy băm búa bằng băng tải gầu có bộ tiếp liệu, tại đây các khối củ lại tiếp tục được xé nhỏ. Mủ được tiếp tục chuyển qua hệ thống 03 máy cán, giúp cán ra các tờ củ. Khi củ được tạo tờ đồng đều các tờ củ được đưa qua máy băm thô tạo hạt bằng các băng tải cao su, củ được tạo hạt rơi vào giữa hồ và đảm bảo các hạt củ cối không được dính vào nhau và củ sẽ tiếp tục được trộn rửa để loại bỏ các tạp chất còn sót lại trong củ. Sau khi trộn rửa củ sẽ được tiếp tục đưa đến các máy cán để tạo tờ và đưa vào máy băm tạo hạt để tạo thành các hạt cối rơi vào hồ rửa. Củ từ hồ rửa được dòng nước đưa đến miệng hút của bơm chuyển cối, bơm qua sàn rung, các hạt củ cối được rơi vào thùng sấy nước được tuần hoàn lại hồ rửa củ.

#### **Công đoạn gia công nhiệt**

Sau khi hoàn tất công đoạn gia công cơ học, củ đưa vào lò sấy với nhiệt độ sấy dao động từ 110-120°C (nhiệt độ sấy tùy theo mùa), nhiệt cấp cho quá trình sấy được lấy từ lò dầu tải nhiệt sử dụng củi.

#### **Ép kiện, đóng gói**

Sau khi củ ra khỏi lò sấy phải được làm nguội ở nhiệt độ <40°C trước khi ép bánh, trọng lượng mỗi bánh khi ép là 33,33kg được thực hiện bằng máy ép kiện. Các bánh cao su được xếp vào các thùng chứa và lưu trữ trong kho thành phẩm trước khi xuất bán.

Quy trình chế biến củ SVR 3L và SVR 10 -20 sẽ phát sinh nước thải từ các công đoạn đánh đông, rửa củ, cán củ,... Nước thải phát sinh sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép. Đối với khí thải từ lò dầu tải nhiệt sử dụng nguyên liệu đốt là củi, gỗ, mùn cưa, trấu,... sẽ được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

**4. Nguồn cung cấp điện, nước, hóa chất, nguyên, vật liệu của cơ sở**

➤ **Nhu cầu sử dụng nguyên liệu**

- Nhà máy có 3 dây chuyền công nghệ để sản xuất các sản phẩm từ mủ nước (mủ latex, mủ SVR 3L), các sản phẩm từ mủ tạp (SVR10-20). Đối sản xuất các sản phẩm từ mủ nước (mủ latex và mủ SVR 3L), báo cáo sẽ trình bày các nguyên liệu, hoá chất phục vụ cho hoạt động sản xuất tối đa của mủ latex, mủ SVR 3L với công suất tối đa là 2.000 tấn sản phẩm/năm cho từng loại sản phẩm. Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất thực tế, lượng sản phẩm của mủ latex và mủ SVR 3L sẽ phụ thuộc vào nhu cầu thị trường, yêu cầu của từng đơn hàng, Công ty cam kết tổng lượng sản phẩm mủ latex và mủ SVR 3L không vượt quá 2.000 tấn/năm.
- Nguyên liệu phục vụ cho nhà máy chủ yếu là mủ nước, mủ tạp được thu mua từ các vườn cao su xung quanh nhà máy và vùng lân cận. Đối với hóa chất được Công ty mua từ các đơn vị kinh doanh hóa chất tại Bình Phước, Bình Dương hoặc Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nhu cầu sử dụng nguyên liệu và hóa chất trong 1 năm như sau:

**Bảng 1. 2: Nhu cầu nguyên liệu, hoá chất**

| STT              | Tên                            | Đơn vị  | Số lượng                                        |       |
|------------------|--------------------------------|---------|-------------------------------------------------|-------|
| Nguyên liệu      |                                |         |                                                 |       |
| 1                | Mủ nước (sản xuất mủ latex)    | Tấn/năm | 4.000                                           |       |
| 2                | Mủ nước (sản xuất mủ SVR 3L)   | Tấn/năm | 5.174,28                                        |       |
| 3                | Mủ tạp (sản xuất mủ SVR 10-20) | Tấn/năm | 5.720<br>(Mủ tạp thu mua từ các vườn cao su)    | 6.000 |
|                  |                                | Tấn/năm | 280<br>(mủ skim từ công đoạn sản xuất mủ latex) |       |
| Hóa chất sử dụng |                                |         |                                                 |       |
| I                | Sản xuất mủ Latex              |         |                                                 |       |
| 1                | NH <sub>3</sub>                | Tấn/năm | 40                                              |       |
| 2                | TMTD                           | Tấn/năm | 3                                               |       |

| STT                                | Tên                               | Đơn vị   | Số lượng |
|------------------------------------|-----------------------------------|----------|----------|
| 3                                  | ZnO                               | Tấn/năm  | 3        |
| 4                                  | DAP                               | Tấn/năm  | 0,6      |
| 5                                  | Axit Sunfuric (Đánh đông mũ Skim) | Tấn/năm  | 28       |
| <b>II</b>                          | <b>Sản xuất mũ SVR 3L</b>         |          |          |
| 1                                  | NH3                               | Tấn/năm  | 0,6      |
| 2                                  | Axit Formic                       | Tấn/năm  | 9        |
| 3                                  | Sodium metabifulfite              | Tấn/năm  | 0,6      |
| <b>Nhiên liệu, bao bì đóng gói</b> |                                   |          |          |
| 1                                  | Củi, vỏ trấu, mùn cưa,...         | Tấn/ngày | 15       |
| 2                                  | Bao bì nylon                      | Tấn/năm  | 6,5      |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Phương Hậu)

➤ **Nhu cầu sử dụng nước**

Đối với nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của công nhân, Công ty sử dụng nguồn nước dưới đất. Còn đối với nguồn cấp cho hoạt động chế biến mũ cao su, Công ty sẽ sử dụng nguồn nước mặt và nước thải sau xử lý.

Công ty đã được UBND tỉnh Bình Phước cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới mặt số 83/GP-UBND, ngày 23/06/2023. Sử dụng hệ thống bơm về bể chứa nước sau đó sử dụng cho hoạt động chế biến mũ cao su.

❖ **Nước sinh hoạt:**

Hướng tới mục tiêu sử dụng nước an toàn, tiết kiệm và hiệu quả, nhu cầu nước sinh hoạt tại nhà máy là 100 lít/người/ngày đêm. Tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt:

$$40 \text{ người} \times 100 \text{ l/người/ngày} = 4.000 \text{ l/ngày} = 4,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt sẽ được lấy từ nước dưới đất thông qua các giếng khoan với lưu lượng sử dụng khoảng 4,0m<sup>3</sup>/ngày.

❖ **Nước dùng cho hoạt động chế biến mũ cao su**

Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động chế biến mũ cao su của nhà máy được lấy từ nguồn nước mặt và tái sử dụng nước thải sau xử lý, cụ thể được tính toán như sau:

- **Nước cấp cho hoạt động chế biến mũ SVR 3L:** định mức sử dụng nước 10m<sup>3</sup>/tấn sản phẩm, với lưu lượng khoảng 66,67 m<sup>3</sup>/ngày.
- **Nước cấp cho hoạt động chế biến mũ SVR 10, 20:** định mức sử dụng nước 16m<sup>3</sup>/tấn sản phẩm với lưu lượng khoảng 160 m<sup>3</sup>/ngày.

- **Nước cấp cho hoạt động đánh đồng mủ skim:** định mức sử dụng nước 12m<sup>3</sup>/tấn mủ skim với lưu lượng khoảng 11,16 m<sup>3</sup>/ngày.
- **Nước cấp cho hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị, nhà xưởng:** định mức sử dụng nước ước tính khoảng 5m<sup>3</sup>/tấn sản phẩm với lưu lượng khoảng 83,35 m<sup>3</sup>/ngày.
- **Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt:** 2m<sup>3</sup>/lần cấp, lượng nước này được sử dụng để loại bỏ tro bụi có trong khí thải của lò dầu tải nhiệt, lượng nước này sẽ được định kỳ loại bỏ cặn lắng và tuần hoàn tái sử dụng.
- **Nước cấp cho hoạt động rửa xe:** khoảng 5m<sup>3</sup>/ngày

**Bảng 1. 3: Nhu cầu sử dụng nước hoạt động chế biến mủ của nhà máy**

| Stt              | Phân loại                                             | Định mức<br>(m <sup>3</sup> /tấn<br>sản phẩm) | Khối lượng<br>sản phẩm<br>(tấn/ngày) | Lượng nước cấp<br>(m <sup>3</sup> /ngày) |
|------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------|
| 1                | Nước cấp cho hoạt động chế biến mủ SVR 3L             | 10                                            | 6,7                                  | 66,67                                    |
| 2                | Nước cấp cho hoạt động chế biến mủ SVR 10,20          | 16                                            | 10,00                                | 160,00                                   |
| 3                | Nước cấp cho hoạt động đánh đồng mủ skim              | 12                                            | 0,93                                 | 11,16                                    |
| 4                | Nước cấp cho vệ sinh máy móc, thiết bị, nhà xưởng     | 8                                             | 16,67                                | 133,36                                   |
| 5                | Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt | 2                                             | 1                                    | 2,00                                     |
| 6                | Nước cấp cho hoạt động rửa xe                         | -                                             | -                                    | 5,00                                     |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                       |                                               |                                      | <b>278,17</b>                            |

Thời điểm cao su rụng lá và ra lá non vào tháng 2, tháng 3 là thời điểm Nhà máy tạm ngưng sản xuất, chế biến nên không khai thác. Do đó, thời gian hoạt động của nhà máy được tính toán là 300 ngày/năm.

Ngoài lượng nước cấp cho hoạt động chế biến mủ như ở bảng trên, thì việc chế biến mủ cao su còn phát sinh lượng nước thải từ chính bản thân của mủ cao su, vậy cân bằng Lượng nước sử dụng và lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và chế biến mủ được tính toán như bảng sau:

**Bảng 1.4: Cân bằng lượng nước cấp và lưu lượng nước thải phát sinh**

| TT               | Hoạt động                                             | Đơn vị               | Lưu lượng nước cấp (m <sup>3</sup> /ngày) | Lưu lượng nước thải (m <sup>3</sup> /ngày) | Lưu lượng nước thải Q <sub>1</sub> (m <sup>3</sup> /ngày) | Lưu lượng nước thải Q <sub>2</sub> (m <sup>3</sup> /ngày) |
|------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1                | Nước cấp cho hoạt động chế biến mủ SVR 3L             | m <sup>3</sup> /ngày | 66,67                                     | 66,67                                      | -                                                         | 66,67                                                     |
| 2                | Nước cấp cho hoạt động chế biến mủ SVR 10,20          | m <sup>3</sup> /ngày | 160,00                                    | 160,00                                     | 160,00                                                    | 160,00                                                    |
| 3                | Nước cấp cho hoạt động đánh đông mủ skim              | m <sup>3</sup> /ngày | 11,16                                     | 11,16                                      | 11,16                                                     | -                                                         |
| 4                | Nước cấp cho vệ sinh máy móc, thiết bị, nhà xưởng     | m <sup>3</sup> /ngày | 83,35                                     | 83,35                                      | 83,35                                                     | 83,35                                                     |
| 5                | Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt | m <sup>3</sup> /ngày | 2,00                                      | 2,00                                       | 2,00                                                      | 2,00                                                      |
| 6                | Nước cấp cho hoạt động rửa xe                         | m <sup>3</sup> /ngày | 5,00                                      | 5,00                                       | 5,00                                                      | 5,00                                                      |
| 7                | Nước phát sinh từ quá trình lưu chứa mủ tạp           | m <sup>3</sup> /ngày | -                                         | 9                                          | 9                                                         | 9                                                         |
| 8                | Nước phát sinh từ quá trình sản xuất mủ SVR 3L        | m <sup>3</sup> /ngày | -                                         | 11,43                                      | -                                                         | 11,43                                                     |
| 9                | Nước phát sinh từ quá trình sản xuất mủ latex         | m <sup>3</sup> /ngày | -                                         | 5,73                                       | 5,73                                                      | -                                                         |
| 10               | Nước cấp sinh hoạt                                    | m <sup>3</sup> /ngày | 4,00                                      | 4,00                                       | 4,00                                                      | 4,00                                                      |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                       |                      | <b>332,18</b>                             | <b>358,34</b>                              | <b>280,24</b>                                             | <b>341,45</b>                                             |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Phương Hậu)

Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất tại nhà máy phát sinh khoảng 358,34 m<sup>3</sup>/ngày, đây là lượng nước thải phát sinh phát sinh lớn nhất khi thực hiện sản xuất đồng loạt mũ Latex, mũ SVR 3L, mũ SVR 10-20. Tuy nhiên, thực tế khi sản xuất, thì tổng khối lượng sản phẩm từ mũ Latex, mũ SVR 3L đảm bảo không vượt quá 2.000 tấn sản phẩm/năm. Do đó, để tính toán lượng nước thải phát sinh lớn nhất, báo cáo sẽ tính toán lượng nước thải phát sinh khi sản xuất đồng thời mũ SVR 3L, mũ SVR 10-20 và nước thải phát sinh đồng thời từ quá trình sản xuất mũ Latex và mũ SVR 10-20, cụ thể:

- + Q<sub>1</sub>: Lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất đồng thời mũ Latex và mũ SVR 10-20 là: 280,24 m<sup>3</sup>/ngày.
- + Q<sub>2</sub>: Lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất đồng thời mũ SVR 3L và SVR 10-20 là: 341,45 m<sup>3</sup>/ngày

➤ **Tính toán khả năng đáp ứng của hệ thống xử lý nước thải**

**Bảng 1. 5: Tính toán khả năng đáp ứng của HTXLNT tập trung đã xây dựng khi bổ sung thêm dây chuyền chế biến mũ ly tâm**

| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Loại nước thải phát sinh       | Lưu lượng nước thải                                                                  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Sản xuất mũ Latex – SVR 10,20  | Q <sub>1</sub> = 280,24 m <sup>3</sup> /ngày                                         |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Sản xuất mũ SVR 3L - SVR 10,20 | Q <sub>2</sub> = 341,45 m <sup>3</sup> /ngày                                         |
| <b>Hệ số an toàn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                | k=1,2                                                                                |
| <b>Lưu lượng nước thải cần xử lý xử lý</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                | <b>Q<sub>XL1</sub> = Q<sub>1</sub> x1,2 = 280,24x1,2 = 336,29 m<sup>3</sup>/ngày</b> |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                | <b>Q<sub>XL2</sub> = Q<sub>2</sub> x1,2 = 341,45x1,2 = 409,74 m<sup>3</sup>/ngày</b> |
| <b>Hệ thống xử lý nước thải tập trung đã xây dựng (đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại GXN số 23/GXN-STNMT ngày 9/08/2018)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                | <b>Q<sub>HT</sub> = 580 m<sup>3</sup>/ngày</b>                                       |
| Nhu vậy: <ul style="list-style-type: none"><li>+ Khi sản xuất đồng thời mũ Latex – SVR 10,20 thì lượng nước thải phát sinh cần phải xử lý khoảng 336,29 m<sup>3</sup>/ngày (hệ số an toàn k=1,2)</li><li>+ Khi sản xuất đồng thời mũ SVR 3L – SVR 10,20 thì lượng nước thải phát sinh cần phải xử lý khoảng 409,74 m<sup>3</sup>/ngày (hệ số an toàn k=1,2)</li></ul> → Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại nhà máy đã xây dựng có công suất 580 m <sup>3</sup> /ngày vẫn đảm bảo khả năng xử lý lượng nước thải phát sinh khi nhà máy bổ sung thêm dây chuyền chế biến mũ Latex mà không cần cải tạo hệ thống xử lý nước thải. Dây chuyền chế biến mũ Latex và mũ SVR 3L sẽ hoạt động luân phiên, phụ thuộc vào nhu cầu của thị trường và đơn hàng nhưng đảm bảo không vượt quá công suất của các sản phẩm chế biến từ mũ nước là 2.000 tấn sản phẩm/năm. |                                |                                                                                      |

➤ **Nhu cầu sử dụng điện**

Nhu cầu sử dụng điện cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt cho nhà máy khoảng 600.000 Kwh/năm, được lấy từ mạng lưới điện quốc gia. Ngoài ra, Công ty sử dụng thêm một máy phát điện dự phòng để cung cấp điện trong trường hợp nhà máy gặp sự cố mất điện.

➤ **Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị**

**Bảng 1. 6: Danh mục máy móc thiết bị tại nhà máy**

| STT                                                | Tên máy móc, thiết bị    | Số lượng | Xuất xứ  | Tình trạng hoạt động |
|----------------------------------------------------|--------------------------|----------|----------|----------------------|
| <b>I. Dây chuyền chế biến mủ cốm</b>               |                          |          |          |                      |
| 1                                                  | Bồn chứa mủ, bồn ngâm mủ | 04       | Việt Nam | Hoạt động tốt        |
| 2                                                  | Muong đánh đông          | 20       | Việt Nam | Hoạt động tốt        |
| 3                                                  | Máy cắt miếng thô        | 01       | Việt Nam | Hoạt động tốt        |
| 4                                                  | Máy cắt miếng tinh       | 01       | Việt Nam | Hoạt động tốt        |
| 5                                                  | Máy băm búa              | 01       | Việt Nam | Hoạt động tốt        |
| 6                                                  | Máy cán 3 trục           | 02       | Việt Nam | Hoạt động tốt        |
| 7                                                  | Máy cán 2 trục           | 05       | Việt Nam | Hoạt động tốt        |
| 8                                                  | Máy băm thô, tinh        | 02       | Việt Nam | Hoạt động tốt        |
| 9                                                  | Máy quậy rửa             | 04       | Việt Nam | Hoạt động tốt        |
| 10                                                 | Băng tải trượt tách nước | 02       | Việt Nam | Hoạt động tốt        |
| 11                                                 | Băng tải cao su          | 07       | Việt Nam | Hoạt động tốt        |
| 12                                                 | Băng tải gầu             | 05       | Việt Nam | Hoạt động tốt        |
| 13                                                 | Băng trộn rửa            | 02       | Việt Nam | Hoạt động tốt        |
| <b>II. Dây chuyền chế biến mủ Latex từ mủ nước</b> |                          |          |          |                      |
| 1                                                  | Máy ly tâm               | 05       | Việt Nam | Mới 100%             |
| 2                                                  | Máy bơm màng             | 03       | Việt Nam | Mới 100%             |
| 3                                                  | Bồn chứa nguyên liệu     | 02       | Việt Nam | Mới 100%             |

|   |                     |    |          |          |
|---|---------------------|----|----------|----------|
| 4 | Bồn trung chuyển    | 03 | Việt Nam | Mới 100% |
| 5 | Bồn chứa thành phẩm | 03 | Việt Nam | Mới 100% |
| 7 | Motor khuấy         | 06 | Việt Nam | Mới 100% |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Phương Hậu)

## 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

### 5.1 Nguồn vốn đầu tư của cơ sở

Nguồn vốn đầu tư của dự án: 24.988.7500 VNĐ, trong đó vốn góp thực hiện dự án là 12.494.375.000 đồng.

### 5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở

Nhà máy chế biến mủ cao su của Công ty TNHH MTV Phương Hậu được thực hiện tại ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tại khu đất có diện tích 24.517,5m<sup>2</sup>, khu đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vài sổ cấp GCN CT002485 ngày 27/03/2012, số series BI 285882, các hạng mục công trình của cơ sở như sau:

**Bảng 1. 7: Các hạng mục công trình của cơ sở**

| STT         | Hạng mục               | Số lượng | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%)  |
|-------------|------------------------|----------|-----------------------------|------------|
| 1           | Nhà văn phòng làm việc | 1        | 135,08                      | 0,55       |
| 2           | Phòng thí nghiệm       | 1        | 83,34                       | 0,34       |
| 3           | Nhà lò sấy             | 1        | 472,8                       | 1,93       |
| 4           | Nhà kho                | 1        | 1.370,80                    | 5,59       |
| 5           | Nhà xưởng sản xuất 1   | 1        | 2.615,25                    | 10,67      |
| 6           | Nhà xưởng 2            | 1        | 4.694,25                    | 19,15      |
| 7           | Bể tách mủ 1           | 1        | 249,90                      | 1,02       |
| 8           | Bể tách mủ 2           | 1        | 963                         | 3,93       |
| 9           | Bể điều hòa            | 1        | 108,16                      | 0,44       |
| 10          | Cây xanh               | -        | 4.904                       | 20,00      |
| 11          | Đường nội bộ, sân bãi  | -        | 8.921,42                    | 36,39      |
| <b>Tổng</b> |                        |          | <b>24.517,50</b>            | <b>100</b> |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Phương Hậu)

## **CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

Dự án Đầu tư nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu công suất 5.000 tấn/năm tại ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước của Công ty TNHH MTV Phương Hậu đã được UBND tỉnh Bình Phước chứng nhận đầu tư theo giấy chứng nhận số 44.121.000068, cấp lần đầu ngày 28/08/2009, do đó dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 02/04/2009 dự án phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường của địa phương.

### **2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Sự phù hợp của dự án Đầu tư nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu công suất 5.000 tấn/năm tại ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước của Công ty TNHH MTV Phương Hậu đối với khả năng chịu tải của môi trường đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thay đổi.

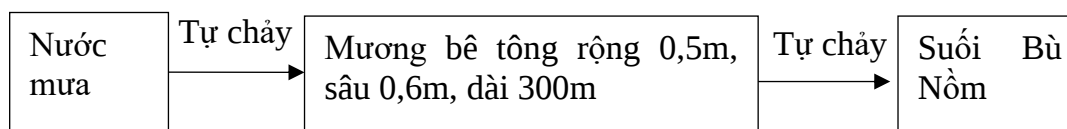
### CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

##### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

###### *Biện pháp thu gom, thoát nước mưa*

Nước mưa từ nhà xưởng sản xuất, khu vực nhà để xe, nhà văn phòng bằng hệ thống đường ống PVC D220 xuống hệ thống mương thu gom nước mưa bằng bê tông, kích thước rộng 0,5m, sâu 0,6m, dài 300m sau đó theo địa hình tự nhiên chảy ra suối Bù Nôm



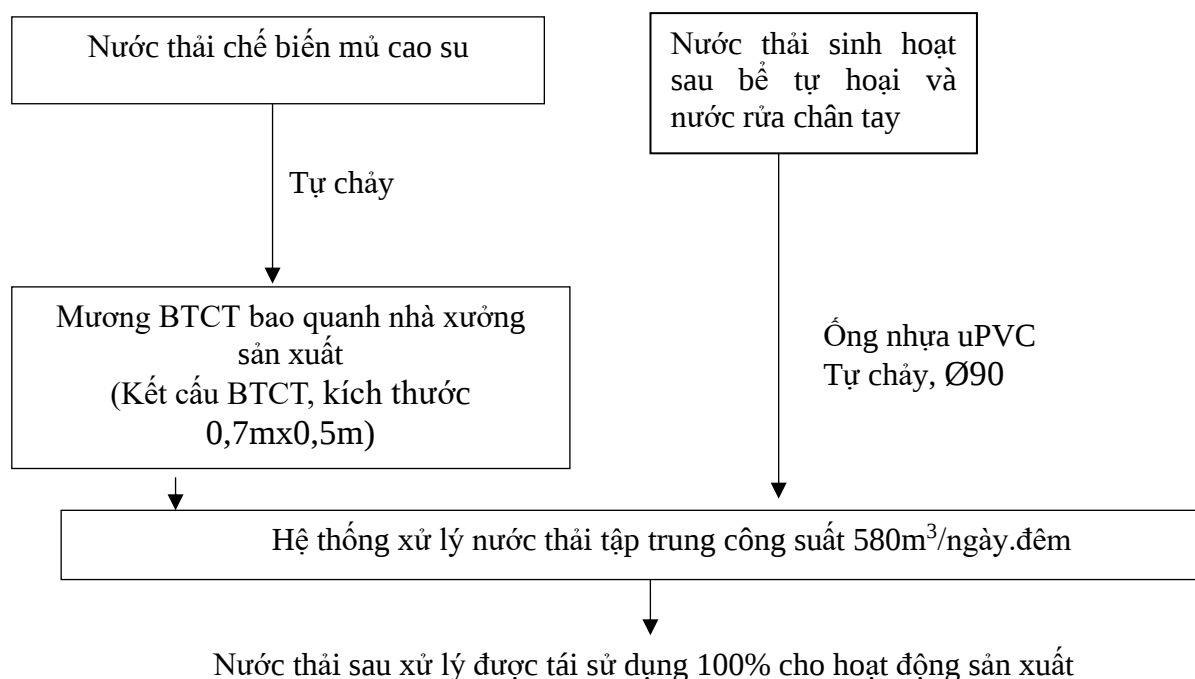
**Hình 3. 1: Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa tại nhà máy**

##### 1.2. Thu gom, thoát nước thải

###### ❖ *Nước thải sinh hoạt:*

Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về HTXLN thải tập trung của Nhà máy để xử lý.

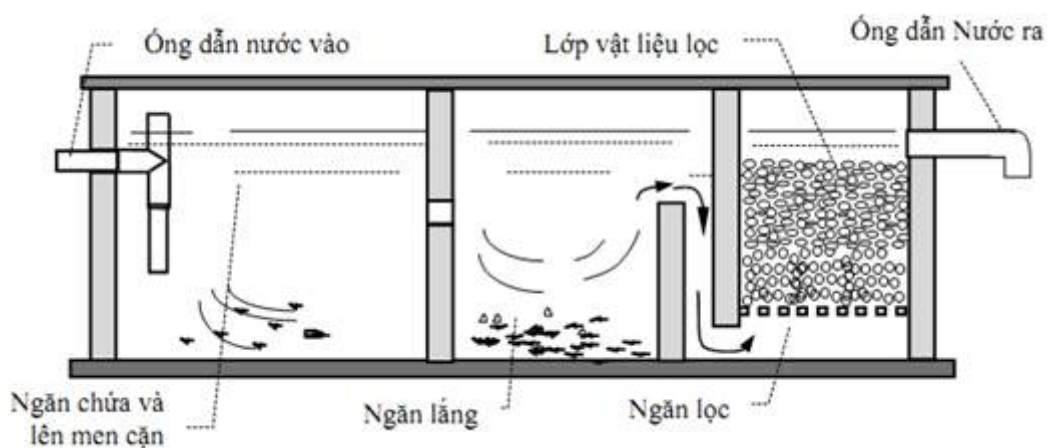
Nước thải từ hoạt động sản xuất bao gồm nước thải từ công đoạn sản xuất mũ SVR 3L, mũ SVR 10,20, mũ ly tâm được thu gom bằng hệ thống mương hở bằng bê tông, kích thước: rộng 0,7m, sâu 0,5m bao quanh nhà xưởng sản xuất sau đó dẫn về hố thu gom tập trung của HTXL nước thải tập trung để xử lý..



**Hình 3. 2: Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải tại nhà máy**

### 1.3. Công trình xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của nhà máy được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của để tiếp tục xử lý. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn như sau:



**Hình 3. 3: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn**

Nguyên lý làm việc của bể tự hoại: Nước thải được thải ra và dẫn đến bể tự hoại. Tại đây, nước thải cặn bã sẽ được xử lý sinh học yếm khí, cặn có trong nước thải được lên men sẽ lắng xuống đáy bể sau đó chảy sang ngăn lọc, sau đó nước thải chảy sang hồ ga. Tại đây, hồ ga sẽ ngưng đọng lại những chất vẫn còn theo nước ra tích tụ lại thành bùn và nước thải sẽ được dẫn vào hệ thống xử lý chung của nhà máy. Đường ống được bố trí theo nguyên lý chảy tràn chênh lệch mực nước từ trên xuống dưới, Khi cặn bã tại bể phốt tự hoại sẽ được hút để tránh cặn bã dồn ứ gây ra tắc cống nước.

Công ty đã xây dựng 02 bể tự hoại với thể tích của mỗi bể tự hoại của nhà máy là  $3\text{m}^3$  (dài x rộng x sâu:  $2\text{m} \times 1\text{m} \times 1,5\text{m}$ ) bố trí tại khu vực nhà ăn và nhà công nhân.

❖ **Nước thải sản xuất**

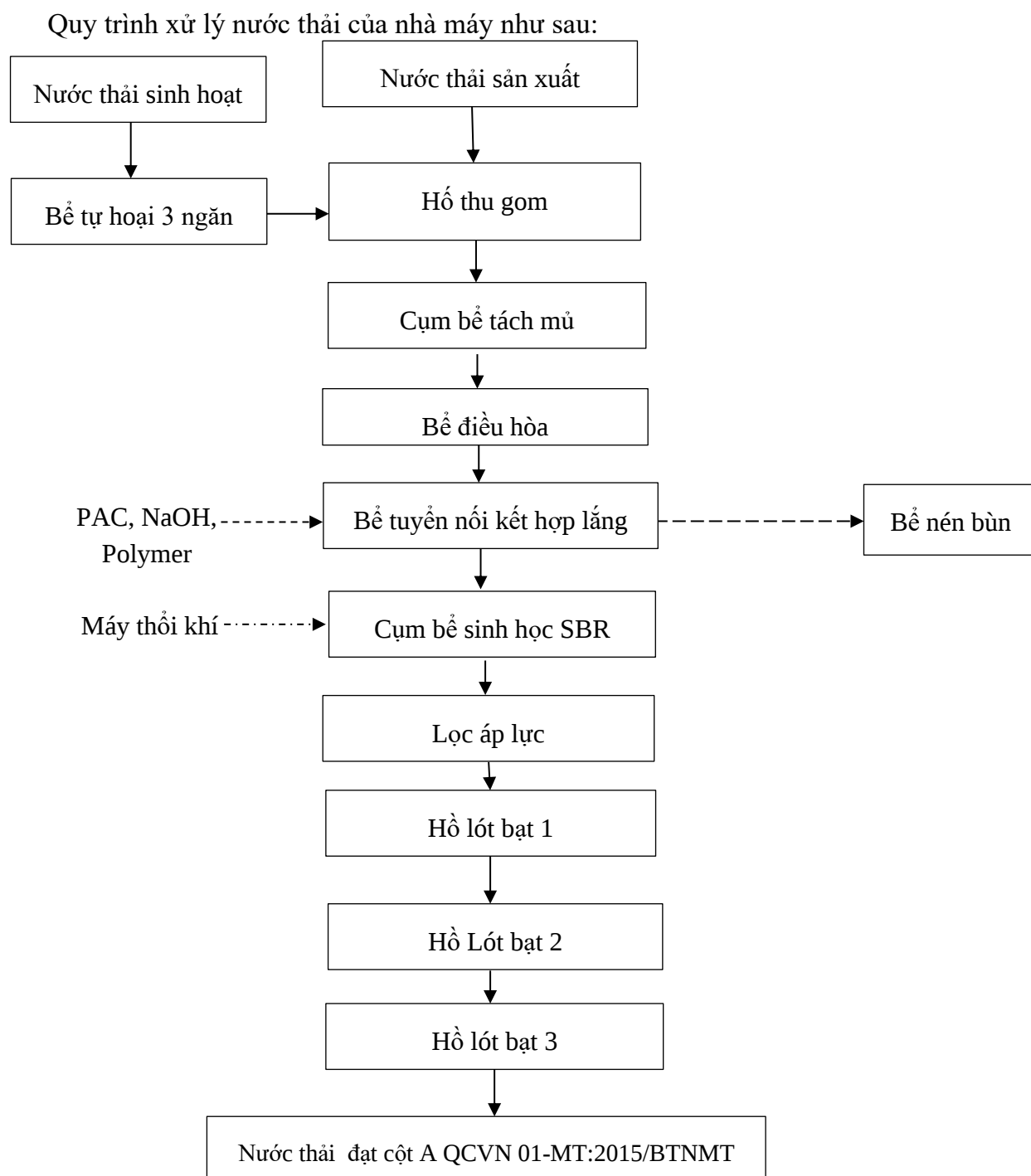
Nhà máy bổ sung thêm dây chuyền sản xuất mủ latex từ mủ nước do đó ngoài nước thải phát sinh từ công đoạn chế biến mủ SVR 3L và SVR 10-20 thì sẽ phát sinh thêm nước thải từ hoạt động sản xuất mủ Latex. Lượng nước thải phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của nhà máy để xử lý, nước thải sau xử lý được tái sử dụng 100% cho hoạt động sản xuất của nhà máy.

**Bảng 3. 1: Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy**

| STT                                                                                                                                              | Loại nước thải phát sinh       | Lưu lượng nước thải                                                             |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 1                                                                                                                                                | Sản xuất mủ Latex – SVR 10,20  | $Q_1 = 280,24 \text{ m}^3/\text{ngày}$                                          |
| 2                                                                                                                                                | Sản xuất mủ SVR 3L - SVR 10,20 | $Q_2 = 341,45 \text{ m}^3/\text{ngày}$                                          |
| Hệ số an toàn                                                                                                                                    |                                | $k=1,2$                                                                         |
| Lưu lượng nước thải cần xử lý xử lý                                                                                                              |                                | $Q_{XL1} = Q_1 \times 1,2 = 280,24 \times 1,2 = 336,29 \text{ m}^3/\text{ngày}$ |
|                                                                                                                                                  |                                | $Q_{XL2} = Q_2 \times 1,2 = 341,15 \times 1,2 = 409,74 \text{ m}^3/\text{ngày}$ |
| Hệ thống xử lý nước thải tập trung đã xây dựng (đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại GXN số 23/GXN-STNMT ngày 9/08/2018) |                                | $Q_{HT} = 580 \text{ m}^3/\text{ngày}$                                          |

Như vậy:

- + Khi sản xuất đồng thời mủ Latex – SVR 10,20 thì lượng nước thải phát sinh cần phải xử lý khoảng  $336,29 \text{ m}^3/\text{ngày}$  (hệ số an toàn 1,2)
- + Khi sản xuất đồng thời mủ SVR 3L – SVR 10,20 thì lượng nước thải phát sinh cần phải xử lý khoảng  $409,74 \text{ m}^3/\text{ngày}$  (hệ số an toàn 1,2)  
→ Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại nhà máy đã xây dựng có công suất  $580 \text{ m}^3/\text{ngày}$  vẫn đảm bảo khả năng xử lý lượng nước thải phát sinh khi nhà máy bổ sung thêm dây chuyền chế biến mủ Latex mà không cần cải tạo hệ thống xử lý nước thải. Dây chuyền chế biến mủ Latex và mủ SVR 3L sẽ hoạt động luân phiên, phụ thuộc vào nhu cầu của thị trường và đơn hàng nhưng đảm bảo không vượt quá công suất của các sản phẩm chế biến từ mủ nước là 2.000 tấn sản phẩm/năm.



Hình 3. 4: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải

❖ **Thuyết minh quy trình xử lý nước thải**

Nước thải từ dây chuyền chế biến mũ SVR 3L, mũ Latex và mũ SVR 10,20 được thu gom bằng hệ thống mương dẫn bao quanh nhà xưởng sản xuất để đưa nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý.

**Hố thu gom:** Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và nước thải sản xuất sẽ được thu gom về hố thu gom, từ hố thu gom nước thải sẽ tự chảy về bể gạn mũ để xử lý

**Cụm bể tách mũ:** Nước thải được đưa về cụm bể tách mũ nhằm thu hồi mũ cao su còn sót lại trong quá trình chế biến, lượng cao su vụn sẽ nổi lên trên bề mặt và được công nhân vớt lên hằng ngày.

**Bể điều hòa:** Nước thải sau đi loại bỏ các mẫu cao su vụn sẽ được dẫn sang bể điều hòa để điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải trước khi được đưa vào công trình chế biến phía sau.

**Bể tuyển nổi kết hợp lắng:** Nước thải sau bể điều hòa được dẫn về bể tuyển nổi kết hợp lắng. Tại bể này sẽ được châm thêm các hóa chất như NaOH, PAC, Polymer nhằm tạo môi trường tối ưu cho quá trình keo tụ, tạo bông được diễn ra tốt nhất. Các bông cặn có tỷ trọng lớn sẽ được lắng xuống đáy bể. Phần bùn lắng sẽ được bơm về bể chứa bùn.

**Bể sinh học SBR:** Nước thải sau bể tuyển nổi kết hợp lắng sẽ được dẫn qua bể SBR, đây là bể sinh học dạng mẻ với 2 giai đoạn sục khí và lắng diễn ra trong cùng một bể. Bể SBR được sử dụng để xử lý nước thải có nồng độ Nito và hợp chất hữu cơ cao, bể hoạt động liên tục bao gồm các quá trình như bơm nước thải – phản ứng – lắng – hút nước ra. Trong bể SBR sẽ diễn ra quá trình loại bỏ hợp chất Nito trong nước thải theo phương pháp phân huỷ vi sinh vật thành hợp chất bền là  $N_2$  trải qua hai quá trình: đầu tiên là oxy hóa hợp chất nito có hóa trị -3 ( $NH_3$ ,  $NH_4^+$ ) lên hóa trị +3, +5 ( $NO_2^-$ ,  $NO_3^-$ ), quá trình này còn gọi được gọi là quá trình Nitrat hóa. Tiếp tục quá trình tiếp theo là khử từ hóa trị dương về hóa trị không ( $N_2$ ), quá trình này được gọi là quá trình khử Nitrat, ngoài ra vi sinh vật còn có khả năng hấp phụ photpho cao hơn mức bình thường do lúc này photpho không chỉ cần cho quá trình tổng hợp, duy trì tế bào và vận chuyển năng lượng mà còn được vi sinh vật dự trữ trong tế bào để sử dụng cho các hoạt động tiếp theo. Oxy trong bể cũng được cung cấp theo dạng mẻ cho vi sinh vật hiếu

khí hoạt động. Trong điều kiện thời khí này, quần thể vi sinh vật hiếu khí tồn tại ở trạng thái lơ lửng (bùn hoạt tính) phân hủy các hợp chất hữu cơ có trong nước thải thành các chất vô cơ đơn giản như CO<sub>2</sub> và nước.

**Lọc áp lực:** Phần nước trong sau từ bể SBR được bơm về bể lọc áp lực nhằm loại bỏ các chất rắn lơ lửng còn sót lại trong nước thải.

Hồ lắng 1,2,3: Nước thải sau bể lọc áp lực được dẫn về các hồ lắng 1,2,3 (hồ đất được lót bạt HDPE) để tiếp tục xử lý. Tại các hồ lắng này sẽ tiếp tục diễn ra quá trình lắng ở đáy hồ, các chất rắn lơ lửng được lắng xuống đáy hồ, đồng thời lượng photpho trong hồ cũng giảm khoảng 57-58%, 44% Nito được loại bỏ, BOD<sub>5</sub> cũng giảm khoảng 80-90%. Tại hồ lắng số 3 sẽ được châm thêm hóa chất khử trùng, hóa chất khử trùng được sử dụng là Clorine.

Nước thải sau xử lý được đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT, được lưu giữ tại hồ lắng số 3 và hồ chứa nước tái sử dụng, được sử dụng cho hoạt động sản xuất của nhà máy.

Hệ thống xử lý nước thải đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 23/GXN-STNMT ngày 09/08/2018.

Hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải đã được xây dựng tại nhà máy như sau:

**Bảng 3. 2: Thống kê công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng**

| STT | Hạng mục thiết kế         | Kích thước<br>LxBxH (m) | Thể tích<br>V(m <sup>3</sup> ) | Số<br>lượng | Cấu tạo               |
|-----|---------------------------|-------------------------|--------------------------------|-------------|-----------------------|
| 1   | Hố thu gom                | 1,0 x 0,5               | 45                             | 1           | BTCT, trát chống thấm |
| 2   | Cụm bể tách mỡ 1          | 32,2 x 31,89 x 2,5      | 2.567,15                       | 1           | BTCT, trát chống thấm |
| 3   | Cụm bể tách mỡ 2          | 23,8 x 10,7 x 2,5       | 636,65                         | 3           | BTCT, trát chống thấm |
| 4   | Bể điều hòa               | 10 x 10 x 2,5           | 250                            | 1           | BTCT, trát chống thấm |
| 5   | Bể tuyển nổi kết hợp lắng | 5,3 x 4,6 x 4,1         | 99,96                          | 1           | BTCT, trát chống thấm |
| 6   | Cụm bể SBR                | 16,9 x 16,4 x 5         | 1.385,8                        | 1           | BTCT, trát chống thấm |

| STT | Hạng mục thiết kế | Kích thước<br>LxBxH (m) | Thể tích<br>V(m <sup>3</sup> ) | Số<br>lượng | Cấu tạo               |
|-----|-------------------|-------------------------|--------------------------------|-------------|-----------------------|
| 7   | Bể lắng           | 2,9 x 2,9 x 3           | 25,23                          | 1           | BTCT, trát chống thấm |
| 8   | Hồ sinh học 1     | 20 x 50 x 5,0           | 5.000                          | 1           | Hồ đất, lót bạt HDPE  |
| 9   | Hồ sinh học 2     | 68 x 120 x 4            | 32.640                         | 1           | Hồ đất, lót bạt HDPE  |
| 10  | Hồ sinh học 3     | 30 x 90 x 6,0           | 16.200                         | 1           | Hồ đất, lót bạt HDPE  |

Chủ dự án cam kết chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT trước khi được tái sử dụng cho hoạt động sản xuất của nhà máy.

## **2. Công trình, biện pháp xử bụi, khí thải**

### **➤ Giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện giao thông**

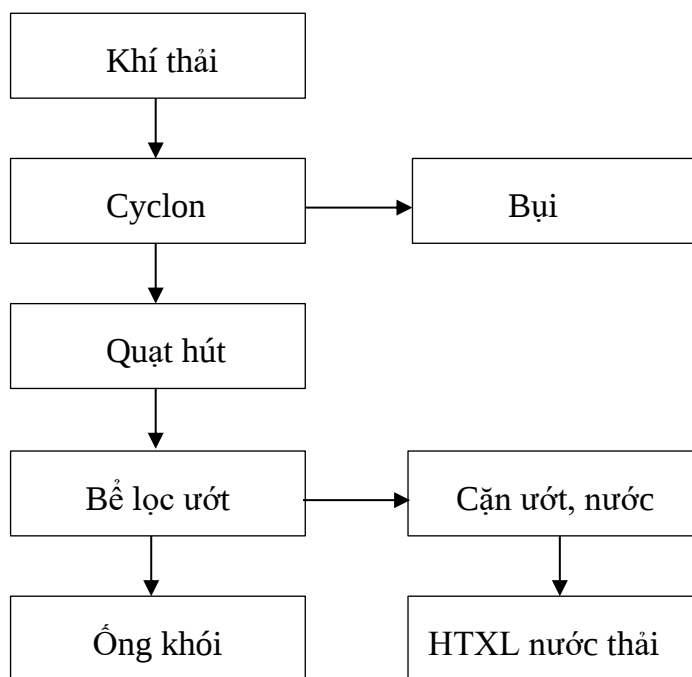
- + Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực nhà máy
- + Không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, không chờ quá tải.
- + Không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng. Kiểm tra, bảo hành xe đúng theo quy định của nhà sản xuất.
- + Điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động cùng thời điểm. Vệ sinh sân bãi và đường bộ hằng ngày.

### **➤ Giảm thiểu mùi từ hoạt động sản xuất**

- + Nguyên liệu thu mua được sử dụng hết trong ngày, thường xuyên vệ sinh kho chứa nguyên liệu.
- + Bố trí phân xưởng thoáng mát, tạo điều kiện thông thoáng gió tự nhiên tại các vị trí ô nhiễm mùi hôi
- + Lắp đặt quạt hút tại khu vực lò sấy, khu vực đánh đông nhằm mục đích phát tán và pha loãng mùi.
- + Các mảnh cao su vụn được thu gom hàng ngày và bán cho đơn vị thu mua, tái sử dụng.
- + Trồng cây xung quanh khu vực nhà máy để giảm bớt mùi hôi lan truyền tới các khu vực khác
- + Có hệ thống cống rãnh dẫn nước thải và công nghệ xử lý nước thải phù hợp, tránh sự tù đọng nước thải có thể dẫn đến việc lên men yếm khí gây mùi hôi.

### **❖ Giảm thiểu khí thải lò dầu tải nhiệt**

Nhà máy sử dụng 01 lò dầu tải nhiệt sử dụng nguyên liệu đốt như củi, gỗ, trấu,... để cấp nhiệt cho quá trình sấy mủ. Hệ thống xử lý khí thải đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 23/GXN-STNMT ngày 09/08/2018, quy trình xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt được trình bày theo sơ đồ sau:



**Hình 3. 5: Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt**

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Khí thải từ lò đốt được quạt hút vào cyclon, lúc này dòng khí thải dưới tác dụng của lực ly tâm, lực quán tính và trọng lực để tách tro bụi ra khỏi khối cho rơi xuống phễu ở đáy và từ đây tro được đưa ra liên tục nhờ van xoáy kín và vít tải bụi để phân ly các hạt bụi ra khỏi dòng khí, đảm bảo thu được trên 95% tro bụi bay theo đường khói. Nhờ quạt hút ly tâm, dòng khí thải từ Cyclone đi qua bể lọc ướt. Tại bể lọc ướt, tro bụi và muội than còn sót lại sẽ được lọc sạch triệt để trước khi thoát ra ngoài bằng ống khói.

Khí thải từ lò đốt sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (hệ số  $K_p=1$ ,  $K_v=1,2$ ) sau đó thoát ra môi trường bằng ống khói đường kính 0,8m, chiều cao 25m bằng thép không gỉ.

### **3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

#### **➤ Chất thải rắn sinh hoạt**

- **Khối lượng phát sinh**

Số lượng lao động tại nhà máy là 40 người. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tối đa là 0,8 kg rác thải/người-ngày (Theo QCVN 01:2021/BXD, áp dụng đối với đô thị loại V). Như vậy, tổng lượng rác thải sinh hoạt của phát sinh là 32 kg/ngày. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp...Chất thải sinh hoạt có chứa 60 – 70% chất hữu cơ và 30 – 40% các chất khác.

**- Biện pháp xử lý**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân, để giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt, chủ đầu tư áp dụng các biện pháp sau: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa thích hợp. Các thùng chứa 60 lít được bố trí tại xưởng sản xuất, nhà bảo vệ,... sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định

➤ **Chất thải rắn thông thường**

Chất thải rắn thông thường phát sinh tại nhà máy chủ yếu là các sản phẩm cao su kém chất lượng, vụn mủ cao su ở khâu cắt dán, dán nhãn hàng hóa bao bì, rác văn phòng. Khối lượng phát sinh các loại bao bì, nhãn dán hàng hoá,... với khối lượng phát sinh khoảng 15 kg/ngày, biện pháp xử lý: thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Đối với quy trình sản xuất mủ ly tâm sẽ phát sinh mủ skim, mủ skim được đánh đông và tận dụng làm nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm từ mủ tạp. Khối lượng mủ skim phát sinh khoảng 280 tấn/năm, tương đương 930kg/ngày.

Đối với quy trình sản xuất mủ SVR 3L sẽ phát sinh lượng mủ vụn khoảng 285,71 tấn/năm, tương đương 952,34 kg/ngày, quy trình sản xuất mủ SVR 10,20 sẽ phát sinh khoảng 300 tấn/năm, tương đương 1.000 kg/ngày. Lượng mủ vụn từ các công đoạn sản xuất sẽ được thu gom và tái sử dụng cho các công đoạn sản xuất tại nhà máy.

➤ **Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải**

Bùn thải từ hệ thống xử lý, lượng bùn phát sinh được tính như sau:

Trong quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp vi sinh, sẽ sinh ra một lượng bùn thải. Lượng bùn cặn phát sinh từ quá trình xử lý nước thải chiếm từ 0,5 -1% tổng lưu lượng nước thải xử lý. Nếu qua phân huỷ kỵ khí, lượng bùn sẽ giảm xuống và chiếm 32% so với thể tích ban đầu.

Chọn mức phát sinh bùn cặn ban đầu bằng 0,8% tổng lưu lượng nước thải. Theo tính toán, với lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất là 341,15m<sup>3</sup>/ngày, ta xác định được lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải là: 0,8% x 341,45x 32% = 0,87m<sup>3</sup>/ngày. Với tỷ trọng của bùn khoảng 0,8 – 1,1 tấn/m<sup>3</sup>. Như vậy, phần bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải là 0,87 x 1,1 = 0,957tấn/ngày = 957 kg/ngày.

Thành phần chủ yếu của bùn thải gồm: nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ được công ty thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, xử lý theo đúng quy định.

**Bảng 3. 3: Khối lượng chất thải rắn thông thường**

| STT | Loại chất thải        | Khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|-----------------------|------------|-------------|
| 1   | Bao bì, nhãn dán,.... | 15         | Kg/ngày     |
| 2   | Bùn thải              | 957        | Kg/ngày     |
| 3   | Mủ vụn                | 1.300      | Kg/ngày     |
| 4   | Mủ skim               | 930        | Kg/ngày     |

(Nguồn: Môi trường Vi Ta tổng hợp)

**4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 2.915 kg/năm ~ 242,92 kg/tháng, cụ thể như sau:

**Bảng 3. 4: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy**

| STT         | Loại chất thải                                                                                                                               | Mã CTNH  | Khối lượng (kg/năm) | Trạng thái tồn tại | Tính chất độc hại |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------|--------------------|-------------------|
| 1           | Dầu nhớt thải                                                                                                                                | 15 01 07 | 400                 | Rắn                | Đ, ĐS             |
| 2           | Bóng đèn huỳnh quang thải                                                                                                                    | 16 01 06 | 05                  | Rắn                | Đ, ĐS             |
| 4           | Bao bì nhựa cứng (thùng, can nhựa đựng hóa chất) thải                                                                                        | 18 01 03 | 2.000               | Rắn                | Đ, ĐS             |
| 5           | Bao bì mềm thải (bao nilon chứa mỡ bò thải)                                                                                                  | 18 01 01 | 05                  | Rắn                | Đ, ĐS             |
| 6           | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | 18 02 01 | 500                 | Rắn                | Đ, ĐS             |
| <b>Tổng</b> |                                                                                                                                              |          | <b>2.915</b>        |                    |                   |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Phương Hậu)

**Chú thích tính chất độc hại:**

| <b>Tính chất nguy hại</b> | <b>Ký hiệu</b> | <b>Mô tả</b>                                                                                                                                                                                            |
|---------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Dễ cháy                   | C              | - <i>Chất thải lỏng dễ cháy</i> : Các chất thải ở thể lỏng, hỗn hợp chất lỏng hoặc chất lỏng chứa chất rắn hòa tan hoặc lơ lửng, có nhiệt độ chớp cháy thấp theo QCKTMT về ngưỡng CTNH.                 |
|                           |                | - <i>Chất thải rắn dễ cháy</i> : Các chất thải rắn có khả năng tự bốc cháy hoặc phát lửa do bị ma sát trong các điều kiện vận chuyển.                                                                   |
|                           |                | - <i>Chất thải có khả năng tự bốc cháy</i> : Các chất thải rắn hoặc lỏng có thể tự nóng lên trong điều kiện vận chuyển bình thường, hoặc tự nóng lên do tiếp xúc với không khí và có khả năng bốc cháy. |
|                           |                | - <i>Chất thải tạo ra khí dễ cháy</i> : Các chất thải khi tiếp xúc với nước có khả năng tự cháy hoặc tạo ra khí dễ cháy.                                                                                |
| Có độc tính               | Đ              | - <i>Gây kích ứng</i> : Các chất thải không ăn mòn có các thành phần nguy hại gây sưng hoặc viêm khi tiếp xúc với da hoặc màng nhầy.                                                                    |
|                           |                | - <i>Gây hại</i> : Các chất thải có các thành phần nguy hại gây các rủi ro sức khỏe ở mức độ thấp thông qua đường ăn uống, hô hấp hoặc qua da.                                                          |
|                           |                | - <i>Gây độc cấp tính</i> : Các chất thải có các thành phần nguy hại gây tử vong, tổn thương nghiêm trọng hoặc tức thời cho sức khỏe thông qua đường ăn uống, hô hấp hoặc qua da.                       |
|                           |                | - <i>Gây độc từ từ hoặc mãn tính</i> : Các chất thải có các thành phần nguy hại gây ảnh hưởng xấu cho sức khỏe một cách từ từ hoặc mãn tính thông qua đường ăn uống, hô hấp hoặc qua da.                |
|                           |                | - <i>Gây ung thư</i> : Các chất thải có các thành phần nguy hại có khả năng gây ra hoặc tăng tỉ lệ mắc ung thư thông qua đường ăn uống, hô hấp hoặc qua da.                                             |
|                           |                | - <i>Gây độc cho sinh sản</i> : Các chất thải có các thành phần nguy hại có khả năng gây tổn thương hoặc suy giảm khả năng sinh sản của con người thông qua đường ăn uống, hô hấp hoặc qua da.          |
|                           |                | - <i>Gây đột biến gen</i> : Các chất thải có các thành phần nguy hại gây ra hoặc tăng tỷ lệ tổn thương gen di truyền thông qua đường ăn uống, hô hấp hoặc qua da.                                       |
|                           |                | - <i>Sinh khí độc</i> : Các chất thải có các thành phần mà khi tiếp xúc với không khí hoặc với nước sẽ giải phóng ra khí độc, gây nguy hiểm đối với người và sinh vật.                                  |
| Có độc tính sinh thái     | ĐS             | Các chất thải có các thành phần nguy hại gây tác hại nhanh chóng hoặc từ từ đối với môi trường và các hệ sinh vật thông qua tích lũy sinh học.                                                          |

| <b>Tính chất nguy hại</b> | <b>Ký hiệu</b> | <b>Mô tả</b>                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lây nhiễm                 | LN             | Các chất thải có vi sinh vật hoặc độc tố sinh học gây nhiễm trùng hoặc bệnh tật cho người và động vật.                                                                                                                                                              |
| Ăn mòn                    | AM             | Các chất thải thông qua phản ứng hóa học gây tổn thương nghiêm trọng các mô sống hoặc phá hủy các loại vật liệu, hàng hóa và phương tiện vận chuyển. Thông thường đó là các chất hoặc hỗn hợp các chất có tính axit mạnh hoặc kiềm mạnh theo QCKTMT về ngưỡng CTNH. |

Chất thải có thành phần nguy hại từ quá trình chế biến mủ chủ yếu như dầu nhót thải, bao bì đựng hóa chất,... được thu gom và đem lưu giữ tại thùng chứa theo quy định. Công ty thực hiện các biện pháp:

- + Lưu trữ chất thải nguy tại nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 10m<sup>2</sup> có nền gạch, mái che, tường bao, có rãnh thoát nước, có dấu hiệu cảnh báo theo đúng quy định, đã được xác nhận tại giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 23 GXN – STNMT ngày 09/08/2017.
- + Công ty đã được cấp Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 70.000083.T cấp lần đầu ngày 31/10/2011 và ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh nhà máy.

## **5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn**

### **➤ Tiếng ồn từ máy phát điện và phương tiện giao thông**

Trong quá trình hoạt động của dự án, nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu là tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển và máy phát điện, cộng vào đó là tiếng ồn tự hoạt động sản xuất. Để giảm thiểu hơn nữa tiếng ồn phát sinh, một số biện pháp giảm ồn được đề xuất như sau:

- Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ xe tải và máy phát điện).
- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly cách xa khu vực nhà kho, máy được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn. Các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm lên xuống xe.

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành**

### **❖ Sự cố cháy nổ**

- Khi xây dựng cần quy định rõ khu nhà kho, khu trữ dầu đảm bảo vệ sinh, dọn sạch khi vận chuyển nguyên vật liệu, và khi lắp đặt thiết bị cần thiết phải thực hiện hệ thống thông gió để giảm nồng độ chất gây cháy, giảm nhiệt độ không

khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển... Đồng thời trong các giai đoạn công nghệ cần lưu ý tiếp đất cho các thiết bị.

- Các máy móc, thiết bị đặc biệt là lò dầu tải nhiệt phải được kiểm định an toàn, chất lượng kèm theo, thường xuyên theo dõi các thông số kỹ thuật.
- Công nhân hoặc cán bộ vận hành phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật.
- Bố trí tiêu lệnh PCCC, các bình CO<sub>2</sub> chữa cháy tại các vị trí thích hợp của khu vực dễ cháy nổ, như kho chứa nhiên liệu, kho chứa thức ăn, khu vực chứa chất thải.
- Tiến hành tập huấn PCCC cho công nhân viên của Công ty.

*Ứng phó sự cố cháy nổ:*

- Thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả;
- Báo động cho nhân viên sơ tán ra khu vực an toàn;
- Dập lửa khi lửa còn nhỏ bằng nước, cát, bình CO<sub>2</sub>;
- Gọi điện cho đội cứu hỏa đến để chữa cháy kịp thời.

❖ **Tai nạn lao động**

Các biện pháp để bảo vệ an toàn lao động cho người công nhân là không thể thiếu. Do tính chất độc hại đã được đề cập ở trên, việc tiếp xúc thường xuyên với các yếu tố ô nhiễm sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của công nhân. Vì vậy công ty phải quan tâm đến các yếu tố vi khí hậu nhằm đảm bảo môi trường lao động an toàn và hợp vệ sinh cho công nhân. Trang bị đầy đủ các phục trang cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho công nhân. Các trang phục này bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt, ủng... Ngoài ra trong những trường hợp cần thiết phải sử dụng thêm quạt thông gió để làm thoáng và mát cục bộ. Các điều kiện về ánh sáng và tiếng ồn cũng cần được tuân thủ chặt chẽ.

Bên cạnh đó, Công ty cũng phải đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường lao động cho người công nhân. Cụ thể là các hệ thống thông thoáng trong phân xưởng phải hoạt động thường xuyên một mặt đảm bảo lượng không khí sạch tối thiểu cho công nhân mặt khác đảm bảo nồng độ các chất độc hại trong phân xưởng dưới tiêu chuẩn cho phép. Hệ thống chiếu sáng phải hoạt động tốt để đạt được các qui định về chiếu sáng cho công nhân lao động trong phân xưởng thuộc loại này. Trong những trường hợp có sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng.

Phòng chống sét: Để ngăn ngừa sét đánh gây thiệt hại cho người và tài sản, Công ty cần phải lắp đặt hệ thống chống sét cho các xưởng sản xuất theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

❖ **Phòng ngừa sự cố hóa chất**

Để phòng ngừa, giảm thiểu sự cố do hóa chất, Công ty đã phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo hướng dẫn tại Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/04/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Kho chứa
  - + Phải chịu được lửa, nhiệt độ cao, không phản ứng hóa học và không thấm chất lỏng. Sàn nhà phải được thiết kế bề mặt không gồ ghề để dễ dọn sạch, không thấm nước. Có lối ra, vào phù hợp. Có ánh sáng nhân tạo hoặc tự nhiên thích hợp nhờ các cửa thông gió hoặc hệ thống đèn. Cửa thông gió không được phép để ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp vào hóa chất bởi tia cực tím có thể hủy hoại thùng chứa và hóa chất bên trong. Đèn điện và những công tắc phải được đặt ở vị trí thích hợp để tránh hư hỏng và cần có khoảng cách nhất định giữa các đèn và chỗ chứa hóa chất nhằm tránh việc truyền nhiệt.
  - + Có hệ thống thông gió phù hợp, những nơi việc thông gió tự nhiên không đủ thì phải lắp đặt quạt thông gió.
  - + An ninh nhà kho là quan trọng nhằm ngăn chặn kẻ trộm hoặc những người không có thẩm quyền lạm dụng hóa chất.
- Bao bì thùng chứa hóa chất
  - + Thường xuyên kiểm tra nhằm đảm bảo tất cả các hóa chất được chứa trong các vật chứa thích hợp với nhãn hợp lệ và bản dữ liệu an toàn hóa chất mới nhất.
  - + Các nhãn biểu trưng nguy hiểm phải được thể hiện bằng tiếng Việt, rõ ràng, không mờ nhạt, không mất chữ.
  - + In trực tiếp trên bao bì chứa hàng hóa nếu in trên các tấm giấy hoặc trên các chất liệu khác thì chúng phải được gắn chặt vào bao bì.
- Ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất:

Báo động

- + Ngay lập tức báo cho công nhân hay trưởng ca hay phụ trách gần nơi chảy tràn, rò rỉ hóa chất.
- + Báo cho trung tâm bảo vệ sức khỏe và môi trường (nếu cần).

Xác định vị trí hóa chất tràn đổ, rò rỉ

- + Nhanh chóng xác định hóa chất chảy tràn từ thùng, bể chứa nào.
- + Xác định tên, vị trí chảy tràn, đường ống, van...

Mang thiết bị bảo hộ lao động

- + Mặt nạ phòng độc, khẩu trang phòng độc,....
- + Các bảo hộ cá nhân khác,...

Tắt nguồn gây tràn: tắt các đường ống, van, thùng chứa gây rò rỉ

- + Đóng các van cần thiết hay tắt bơm liên quan để không cho tiếp tục gây tràn.

- + Để tránh trường hợp này, chuẩn bị bao cát, bông thấm ở những nơi cần thiết... và dùng các vật liệu này để thấm hóa chất chảy tràn hay rò rỉ.

Cô lập khu vực rò rỉ

- + Dùng biển báo thanh chắn, hàng rào hay cho người đứng canh chừng không cho bất cứ ai đi qua khu vực rò rỉ.
- + Đóng tất cả các van xả hay dùng các phương tiện khác (nếu được) để ngăn không cho hóa chất rò rỉ, chảy tràn xuống đất, hệ thống cống...
- + Dùng thùng hứng các hóa chất rò rỉ.
- + Thu hồi hóa chất chảy tràn, đổ.
- + Sửa chữa chỗ rò rỉ, vệ sinh sau sự cố.
- + Lập biên bản và viết báo cáo nguyên nhân và hậu quả sự cố.

❖ **Sự cố bể tự hoại**

- + Định kỳ bơm hút bể tự hoại.
- + Nếu xảy ra sự cố, Chủ Dự án sẽ kịp thời sửa chữa, khắc phục để tránh gây tác động tới môi trường.

❖ **Sự cố đối với HTXL nước thải**

- + Có nhân viên vận hành đúng chuyên môn. Thường xuyên kiểm tra hệ thống để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- + Các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xử lý nước thải đa số đều có mua thiết bị dự phòng. Tuy nhiên nếu xảy ra sự cố, Công ty sẽ báo ngay với đơn vị có chức năng để sửa chữa kịp thời và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường.
- + Đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố thì toàn bộ lượng nước thải phát sinh được lưu chứa tạm thời tại hồ chứa nước thải sau xử lý, sau khi khắc phục sự cố xong nước thải được bơm về cụm xử lý để tiếp tục xử lý.
- + Định kỳ 6 tháng/lần công ty sẽ tiến hành quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý, trong trường hợp nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn theo quy định, công ty sẽ lưu chứa nước tại hồ, không tái sử dụng, kiểm tra các công đoạn của hệ thống, bổ sung vi sinh và bơm nước thải quay trở lại quy trình để xử lý.

**7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: không có**

**8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

Dự án đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 02/04/2009, đồng thời nhà máy cũng được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 23/GXN-STNMT ngày 09/08/2018. Các công trình

bảo vệ môi trường hiện tại không thay đổi so với giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 23/GXN-STNMT ngày 09/08/2018.

Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu của thị trường về mũ Latex, Công ty đã có Công văn số 04/2024/CV-PH ngày 23/8/2024 về việc đề nghị lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất mũ cao su ly tâm. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước đã có văn bản số 3098/STNMT – CCBVMT ngày 17/10/2024 về việc ý kiến môi trường đối với dự án nhà máy chế biến mũ cao su Phương Hậu của Công ty TNHH MTV Phương Hậu. Cụ thể các thay đổi của nhà máy như sau:

**Bảng 3. 5: Nội dung thực tế xin điều chỉnh, bổ sung so với ĐTM đã được phê duyệt**

| STT | Nội dung                      | Theo ĐTM được phê duyệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Xin điều chỉnh, bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Quyết định phê duyệt điều chỉnh của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|-------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Quy mô, công suất của nhà máy | Theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, Nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu sản xuất với công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm bao gồm 02 dây chuyền chế biến mủ cốm từ mủ tạp (thành phẩm là mủ cao su sơ chế SVR 10), công suất 3.000 tấn/năm và chế biến mủ cốm từ mủ nước (thành phẩm là mủ cao su sơ chế SVR 3L), công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm. | <p>Công ty xin lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất mủ ly tâm từ mủ nước với công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm bao gồm công suất của mủ ly tâm và mủ SVR 3L.</p> <p>Như vậy, sau khi bổ sung thêm dây chuyền sản xuất mủ ly tâm từ mủ nước, quy mô, công suất sản xuất các sản phẩm của của nhà máy như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Sản phẩm từ mủ nước (mủ latex, mủ SVR 3L): 2.000 tấn sản phẩm/năm</li><li>+ Sản phẩm từ mủ tạp (mủ SVR 10,20) : 3.000 tấn sản phẩm/năm.</li></ul> | <p>Công ty đã có Công văn số 04/2024/CV-PH ngày 23/8/2024 về việc đề nghị lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất mủ cao su ly tâm. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước đã có văn bản số 3098/STNMT – CCBVMT ngày 17/10/2024 về việc ý kiến môi trường đối với dự án nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu.</p> <p>Theo văn bản 3098/STNMT – CCBVMT ngày 17/10/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường, căn cứ theo điểm d khoản 2 điều 42 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 quy định cơ sở sản xuất đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật này có hiệu lực phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy phép xả nước thải</p> |

|   |                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|---|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                              | vào nguồn nước,... (gọi chung là giấy phép môi trường thành phần). Giấy phép môi trường thành phần được sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu thi hành trong trường hợp giấy phép môi trường thành phần không xác định thời hạn. Do đó, Công ty Phương Hậu sau 5 năm kể từ ngày Luật Bảo vệ Môi trường có hiệu lực thi hành phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường cho nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu và tích hợp thêm việc lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất mủ ly tâm vào báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trong quá trình cấp giấy phép môi trường. |
| 2 | Công trình hệ thống xử lý nước thải tập trung | Nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 23/GXN-STNMT ngày 09/08/2018. Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 580 m <sup>3</sup> /ngày để xử lý nước thải phát sinh | Sau khi bổ sung thêm dây chuyền sản xuất mủ ly tâm, sẽ phát sinh thêm nước thải từ dây chuyền sản xuất mủ ly tâm.<br><br>Theo tính toán của Công ty, trong trường hợp sản xuất đồng thời mủ ly tâm và mủ SVR 10,20 thì lượng | -                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

|   |                                                 |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |
|---|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
|   |                                                 | <p>hoạt động sản xuất và sinh hoạt của nhà máy.</p>                                                                | <p>nước thải phát sinh khoảng 336,29 m<sup>3</sup>/ngày (hệ số an toàn k=1,2); sản xuất đồng thời mỏ SVR 3L và mỏ SVR 10-20 thì lượng nước thải phát sinh khoảng 409,74 m<sup>3</sup>/ngày (hệ số an toàn k=1,2).</p> <p>Như vậy, lượng nước thải phát sinh lớn nhất khi sản xuất đồng thời mỏ SVR 3L và mỏ SVR 10,20. Do đó, khi nhà máy bố trí thêm dây chuyền sản xuất mỏ ly tâm thì hệ thống xử lý của nhà máy đã được xây dựng có công suất 580 m<sup>3</sup>/ngày vẫn có khả năng xử lý thêm phần nước thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất mỏ ly tâm.</p> <p>Quy trình xử lý nước thải của nhà máy không thay đổi so với giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 23/GXN-STNMT ngày 09/08/2018</p> |   |
| 3 | <p>Phương án xả thải, tái sử dụng nước thải</p> | <p>Theo quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của nhà máy chế biến mỏ cao su Phương Hậu số</p> | <p>Theo giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 23/GXN-STNMT ngày 09/08/2018,</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | - |

|  |  |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                     |  |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  | 835/QĐ-UBND ngày 02/4/2009, nước thải sản xuất tại nhà máy sau xử lý đạt QCVN 01:2008/BTNMT (nguồn thải A, $K_q = 0,9$ , $K_f = 1$ ) trước khi xả thải ra suối Bù Nôm. | nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT, được tái sử dụng phục vụ sản xuất hoặc xả thải ra suối Bù Nôm.<br><br>Thực tế, Công ty tái sử dụng 100% lượng nước thải cho hoạt động sản xuất, không xả thải ra suối Bù Nôm. |  |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

**9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp: không có**

**10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không có.**

## CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

❖ **Nguồn phát sinh nước thải của cơ sở gồm 02 nguồn thải chính:**

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt
- + Nguồn số 02: Nước thải sản xuất (hoạt động chế biến mủ SVR 3L, SVR 10-20)

❖ **Lưu lượng nước thải phát sinh:**

- + Nguồn số 01: Lưu lượng tối đa khoảng 4,0 m<sup>3</sup>/ngày đêm
- + Nguồn số 02: Lưu lượng nước thải tối đa là 337,45 m<sup>3</sup>/ngày đêm

Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 580 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

❖ **Dòng nước thải:** Dự án có 02 nguồn nước thải gồm nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt. Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT được tái sử dụng cho hoạt động sản xuất của nhà máy.

❖ **Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:**

Nước thải của dự án là nước thải sinh hoạt, sản xuất được xử lý đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên; giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải như sau:

**Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của cơ sở**

| STT | THÔNG SỐ         | ĐƠN VỊ | QCVN 01-MT:2015/BTNMT, Giá trị C - Cột A |
|-----|------------------|--------|------------------------------------------|
| 1   | pH               | -      | 6 - 9                                    |
| 2   | BOD <sub>5</sub> | mg/L   | 30                                       |
| 3   | COD              | mg/L   | 100                                      |
| 4   | TSS              | mg/L   | 50                                       |
| 5   | Tổng Nitơ        | mg/L   | 50                                       |
| 6   | Amoni            | mg/L   | 15                                       |

 **Phương án tái sử dụng**

Lượng nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên được tái sử dụng 100% cho hoạt động sản xuất của nhà máy mà không thải ra môi trường. Nước thải sau xử lý được chứa ở Hồ lắng số 3 và ở 02 hồ chứa nước tái sử dụng khác để sử dụng cho hoạt động sản xuất của nhà máy.

Vì vậy, Công ty không đề nghị cấp phép xả thải đối với nước thải theo quy định tại Khoản 1, Điều 39, Luật Bảo vệ môi trường.

## 2. Nội dung cấp phép đối với khí thải

### ❖ Nguồn phát sinh khí thải

- + Nguồn số 1: khí thải từ lò dầu tải nhiệt

### ❖ Dòng khí thải, vị trí xả thải

#### - Vị trí xả thải

Cơ sở có tổng cộng 01 dòng khí thải sau xử lý ra môi trường

- Dòng khí thải số 1: X=1.309.379, Y= 548.950

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3°).

#### - Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- + Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 20.000m<sup>3</sup>/giờ

### ❖ Phương thức xả thải

- + Dòng khí thải số 1: khí thải lò hơi sau xử lý được xả ra môi trường thông qua ống thải D=800; H=18m, xả liên tục khi sử dụng.

### ❖ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Khí thải từ ống thoát khí của lò hơi phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT, Kp = 1 và Kv=1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải như sau:

**Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải của cơ sở**

| TT | Thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép                       | Đơn vị             | QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B (Kp=1 và Kv=1,2) |
|----|---------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------|
| 1  | Bụi tổng                                                | mg/Nm <sup>3</sup> | 240                                        |
| 2  | Cacbon oxit, CO                                         | mg/Nm <sup>3</sup> | 1.200                                      |
| 3  | Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub>                       | mg/Nm <sup>3</sup> | 600                                        |
| 4  | Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) | mg/Nm <sup>3</sup> | 1.020                                      |

## 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

### ❖ Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt
- Nguồn số 2: Khu vực hệ thống xử lý nước thải

### ❖ Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: X=1.309.379, Y= 548.950
- Nguồn số 2: X= 1.309.403; Y= 548.933

(Theo hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3°, kinh tuyến trực 106°15').

❖ **Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Tiếng ồn

| TT | Từ 6 – 21 giờ<br>(dBA) | Từ 21 – 6 giờ<br>(dBA) | Tần suất quan<br>trắc định kỳ | Ghi chú              |
|----|------------------------|------------------------|-------------------------------|----------------------|
| 1  | 70                     | 55                     | -                             | Khu vực thông thường |

Độ rung

| T | Thời gian áp dụng trong<br>ngày và mức gia tốc rung cho<br>phép, dB |               | Tần suất<br>quan<br>trắc<br>định kỳ | Ghi chú              |
|---|---------------------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------|----------------------|
|   | Từ 6 – 21 giờ                                                       | Từ 21 – 6 giờ |                                     |                      |
|   | 70                                                                  | 60            | -                                   | Khu vực thông thường |

**4. Đề nghị cấp phép dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:**  
**Không có**

**5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất: không có**

## CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

**Bảng 5. 1: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải**

| Ký hiệu/Thời gian<br>quan trắc         | THÔNG SỐ/ĐƠN VỊ |                  |            |           |           |           |        |           |
|----------------------------------------|-----------------|------------------|------------|-----------|-----------|-----------|--------|-----------|
|                                        | pH              | BOD <sub>5</sub> | COD        | TSS       | Tổng Nito | Amoni     | Tổng P | Coliform  |
|                                        | -               | mg/L             | mg/L       | mg/L      | mg/L      | mg/L      | mg/L   | MPN/100ml |
| <b>22/01/2021</b>                      |                 |                  |            |           |           |           |        |           |
| <b>NT1</b>                             | 6,93            | 1.239            | 2.648      | 527       | 83,1      | 33,6      | 4,25   | 3.200     |
| <b>NT2</b>                             | 7,14            | 26,4             | 84,3       | 23,6      | 42,5      | 9,27      | 1,71   | 2.200     |
| <b>06/5/2021</b>                       |                 |                  |            |           |           |           |        |           |
| <b>NT1</b>                             | 6,75            | 1.570            | 2.310      | 491       | 92,4      | 65,1      | 5,18   | 3.100     |
| <b>NT2</b>                             | 6,82            | 21,4             | 73,8       | 42,4      | 38,1      | 9,46      | 2,81   | 2.200     |
| <b>27/10/2021</b>                      |                 |                  |            |           |           |           |        |           |
| <b>NT1</b>                             | 6,32            | 1.540            | 2.859      | 753       | 73,1      | 49,4      | 5,28   | 4.000     |
| <b>NT2</b>                             | 6,57            | 21,8             | 79,3       | 40,4      | 38,5      | 11,6      | 2,49   | 2.300     |
| <b>16/12/2021</b>                      |                 |                  |            |           |           |           |        |           |
| <b>NT1</b>                             | 6,37            | 1.438            | 2.202      | 648       | 82,4      | 71,1      | 5,49   | 2.700     |
| <b>NT2</b>                             | 6,56            | 27,1             | 56,3       | 41,2      | 41,2      | 8,38      | 1,75   | 2.100     |
| <b>07/01/2022</b>                      |                 |                  |            |           |           |           |        |           |
| <b>NT1</b>                             | 6,24            | 1.423            | 2.634      | 456       | 83,2      | 31,5      | 4,51   | 3.400     |
| <b>NT2</b>                             | 7,02            | 22,8             | 82,5       | 35,6      | 23,7      | 6,54      | 1,38   | 2.100     |
| <b>26/05/2022</b>                      |                 |                  |            |           |           |           |        |           |
| <b>NT1</b>                             | 6,42            | 1.652            | 2.741      | 534       | 94,5      | 46,9      | 4,57   | 3.840     |
| <b>NT2</b>                             | 6,69            | 25,1             | 79,3       | 21,6      | 36,3      | 6,41      | 1,36   | 2.80      |
| <b>15/09/2022</b>                      |                 |                  |            |           |           |           |        |           |
| <b>NT1</b>                             | 6,5             | 1.539            | 2.240      | 580       | 94,7      | 41,2      | 3,98   | 3.640     |
| <b>NT2</b>                             | 7,1             | 24,6             | 70,4       | 38,0      | 32,5      | 6,24      | 1,14   | 2.380     |
| <b>01/12/2022</b>                      |                 |                  |            |           |           |           |        |           |
| <b>NT1</b>                             | 6,4             | 1.840            | 2.368      | 637,2     | 71,7      | 31,8      | 4,46   | 3.840     |
| <b>NT2</b>                             | 7,1             | 34,4             | 83,2       | 37,6      | 31,4      | 7,92      | 1,74   | 2.540     |
| <b>QCVN 01-MT:2015/BTNMT<br/>cột A</b> | -               | <b>30</b>        | <b>100</b> | <b>50</b> | <b>50</b> | <b>15</b> | -      | -         |

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
  - + NT1: Nước thải đầu vào HTXLNT
  - + NT2: Nước thải đầu ra HTXLNT
  - + “-” : Không quy định

**2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.**

**Bảng 5. 2: Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải HTXL lò dầu tải nhiệt**

| Thời gian quan trắc               | Kết quả thử nghiệm (KT)       |                          |                                      |                                      |                         |                                       |                                      |
|-----------------------------------|-------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|
|                                   | Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h) | Bụi (mg/m <sup>3</sup> ) | NO <sub>2</sub> (mg/m <sup>3</sup> ) | SO <sub>2</sub> (mg/m <sup>3</sup> ) | CO (mg/m <sup>3</sup> ) | H <sub>2</sub> S (mg/m <sup>3</sup> ) | NH <sub>3</sub> (mg/m <sup>3</sup> ) |
| 22/01/2021                        | 11.424                        | 185                      | 683                                  | 412                                  | 874                     | 2,41                                  | 9,47                                 |
| 06/05/2021                        | 11.493                        | 185                      | 694                                  | 392                                  | 810                     | 3,58                                  | 23,7                                 |
| 27/10/2021                        | 12.480                        | 191                      | 713                                  | 427                                  | 934                     | 3,58                                  | 11,4                                 |
| 07/01/2022                        | 11.650                        | 146                      | 629                                  | 382                                  | 943                     | 1,34                                  | 9,16                                 |
| 26/05/2022                        | 11.780                        | 156                      | 561                                  | 313                                  | 937                     | 1,74                                  | 9,86                                 |
| 15/09/2022                        | 14.483                        | 121                      | 590                                  | 235                                  | 863                     | 1,27                                  | 7,58                                 |
| 01/12/2022                        | 13.340                        | 127                      | 470                                  | 319                                  | 842                     | 1,14                                  | 8,46                                 |
| <b>QCVN 19:2009/BTNMT T cột B</b> | --                            | <b>200</b>               | <b>850</b>                           | <b>500</b>                           | <b>1.000</b>            | <b>7,5</b>                            | <b>50</b>                            |

Ghi chú:

- KT: Khí thải tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt
- (-): Không quy định;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

## CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Công ty TNHH MTV Phương Hậu đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư Nhà máy chế biến mùn cao su Phương Hậu, công suất 5.000 tấn/năm tại ấp Bù Nôm, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tại quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 02/04/2009; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 23/GXN-STNMT ngày 09/08/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước. Do đó, Công ty sẽ không đề xuất thời gian vận hành thử nghiệm kế hoạch quan trắc chất thải.

/ - s t r o n

### 2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

#### a. Giám sát môi trường nước thải

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại hồ nước thải sau xử lý.
- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Tổng N.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 01-MT:2015/BTNMT, Cột A Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên

#### b. Giám sát chất lượng khí thải

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại ống thải sau hệ thống xử lý lò dầu tải nhiệt
- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, Bụi, NO<sub>2</sub>, CO, SO<sub>2</sub>
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT

#### c. Giám sát chất thải rắn

- Thường xuyên theo dõi, giám sát tổng lượng thải rắn phát sinh; giám sát lượng CTRNH tại nơi lưu giữ tạm thời.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy định áp dụng: Luật số 72/2020/QH14, nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

### 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường của cơ sở trong mỗi đợt khoảng 35.000.000 VNĐ.

## CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Thực hiện Quyết định số 511/QĐ-STNMT ngày 17/11/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước về kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước đối với các dự án chế biến mủ cao su trên địa bàn tỉnh Bình Phước và có kết luận kiểm tra số 24/KLKTr-STNMT ngày 10/03/2023, kết quả kiểm tra đối với Công ty TNHH MTV Phương Hậu như sau:

### ❖ *Việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường*

Công ty đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 02/4/2009; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 23/GXN-STNMT ngày 09/8/2019

Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp số đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: hộp mực in thải có thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm thành phần nguy hại; pin, ắc quy chì thải,...); đã thực hiện việc quản lý chất thải theo đúng quy định.

Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho HTXL nước thải.

Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 550 m<sup>3</sup>/ngày. Đem được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước cho thấy các thông số phân tích đều đạt quy chuẩn cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do Công ty sử dụng nguyên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá

### ❖ *Việc chấp hành pháp luật về đất đai*

Nhà máy chế biến mủ cao su – Công ty TNHH MTV Phương Hậu được thực hiện trên thửa đất có diện tích 24.517,5m<sup>2</sup>, được UBND tỉnh cấp giấy GCNQSD đất vào sổ số CT002485 ngày 27/3/2012, thửa đất có diện tích 7.021,0m<sup>2</sup>, được UBND tỉnh cấp giấy GCNQSD đất vào sổ số CT001922 ngày 23/02/2011, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Hiện trạng sử dụng đất: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 02ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định

Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Công ty đã thực hiện việc nộp tiền sử dụng đất hàng năm theo quy định.

**❖ *Việc chấp hành luật pháp tài nguyên nước***

Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại giấy phép số 26/GP-UBND ngày 28/12/2012, thời hạn được cấp phép là 10 năm; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Hiện tại giấy phép đã hết hạn.

Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, kết quả quan trắc theo quy định.

Từ những kết quả kiểm tra trên, yêu cầu Công ty TNHH MTV Phương Hậu lập thủ tục cấp phép khai thác sử dụng nguồn nước theo đúng quy định.

*(Kết luận kiểm tra 24/KLKTr-STNMT ngày 10/03/2023 được đính kèm ở phụ lục của báo cáo này)*

## **CHƯƠNG IV. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty cam kết sẽ xử lý chất thải theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Cam kết sẽ xử lý nước thải đầu ra đạt QCVN 01-MT:2015/BTNMT, Cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên. Công ty cam kết không xả nước thải chưa qua xử lý vào nguồn tiếp nhận và môi trường xung quanh. Công ty cam kết thu gom nước mưa và nước thải riêng biệt, không để nước mưa chảy tràn vào hồ chứa nước thải, không để nước thải chảy tràn gây ảnh hưởng tới môi trường, nếu có sự cố xảy ra công ty xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.
- Cam kết chất lượng khí thải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ
- Cam kết các chỉ tiêu trong nước ngầm tại giếng khoan trong nhà máy đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 09:2023/BTNMT.
- Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.
- Công ty cam kết thực hiện các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo báo cáo mô tả và đền bù thiệt hại khi xảy ra sự cố môi trường.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

## **1. HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN**

## **2. BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 3800436457**

*Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 11 năm 2008*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 21 tháng 07 năm 2015*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHƯƠNG HẬU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUONG HAU ONE MEMBER CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Ấp Bù Nôm, Xã Lộc Phú, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

Điện thoại: 0651.3.515399

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ** 16.000.000.000 đồng

*Bằng chữ: Mười sáu tỷ đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ và tên: NGUYỄN VĂN PHÚC

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 285279020

Ngày cấp: 06/09/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Phước

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Ấp Hiệp Tân, Xã Lộc Hiệp, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Ấp Hiệp Tân, Xã Lộc Hiệp, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN PHÚC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 285279020

Ngày cấp: 06/09/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Phước

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Hiệp Tân, Xã Lộc Hiệp, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp Hiệp Tân, Xã Lộc Hiệp, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Phú



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**

Số 44121000068  
Cấp lớn nhất ngày 18 / 11 / 2009

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 27/10/2008 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư cho các Nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh ban hành giá các loại đất năm 2009 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1020/TT-SKHĐT-ĐKKD ngày 21/8/2009,

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Chứng nhận Công ty TNHH một thành viên Phương Hậu, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3800436457; do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 14/11/2008; địa chỉ trụ sở chính: Ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước;

Đại diện bởi ông: **Nguyễn Văn Phúc**; sinh năm: 1959; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

Chứng minh nhân dân số: 285279020, do Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 06/9/2008;

**Thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:**

**Điều 1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN MỦ CAO SU.**

**Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án:**

Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su với công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm.

**Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án và diện tích đất dự kiến sử dụng:**

- Địa điểm thực hiện dự án: Ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước;

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 9.746 m<sup>2</sup>.

**Điều 4. Tổng vốn đầu tư: 24.988.750.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).**

*Trong đó: Vốn góp của chủ đầu tư để thực hiện dự án là 12.494.375.000 đồng (Mười hai tỷ, bốn trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).*

**Điều 5. Thời gian hoạt động dự án: 50 năm, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.**

**Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Năm 2009: Thực hiện các thủ tục đầu tư và xây dựng;

- Từ năm 2010 trở đi: Đi vào hoạt động.

**Điều 7. Các ưu đãi đối với dự án:**

Dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Lộc Ninh) được hưởng các ưu đãi như sau:

a) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và thời hạn áp dụng:

Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 (Mười lăm) năm.

b) Mức và thời gian miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp:

Miễn thuế 04 (Bốn) năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 (Chín) năm tiếp theo.

c) Giá thuê đất và miễn giảm tiền thuê đất:

Giá thuê đất là 0,25%/năm trên đơn giá đất theo mục đích sử dụng

do UBND tỉnh ban hành.

Được miễn 11 (Mười một) năm tiền thuê đất.

d) Thuế xuất khẩu, nhập khẩu:

Dự án được hưởng các ưu đãi về thuế xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ.

đ) Dự án được ưu đãi tín dụng đầu tư và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 8.** Giấy chứng nhận đầu tư này được lập thành 02 (Hai) bản gốc: Nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như Điều 8;
- Sở KH&ĐT (08 bản);
- Sở Nông nghiệp và PTNT, Cục Thuế;
- UBND huyện Bù Đốp;
- LĐVP, CV: KT, SX;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ NCH



Số: 835 /QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 02 tháng 4 năm 2009

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án : "Đầu tư Nhà máy chế biến mù cưa su Phương Hậu công suất 5.000tấn/năm  
- Công ty TNHH MTV Phương Hậu" tại ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú,  
huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ ;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy chế biến mù cưa su Phương Hậu công suất 5.000tấn/năm - Công ty TNHH MTV Phương Hậu tại ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước họp ngày 05/3/2009 tại Văn phòng UBND tỉnh;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư Nhà máy chế biến mù cưa su Phương Hậu công suất 5.000tấn/năm đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình của Công ty TNHH MTV Phương Hậu tại Công văn số 16/CV-2009 ngày 12/3/2009;

Xét đề nghị của ông Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 87/TTr-STNMT ngày 17/3/2009,

**QUYẾT ĐỊNH:** Ngày 23 tháng 6 năm 2009

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư Nhà máy chế biến mù cưa su Phương Hậu công suất 5.000tấn/năm - Công ty TNHH MTV Phương Hậu (dưới đây gọi là Chủ dự án).

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Nước thải sinh hoạt phải được xử lý sơ bộ trước khi thải vào hệ thống xử lý tập trung của nhà máy. Thực hiện việc xử lý nước thải sản xuất đạt QCVN 01:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến

cao su thiên nhiên (nguồn thải A) với các hệ số  $K_q = 0,9$  và  $K_r = 1$  trước khi thải vào suối Bù Nôm.

2. Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành sản xuất của Dự án phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn và độ rung theo qui định tại các TCVN 5949:1998; TCVN 6962:2001. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường do bụi và các khí độc hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án. Nồng độ bụi, các khí độc hại phải đảm bảo đạt TCVN 5937, 5938, 5939, 5940:2005.

3. Thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn công nghiệp và rác sinh hoạt đúng quy định; thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý các loại chất thải nguy hại theo các qui định tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn hành nghề và lập thủ tục hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại và Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành danh mục chất thải nguy hại.

4. Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã được trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, đảm bảo đạt ít nhất 15% diện tích dự án.

5. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ kho nguyên liệu có chứa dung môi, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

6. Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu, nếu có các sự cố về môi trường phải thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường biết để xử lý.

7. Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu trong Quyết định này. Chế độ thông tin, báo cáo phải thực hiện theo đúng qui định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ và Thông tư 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sau khi kết thúc việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý môi trường phải có báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để xác nhận đạt yêu cầu trước khi đưa vào vận hành xử lý chính thức. Định kỳ thực hiện Chương trình giám sát môi trường nước thải, nước mặt, nước ngầm, không khí và công tác thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm, định gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

**Điều 5.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 Quyết định này.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

*Nơi nhận:*

- CT, PCT;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Lộc Ninh;
- Công ty TNHH MTV Phương Hải;
- LĐVP, CV: SX (T59);
- Lưu: VT.



*Bùi Văn Danh*

**GIẤY XÁC NHẬN**  
**HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
của Dự án Nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu, công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm – Công ty TNHH MTV Phương Hậu tại ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN**

**I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:**

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH MTV Phương Hậu.
- Địa chỉ văn phòng: ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
- Địa điểm hoạt động: ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
- Điện thoại: 02713 515399
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3800436457, Cấp lần đầu ngày: 14/11/2008, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 835/QĐ-UBND ngày 02/4/2009 của UBND tỉnh Bình Phước.

**II. Nội dung xác nhận:**

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án Nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu, công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm – Công ty TNHH MTV Phương Hậu tại ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (tại Phụ lục kèm theo).

**III. Trách nhiệm của Chủ dự án:**

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3, 4 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

**IV. Tổ chức thực hiện:**

Giấy xác nhận này là căn cứ để Chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. /

**Nơi nhận:**

- Như mục I;
- GĐ, PGĐ Sở;
- P.TN&MT H.Lộc Ninh;
- Lưu: VT, CCBVMT.

AC. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Long Đoàn

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 23 /GXN-STNMT ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

### 1. Công trình xử lý nước thải:

Công ty đã xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Công trình thu gom, thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải của Dự án Nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu, công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm – Công ty TNHH MTV Phương Hậu cụ thể như sau:

- Nước mưa từ khu vực nhà xưởng sản xuất, khu vực nhà để xe, nhà văn phòng được thu gom bằng ống nhựa PVC, đường kính D220 xuống hệ thống mương hở thu gom nước mưa xung quanh khu vực nhà xưởng, kết cấu bằng bê tông, kích thước: rộng 0,5m, sâu 0,6m, dài 300m, sau đó theo địa hình tự nhiên chảy ra suối Bù Nôm.

- Nước thải từ quá trình sản xuất của nhà máy được thu gom bằng hệ thống mương hở kết cấu bê tông, kích thước: rộng 0,7m, sâu 0,5m bao quanh xưởng sản xuất sau đó được dẫn về hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt tại khu vực văn phòng, nhà ăn, nhà vệ sinh của Nhà máy được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho Nhà máy với công suất 580 m<sup>3</sup>/ngày.đêm gồm các hạng mục, công trình: Nước thải → Hố thu gom → Cụm bể tách mủ → Bể điều hòa → Bể tuyển nổi kết hợp lắng → Cụm bể xử lý sinh học SBR (xử lý sinh học hiếu khí + khử Nitơ + lắng) → Lọc áp lực → Hồ lót bạt số 1 (hồ sinh học 1 + lắng) → Hồ lót bạt số 2 (hồ sinh học 2 + 3 cũ) → Hồ lót bạt số 3 (hồ sinh học 4 + 5 cũ) → Tái sử dụng phục vụ sản xuất hoặc thải ra suối Bù Nôm. Kích thước các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải cụ thể như sau:

- + Hố thu gom (01 bể, hố bơm): kết cấu bê tông cốt thép, kích thước: D x R = 1,0m x 0,5m.

- + Cụm bể tách mủ (02 cụm), kết cấu bê tông cốt thép: Cụm 1, kích thước: D x R x C = 32,2m x 31,89m x 2,5m; Cụm 2, kích thước: D x R x C = 23,8m x 10,7m x 2,5m.

- + Bể điều hòa (01 bể): kết cấu bê tông cốt thép, kích thước: D x R x C = 10m x 10m x 2,5m.

- + Bể tuyển nổi kết hợp lắng (01 bể): kết cấu bê tông cốt thép, kích thước: D x R x C = 5,3m x 4,6m x 4,1m.

+ Cụm bể xử lý sinh học SBR (xử lý hiếu khí + khử Nitơ + lắng) (02 bể): kết cấu bê tông cốt thép, kích thước 02 bể:  $D \times R \times C = 16,9m \times 16,4m \times 5,0m$ .

+ Hồ sinh học 1: lót bạt HDPE, kích thước:  $D \times R \times C = 20m \times 50m \times 5,0m$ .

+ Hồ sinh học 2: lót bạt HDPE, kích thước:  $D \times R \times C = 68m \times 120m \times 4,0m$ .

+ Hồ sinh học 3: lót bạt HDPE, kích thước:  $D \times R \times C = 30m \times 90m \times 6,0m$ .

- Các hạng mục, công trình của hệ thống xử lý nước thải được xây dựng bằng kết cấu bê tông cốt thép, chống thấm. Riêng hệ thống 03 hồ sinh học đã lót bạt HDPE chống thấm.

- Theo kết quả phân tích nước thải số 18070302 ngày 10/7/2018 của Trung tâm Phân tích và Môi trường sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung có các chỉ tiêu: pH, TSS, COD, BOD<sub>5</sub>, Tổng Nitơ, Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup> tính theo N) đạt cột A của QCVN 01-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên với hệ số  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,1$ .

## **2. Công trình xử lý bụi, khí thải:**

- Công ty sử dụng củi, vỏ trấu, mùn cưa làm nhiên liệu đốt cho lò dầu tải nhiệt để cấp nhiệt cho lò sấy mùn cốm từ mùn nước và lò sấy mùn cốm từ mùn tạp của Nhà máy. Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho lò sấy theo quy trình: Khí thải lò dầu tải nhiệt → Cyclone → Quạt hút → Bể lọc ướt → Ống khói → Thải ra môi trường. Ống khói có đường kính 0,8m, chiều cao 25m bằng thép không gỉ.

- Theo kết quả phân tích khí thải lò hơi sau xử lý số 18070302 ngày 10/7/2018 của Trung tâm Phân tích và Môi trường có các chỉ tiêu: Bụi tổng, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, CO đạt cột B của QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (hệ số  $K_p = 1,0$ ,  $K_v = 1,2$ ).

## **3. Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

- Công ty đã thực hiện đăng ký Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Sở Tài nguyên và Môi trường có mã số QLCTNH: 70.000083.T cấp lần đầu ngày 31/10/2011. Bố trí kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại (có mái che, gờ bao xung quanh, dán biển cảnh báo khu lưu trữ CTNH, thiết bị phân loại và dán mã số của từng CTNH, có mương và hố thu gom để phòng sự cố tràn đổ chất thải lỏng nguy hại) với diện tích 10m<sup>2</sup> trong khuôn viên khu vực nhà máy. Chất thải nguy hại sau khi thu gom được Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng (Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh) để xử lý tại Hợp đồng số 83/2015/HĐXL-TDX ngày 02/11/2015.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Công ty đã bố trí thiết bị thu gom rác tại các khu vực văn phòng, xưởng sản xuất, nhà bếp... trong khuôn viên Nhà máy. Rác thải sinh hoạt sau khi thu gom được mang ra khu vực tập kết rác gần Nhà máy (chợ xã Lộc Hiệp) để đội vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn sản xuất (không nguy hại) như vụn mủ cao su, mủ tạp thu gom từ hệ thống xử lý nước thải, giấy vụn, thùng carton... được thu gom, tái chế hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và tro từ lò đốt cấp nhiệt cho lò sấy được Công ty thu gom làm phân bón cho cây trồng.

#### **4. Công trình bảo vệ môi trường khác:**

- Công ty đã trang bị các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy cho Nhà máy và đã được Công an tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận Thẩm duyệt về Phòng cháy và chữa cháy số 69/TD-PCCC (PC66) ngày 27/4/2011. Đã bố trí các quạt công nghiệp, quạt thông gió cho khu vực xưởng sản xuất của Nhà máy.

- Trồng cây xanh có tán xung quanh khuôn viên nhà máy và hệ thống xử lý nước thải đảm bảo 20% tổng diện tích của nhà máy theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

#### **5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:**

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy xác nhận số /GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày tháng năm 2018”.

#### **6. Yêu cầu khác:**

Yêu cầu Công ty, trong quá trình hoạt động phải thường xuyên vận hành các công trình bảo vệ môi trường, đảm bảo xử lý các chất thải đạt QCVN theo quy định. Nước thải phải đảm bảo xử lý đạt cột A của QCVN 01-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sơ chế cao su thiên nhiên với hệ số  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,1$ ; khí thải phải đảm bảo xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B ( $K_p = 1$ ,  $K_v = 1,2$ ) mới được thải ra môi trường. Nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Công ty phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

Số: 83 /GP-UBND

Bình Phước, ngày 23 tháng 6 năm 2023

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**  
**CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;*

*Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 268/TTr-STNMT ngày 16 tháng 6 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Một thành viên Phương Hậu (địa chỉ: ấp Bù Nồm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Công trình khai thác, sử dụng nước mặt từ suối Trào.
2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ cho hoạt động sản xuất, chế biến mủ cao su của Nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu, công suất 5.000 tấn/năm thuộc Công ty TNHH Một thành viên Phương Hậu.
3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Nước mặt từ suối Trào.
4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng nước:
  - Vị trí công trình khai thác, sử dụng nước: Tại ấp Bù Nồm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (công trình khai thác, sử dụng nước mặt được xây dựng trên khu đất của Công ty TNHH Một thành viên Phương Hậu được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27 tháng 3 năm 2012, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT 002485). Suối Trào có lưu lượng dòng chảy tới

thiếu là 0,5 m<sup>3</sup>/s. Công ty TNHH Một thành viên Phương Hậu khai thác nước mặt tại suối Trào với lưu lượng 0,006 m<sup>3</sup>/s là phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2016.

- Tọa độ cửa lấy nước (VN2000, kinh tuyến trực 106°15', múi chiều 3°): X: 5.48.900; Y: 13.09.363.

5. Chế độ khai thác: 300 ngày/năm.

6. Lượng nước khai thác, sử dụng:

- Lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất trong ngày: 120 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất trong tháng: 3.720 m<sup>3</sup>/tháng.

- Lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất trong năm: 36.000 m<sup>3</sup>/năm.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: Công ty đã thiết kế một trạm bơm nước thô với công suất 20HP, bơm qua ống kẽm, đường kính 114 mm, dài 60 m về hệ thống xử lý sơ bộ sau đó cung cấp cho khu vực sản xuất.

8. Thời hạn của Giấy phép: Mười (10) năm.

**Điều 2.** Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Một thành viên Phương Hậu:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

3. Thực hiện các biện pháp chống xói lở bờ, bồi, lắng suối Trào nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường sinh thái, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đang khai thác, sử dụng nước mặt từ suối Trào.

4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường; nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng, lưu lượng nguồn nước và môi trường, Công ty TNHH Một thành viên Phương Hậu phải báo cáo kịp thời cho các cơ quan chức năng để có biện pháp xử lý.

5. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định.

**Điều 3.** Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của Giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của Trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước mặt của công trình này.

**Điều 4.** Công ty TNHH Một thành viên Phương Hậu được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và các quyền

lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Một thành viên Phương Hậu còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Thuế tỉnh Bình Phước;
- UBND huyện Lộc Ninh;
- Công ty TNHH MTV Phương Hậu;
- Lãnh đạo VP, P. KT;
- Lưu: VT<sub>(BH-23-GPKTN-22/6)</sub>. 6

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Huỳnh Anh Minh*

Số: **69** /GPXD-SXD

Bình Phước, ngày **05** tháng **08** năm 2014

## **GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

**1. Cấp cho:** Công ty TNHH một thành viên Phương Hậu.

Địa chỉ: Xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

**2. Được phép xây dựng công trình:** Nhà kho mủ tạp.

- Theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm tra.

+ Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH MTV Phúc Kiến An, địa chỉ phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

+ Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hoàng Hà, địa chỉ thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Trên lô đất có diện tích 24.517,5m<sup>2</sup> tại Xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

+ Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,2m.

+ Mật độ xây dựng: 43,61%; hệ số sử dụng đất: 0,4.

+ Chỉ giới đường đỏ: 16m tính từ trục đường ĐT.756.

+ Chỉ giới xây dựng: Theo bản vẽ mặt bằng tổng thể vị trí xây dựng công trình kèm theo giấy phép này.

+ Màu sắc công trình: Sử dụng màu sắc cho hài hòa cho cảnh quan và công trình xung quanh, không được sử dụng màu sắc, vật liệu gây ảnh hưởng tới thị giác, sức khỏe con người.

**\* Nhà kho mủ tạp 1:**

+ Diện tích xây dựng: 362m<sup>2</sup>.

+ Chiều cao công trình: 5,3m tính từ mặt đất tự nhiên.

+ Số tầng: 01 tầng.

**\* Nhà kho mủ tạp 2:**

+ Diện tích xây dựng: 227m<sup>2</sup>.

+ Chiều cao công trình: 5,3m tính từ mặt đất tự nhiên.

+ Số tầng: 01 tầng.

**3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:** Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT.002485 do UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 27/3/2012.

**4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.**

*(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở trang 02 của giấy phép này).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu VP.



*Nguyễn Hoàng Hùng*

## **CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải thực hiện theo Điều 72 của Luật xây dựng số 16/2003-QH11. Công trình xây dựng chỉ được khởi công khi đáp ứng các điều kiện sau đây:
  - Có mặt bằng xây dựng để bàn giao toàn bộ hoặc từng phần theo tiến độ xây dựng do chủ đầu tư xây dựng công trình và nhà thầu thi công xây dựng thoả thuận;
  - Có giấy phép xây dựng đối với những công trình theo quy định phải có giấy phép xây dựng, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 68 của Luật này;
  - Có thiết kế bản vẽ thi công của hạng mục, công trình đã được phê duyệt;
  - Có hợp đồng xây dựng;
  - Có đủ nguồn vốn để bảo đảm tiến độ xây dựng công trình theo tiến độ đã được phê duyệt trong dự án đầu tư xây dựng công trình;
  - Có biện pháp để bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng;
2. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
3. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.
4. Phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình xây móng và công trình ngầm.
5. Xuất trình giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển tại địa điểm xây dựng theo quy định.
6. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
7. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ an toàn và bền vững công trình xây dựng của mình.
8. Phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về môi trường theo Công văn số 1157/STNMT-CCBVT ngày 29/7/2014 của Sở Tài nguyên & Môi trường.

## **ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Phước, ngày      tháng      năm.....  
**GIÁM ĐỐC**

**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|------------------------------------|------------------------------------|
|                                    |                                    |

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

**I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**Công ty TNHH MTV Phương Hậu**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800436457 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 14/11/2008.

Địa chỉ trụ sở chính: xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

**BI 285882**

**1. Thừa đất:**

2. Nhà ở: -/-.

### 3. Công trình xây dựng khác:

| Hạng mục công trình        | Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> ) | Diện tích sàn hoặc công suất | Kết cấu chủ yếu                                                     | Cấp công trình | Số tầng | Năm HT xây dựng | Thời hạn sở hữu |
|----------------------------|--------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------|---------|-----------------|-----------------|
| 01. Nhà văn phòng làm việc | 135,08                               | 135,08                       | Tường xây gạch; mái lợp tole; nền lát gạch ceramic.                 | IV (loại E)    | 01      | -/-             | -/-             |
| 02. Phòng thí nghiệm       | 83,34                                | 83,34                        | Tường xây gạch; mái lợp tole; nền lát gạch ceramic.                 | IV (loại A)    | 01      | -/-             | -/-             |
| 03. Nhà lò sấy             | 472,80                               | 472,80                       | Cột, vì kèo, xà gỗ bằng thép; mái lợp tole; nền bê tông.            | III (loại 4)   | 01      | -/-             | -/-             |
| 04. Nhà xưởng 1            | 2.615,25                             | 2.615,25                     | Cột, vì kèo, xà gỗ bằng thép; mái lợp tole; nền bê tông.            | III (loại 5)   | 01      | -/-             | -/-             |
| 05. Nhà kho                | 1.370,80                             | 1.370,80                     | Cột, vì kèo, xà gỗ bằng thép; vách tole; mái lợp tole; nền bê tông. | III (loại 4)   | 01      | -/-             | -/-             |
| 06. Nhà xưởng 2            | 4.694,25                             | 4.694,25                     | Cột, vì kèo, xà gỗ bằng thép; mái lợp tole; nền bê tông.            | III (loại 5)   | 01      | -/-             | -/-             |
| 07. Bể tách mỡ 1           | 249,90                               | 249,90                       | Thành bể xây gạch; nền bê tông.                                     | -/-            | -/-     | -/-             | -/-             |
| 08. Bể tách mỡ 2           | 963,00                               | 963,00                       | Thành bể xây gạch; nền bê tông.                                     | -/-            | -/-     | -/-             | -/-             |
| 09. Bể điều hòa            | 108,16                               | 108,16                       | Thành bể xây gạch; nền bê tông.                                     | -/-            | -/-     | -/-             | -/-             |

5. Cây lâu năm: -/-.

- 6. Ghi chú:** -/-.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**



Nguyễn Văn Lợi

Số vào sổ cấp GCN: CT 002485...

#### IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

| IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận                 |                                                                                                                                    |
|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý                             | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền                                                                                                 |
| Điều chỉnh thửa đất số 89 thành số 68 tại trang 2 Gervero đất. |  <p>GIAM ĐỐC</p> <p><i>Bui Quang Viet</i></p> |

Trang bổ sung số: 180

BỘ CÔNG AN  
CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
Số: 69 /TD-PCCC (PC66

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1  
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA  
Ngày 31-3-2004 - In 2008

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số..... ngày...../...../.....

của: **CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG HẬU**

Người đại diện là ông/ bà: **Nguyễn Văn Phúc** Chức danh.....

**PHÒNG CS. PCCC & CNCH CÔNG AN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CHỨNG NHẬN:**

(2) **XUỞNG CHẾ BIẾN MỦ CAO SU**

Địa điểm: **xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước**

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: **Công ty TNHH MTV Phương Hậu**

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: **Công ty TNHH xây dựng DELTA**

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau: **Bậc chịu lửa, ngăn cháy, thoát nạn, khoảng cách an toàn PCCC, giao thông phục vụ chữa cháy, báo cháy tự động, chữa cháy tự động, cấp nước chữa cháy, chống sét.**

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)

- Thiết bị PCCC phải được cơ quan Cảnh sát PCCC kiểm định chất lượng trước khi lắp đặt.
- Trang bị bổ sung 02 bình chữa cháy bột khô 35 kg, 10 bình chữa chữa cháy bột khô 8kg.
- Chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo cho cơ quan Cảnh sát PCCC trước 03 ngày để được kiểm tra thi công, kiểm tra nghiệm thu công trình trước khi đưa vào hoạt động.

Nơi nhận:

Chủ đầu tư.

C66 - BCA.

Lưu PC66.

Đồng Xoài ngày 27 tháng 4 năm 2014

(4) **TRƯỞNG PHÒNG CS. PCCC & CNCH**



(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.  
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

## DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

| SỐ<br>TT | TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ                               | KÝ HIỆU   | GHI CHÚ |
|----------|----------------------------------------------------|-----------|---------|
| 01       | Mặt bằng tổng thể                                  | 01        |         |
| 02       | Mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt nhà văn phòng          | 32 đến 34 |         |
| 03       | Mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt nhà lò sấy             | 23 đến 26 |         |
| 04       | Mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt nhà xưởng 32 x 82,5 m  | 09 đến 15 |         |
| 05       | Mặt bằng hệ thống báo cháy nhà xưởng 32 x 82,5 m   | 19        |         |
| 06       | Mặt bằng hệ thống chữa cháy nhà xưởng 32 x 82,5 m  | 20        |         |
| 07       | Mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt nhà kho                | 21 đến 25 |         |
| 08       | Mặt bằng báo cháy tự động kho                      | 29        |         |
| 09       | Mặt bằng hệ thống chữa cháy nhà xưởng kho          | 30        |         |
| 10       | Mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt nhà xưởng 47 x 112,5 m | 31 đến 34 |         |
| 11       | Mặt bằng báo cháy nhà xưởng 47 x 112,5 m           | 39        |         |
| 12       | Mặt bằng chữa cháy nhà xưởng 47 x 112,5 m          | 40        |         |
| 13       | Mặt bằng, chi tiết chống sét                       | CS        |         |

Số: 24 /KLKTr-STNMT

Bình Phước, ngày 10 tháng 3 năm 2023

## KẾT LUẬN KIỂM TRA

### Việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước đối với các Dự án chế biến mủ cao su trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thực hiện Quyết định số 511/QĐ-STNMT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước đối với các Dự án chế biến mủ cao su trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Sau đây gọi tắt là Đoàn kiểm tra);

Xét Báo cáo kết quả kiểm tra số 15/BC-ĐTTr ngày 09/02/2023 của Trưởng Đoàn kiểm tra, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường kết luận như sau:

#### I. KHÁI QUÁT CHUNG

Thực hiện Quyết định kiểm tra của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra đối với 27 Dự án (của 22 tổ chức) trên địa bàn 08 huyện, thị xã, gồm: 07 Dự án (của 05 tổ chức) trên địa bàn huyện Đồng Phú, 04 Dự án (của 03 tổ chức) trên địa bàn huyện Hớn Quản, 05 Dự án (của 04 tổ chức) trên địa bàn huyện Lộc Ninh, 02 Dự án (của 02 tổ chức) trên địa bàn của huyện Bù Đốp, 01 Dự án (của 01 tổ chức) trên địa bàn huyện Bù Gia Mập, 03 Dự án (của 02 tổ chức) trên địa bàn của huyện Phú Riềng, 01 Dự án (của 01 tổ chức) trên địa bàn huyện Bù Đăng, 04 Dự án (của 04 tổ chức) trên địa bàn thị xã Chơn Thành.

#### II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

##### 1. Trên địa bàn huyện Đồng Phú

##### 1.1. Công ty TNHH Cổ phần cao su kỹ thuật Đồng Phú

##### 1.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 23/4/2009; đã được xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành tại Giấy xác nhận số 07/GXN-STNMT ngày 14/10/2014; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...); đã thực hiện việc quản

lý chất thải nguy hại theo quy định; đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng  $50\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  được thu gom, xử lý và thu hồi toàn bộ để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất không thải ra môi trường.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### *1.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai*

- Dự án Nhà máy sản xuất nệm và gối cao su - Công ty Cổ phần cao su kỹ thuật Đồng Phú được thực hiện trên thửa đất có diện tích  $50.342,7\text{m}^2$  được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ T01145 ngày 29/7/2008, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 1,5ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty nộp đầy đủ tiền sử dụng đất theo quy định.

#### *1.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước*

- Công ty Cổ phần cao su kỹ thuật Đồng Phú không có hoạt động khai thác nước mặt, nước dưới đất mà sử dụng nguồn nước từ nhà máy cấp nước của Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú để phục vụ hoạt động sản xuất.

### **1.2. Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú.**

#### *1.2.1 Đối với Xí nghiệp chế biến mủ cao su Thuận Phú*

##### *1.2.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường*

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2033/QĐ-UBND; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 06/GXN-STNMT ngày 04/10/2012 và Giấy xác nhận số 28/GXN-STNMT ngày 31/10/2019.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ; đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định; đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng  $700\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### *1.2.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai*

- Dự án Xí nghiệp chế biến Thuận Phú được thực hiện trên thửa đất có diện tích  $37.402,0\text{m}^2$  đã được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00639 ngày 16/6/2008, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 01ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp tiền thuê đất theo quy định.

#### *1.2.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước*

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 14/GP-UBND ngày 13/3/2020, lưu lượng khai thác  $736\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ , thời hạn được cấp phép là 10 năm.

- Công ty đã lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và được phê duyệt tại Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 13/4/2021; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

#### *1.2.2. Đối với Nhà máy chế biến mùn cưa sủi Tân Lập*

##### *1.2.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường*

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2482/QĐ-UBND ngày 03/09/2009; đã được xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 04/GXN-STNMT ngày 21/02/2013 và Giấy xác nhận số 03/GXN-STNMT ngày 21/04/2015.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ; đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (loại chất thải nguy hại phát sinh

*gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...);* đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định; đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 250m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Công ty hoạt động sản xuất mủ ly tâm nên không phát sinh khí thải.

#### 1.2.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Dự án Nhà máy chế biến Tân Lập được thực hiện trên thửa đất có diện tích 9.871,8m<sup>2</sup> đã được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00460 ngày 20/9/2007, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 0,75ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp tiền thuê đất theo quy định.

#### 1.2.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty sử dụng nguồn nước từ nhà máy cấp nước của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước để phục vụ hoạt động sản xuất.

#### 1.2.3. Đối với Nhà máy chế biến mủ cao su Tân Hưng

##### 1.2.3.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 23/5/2016; đã được xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 28/GXN-STNMT ngày 06/10/2020 và Giấy xác nhận số 37/GXN-STNMT ngày 27/12/2021.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại; đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 250m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò xông được thu gom qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### *1.2.3.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai*

- Dự án Nhà máy chế biến Tân Hưng được thực hiện trên thửa đất có diện tích 28.544,6m<sup>2</sup> được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT07583 ngày 26/5/2016, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 0,3ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp tiền thuê đất theo quy định.

#### *1.2.3.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước*

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 13/GP-UBND ngày 13/3/2020, lưu lượng khai thác 171m<sup>3</sup>/ngày.đêm, thời hạn được cấp phép là 10 năm.

- Công ty đã lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và được phê duyệt tại Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 13/4/2021; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

### **1.3. Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước**

#### *1.3.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường*

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 24/04/2013; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 19/GXN-STNMT ngày 16/8/2019.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu*

động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng  $450\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### *1.3.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai*

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước được thực hiện trên thửa đất có diện tích  $160.152,2\text{m}^2$  được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT10889 ngày 01/8/2018, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 06ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty chưa nộp tiền thuê đất từ năm 2018 đến nay.

#### *1.3.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước*

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 28/GP-UBND ngày 12/9/2012, số lượng giếng được cấp phép 05 giếng, thời hạn được cấp phép là 05 năm. Hiện tại, thời hạn giấy phép khai thác nước dưới đất của Công ty đã hết hạn.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

### **1.4. Công ty TNHH cao su Quốc Việt**

#### *1.4.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường*

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 01/8/2019; Công ty đang tiến hành lập thủ tục để được cấp Giấy phép môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành kiểm tra để cấp Giấy phép môi trường cho dự án đầu tư

nâng công suất Nhà máy chế biến mủ cao su Quốc Việt, công suất từ 5.000 tấn/năm lên 9.800 tấn/năm vào ngày 10/8/2022).

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định; đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng  $350\text{m}^3/\text{ngày}$ .đem được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### 1.4.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH cao su Quốc Việt được thực hiện trên thửa đất có diện tích  $24.962,0\text{m}^2$  được cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT05916 ngày 20/5/2015, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; thửa đất có diện tích  $3.969,4\text{m}^2$  được cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT06400 ngày 21/3/2016, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần; thửa đất có diện tích  $4.868,1\text{m}^2$  được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT06399 ngày 21/3/2016, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng hơn 03ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất.

#### 1.4.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 64/GP-UBND ngày 02/8/2016, lưu lượng khai thác  $330\text{m}^3/\text{ngày}$  đêm, thời hạn cấp phép là 10 năm.

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 22/GP-UBND ngày 17/4/2020, số lượng giếng được cấp là 04 giếng, thời hạn được cấp phép là đến hết ngày 17/4/2023; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Hiện tại, 01 giếng đã bị hư hỏng không sử dụng được.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

### **1.5. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Anh Quang**

Do hiện tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Anh Quang đang ngưng hoạt động chế biến mủ cao su tại vị trí ấp 1, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú nên Đoàn kiểm tra không tiến hành kiểm tra các nội dung theo Quyết định số 511/QĐ-STNMT ngày 17/11/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

## **2. Trên địa bàn huyện Hớn Quản**

### **2.1. Công TNHH MTV cao su Bình Long**

#### **2.1.1. Đối với Xí nghiệp Cơ khí chế biến 30/4**

##### **2.1.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1147/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 và Quyết định 2352/QĐ-UBND ngày 22/9/2017; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 01/GXN-STNMT ngày 12/01/2021 và Giấy xác nhận số 02/GXN-STNMT ngày 11/3/2015.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 450m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là khí gas nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh

thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### *2.1.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai*

- Xí nghiệp cơ khí chế biến 30/4 được thực hiện trên thửa đất có diện tích 47.242,9m<sup>2</sup> được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00070 ngày 02/8/2005, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 1,3ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất năm 2021, 2022.

#### *2.1.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước*

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất và nước mặt tại Giấy phép số 47/GP-UBND ngày 20/7/2021, số lượng giếng được cấp phép 03 giếng, thời hạn được cấp phép là 05 năm và Giấy phép số 54/GP-UBND ngày 05/10/2021, đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

#### *2.1.2. Đối với Xí nghiệp Cơ khí chế biến Quản Lợi*

##### *2.1.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường*

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 31/8/2016 và Quyết định số 3225/QĐ-UBND ngày 16/12/2016; đã được xác nhận kết quả thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Công văn 2926/STNMT-CCBVMT ngày 30/12/2016 và Giấy xác nhận số 24/GXN-STNMT ngày 28/8/2018.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 750m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân

tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là khí gas nên Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí.

#### *2.1.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai*

- Xí nghiệp cơ khí chế biến Quân Lợi được thực hiện trên thửa đất có diện tích 97.173,8m<sup>2</sup> được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00066 ngày 02/8/2005, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 1,5ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất năm 2021, 2022.

#### *2.1.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước*

- Công ty đã được UBND tỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 77/GP-UBND ngày 10/11/2022, số lượng giếng được cấp phép 01 giếng, thời hạn được cấp phép là 03 năm và Giấy phép số 82/GP-UBND ngày 14/11/2022, số lượng giếng được cấp phép 03 giếng, thời hạn được cấp phép là 03 năm. Đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

### **2.2. Công ty Cổ phần Việt Sing**

#### *2.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường*

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1288/QĐ-UBND ngày 27/5/2011; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 03/GXN-STNMT ngày 23/01/2019.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 1.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau được thu hồi toàn bộ để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến

hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột B, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### 2.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Dự án Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty Cổ phần Việt Sing được thực hiện trên thửa đất có diện tích 150.000,0m<sup>2</sup> được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT17562 ngày 16/8/2019, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 1,3ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất năm 2021, 2022.

#### 2.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 70/GP-UBND ngày 19/11/2013, thời hạn được cấp phép là đến hết ngày 31/10/2023. Đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

### 2.3. Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường

#### 2.3.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 24/12/2013; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 11/GXN-STNMT ngày 28/5/2019.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng  $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  được thu gom, xử lý. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT. Riêng thông số Tổng Nitơ chưa đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT. Tuy nhiên, hiện tại lượng nước thải sau xử lý được thu gom một phần để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, phần còn lại đang được lưu giữ trong hệ thống xử lý nước thải (hồ chứa nước thải sau hệ thống xử lý) không thải ra môi trường.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

### *2.3.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai*

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường được thực hiện trên thửa đất có diện tích  $49.521,3\text{m}^2$  được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT002344 ngày 31/5/2012, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 3,6ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty nộp tiền thuê đất năm 2021. Hiện tại, Công ty đang nợ tiền thuê đất là 36.000.000 đồng và tiền thuê đất của năm 2022.

### *2.3.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước*

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 03/GP-UBND ngày 10/01/2018, số lượng giếng được cấp phép 04 giếng, thời hạn được cấp phép là 05 năm; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

## **3. Trên địa bàn huyện Lộc Ninh**

### **3.1. Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh**

#### *3.1.1. Đối với Xí nghiệp Cơ khí chế biến Lộc Hiệp tại thị trấn Lộc Ninh*

##### *3.1.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường*

- Công ty đã lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 10/4/2017; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 01/GXN-STNMT ngày 07/01/2016.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với

đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do tại thời điểm kiểm tra Xí nghiệp Cơ khí chế biến Lộc Hiệp tại thị trấn Lộc Ninh đã ngưng hoạt động từ đầu tháng 11 năm 2022 nên tại Xí nghiệp không có hoạt động xả thải. Do đó, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu môi trường (mẫu nước thải, khí thải).

#### 3.1.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Xí nghiệp cơ khí chế biến Lộc Hiệp tại thị trấn Lộc Ninh được thực hiện trên thửa đất có diện tích 81.669,7m<sup>2</sup> được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00595 ngày 31/12/2007, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 01ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất năm 2021, 2022.

#### 3.1.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác nước, sử dụng mặt tại Giấy phép số 65/GP-UBND ngày 08/11/2013, thời hạn khai thác 10 năm. Đã nộp đầy đủ tiền cấp quyền khai thác nước mặt.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

#### 3.1.2. Đối với Xí nghiệp Cơ khí chế biến Lộc Hiệp tại xã Lộc Hiệp

##### 3.1.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt tại Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 24/6/2009 và Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 10/03/2007; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận 07/GXN-STNMT ngày 16/03/2016 và Giấy xác nhận số 08/GXN-STNMT ngày 10/04/2019.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng  $450\text{m}^3/\text{ngày}$ .đem được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là khí gas, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### *3.1.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai*

- Xí nghiệp cơ khí chế biến Lộc Hiệp tại xã Lộc Hiệp được thực hiện trên thửa đất có diện tích  $5.450.645\text{m}^2$  được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số 1017.QSDĐ/UB ngày 10/9/2001 và thửa đất có diện tích  $116.448,8\text{m}^2$  được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00591 ngày 31/12/2007, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 1,2ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất năm 2021, 2022.

#### *3.1.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước*

- Công ty được UBND tỉnh Giấy phép khai thác nước, sử dụng mặt tại Giấy phép số 66/GP-UBND ngày 08/11/2013, thời hạn cấp phép là 10 năm. Đã nộp đầy đủ tiền tiền cấp quyền khai thác nước mặt.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

### **3.2. Công ty TNHH MTV Phương Hậu**

#### *3.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường*

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 02/4/2009; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 23/GXN-STNMT ngày 09/8/2018.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải;*

giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng  $550\text{m}^3/\text{ngày}$ .đem được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

### 3.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH MTV Phương Hậu được thực hiện trên thửa đất có diện tích  $24.517,5\text{m}^2$ , được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ CT002485 ngày 27/3/2012, thửa đất có diện tích  $7.021,0\text{m}^2$ , được UBND tỉnh Bình Phước cấp GCNQSD đất số vào sổ CT001922 ngày 23/02/2011, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 02ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã thực hiện việc nộp tiền sử dụng đất hàng năm theo quy định.

### 3.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty đã được UBND tỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 26/GP-UBND ngày 28/08/2012, thời hạn được cấp phép là 10 năm; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Hiện tại, Giấy phép đã hết hạn.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

## 3.3. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ chế biến cao su Hoàng Anh

### 3.3.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 31/5/2012; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 71/GXN-STNMT ngày 21/11/2016.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng  $160\text{m}^3/\text{ngày}$ .đem được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột B, QCVN 01-MT:2015/BTNMT (lượng nước thải sau xử lý được thu hồi toàn bộ để phục vụ cho hoạt động sản xuất không thải ra môi trường).

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là mùn cưa, vỏ trấu nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

### 3.3.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Anh được thực hiện trên thửa đất có diện tích  $64.867,5\text{m}^2$ , được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ CT002171 ngày 15/8/2011, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 06ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty đã thực hiện việc nộp tiền sử dụng đất hàng năm theo quy định.

### 3.3.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 80/GP-UBND ngày 14/11/2022, số lượng giếng được cấp phép là 04 giếng, thời hạn được cấp phép là 05 năm; đã lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2386/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 (chưa có thông báo nội tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước).

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

### **3.4. Công ty TNHH Duy Thắng**

#### **3.4.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 03/8/2010; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 25/GXN-STNMT ngày 06/11/2015.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 400m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột B, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò dầu tản nhiệt được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### **3.4.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai**

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH Duy Thắng được thực hiện trên thửa đất có diện tích 38.621,3m<sup>2</sup>, được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ CT01615 ngày 24/6/2010, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 03ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã thực hiện việc nộp tiền sử dụng đất hàng năm theo quy định.

#### **3.4.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước**

- Công ty được UBND tỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 06/GP-UBND ngày 14/01/2016, thời hạn được cấp phép là 10 năm; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

#### **4. Trên địa bàn huyện Bù Đốp**

##### **4.1. Công ty TNHH MTV 16**

###### *4.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường*

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 22/11/2010.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 200m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT. Riêng thông số Amoni và thông số Tổng Nitơ chưa đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT. Việc lượng nước thải sau xử lý vẫn còn thông số chưa đạt cột A theo quy định là do: Hiện tại công trình xử lý nước thải đang vận hành thử nghiệm nên chất lượng nước thải đầu ra chưa thật sự ổn định. Mặt khác, là đơn vị kinh tế quốc phòng nên việc vận hành hệ thống xử lý nước thải còn chưa có kinh nghiệm. Đoàn kiểm tra xem xét không xử lý vi phạm hành chính đối với Công ty. Tuy nhiên, đề nghị Công ty rà soát lại toàn bộ hệ thống xử lý nước thải nhằm đảm bảo việc xử lý lượng nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò dầu tản nhiệt được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

- Công ty đang tiến hành lập thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

#### 4.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH MTV 16 được thực hiện trên thửa đất có diện tích 108.218,3m<sup>2</sup>, được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT02217 ngày 16/12/2011, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 02ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty chưa nộp tiền sử dụng đất từ năm 2011 đến nay.

#### 4.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 01/GP-UBND ngày 08/01/2020, số lượng giếng được cấp phép là 02 giếng, thời hạn được cấp phép là 03 năm.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

- Công ty chưa lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

### 4.2. Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nha Bích

#### 4.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1781/QĐ-BTNMT ngày 16/7/2019. Công ty đã lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận hồ sơ của Công ty và đã thành lập Tổ thẩm định tại Quyết định số 2411/QĐ-BTNMT ngày 19/9/2022).

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 1.500m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò dầu tản nhiệt được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### 4.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nha Bích được thực hiện trên thửa đất có diện tích 39.917,9m<sup>2</sup>, được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất sổ vào sổ cấp GCN: CT12003 ngày 24/01/2019, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 03ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty đã thực hiện việc nộp tiền thuê đất một lần theo quy định.

#### 4.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 50/GP-UBND ngày 04/6/2020, số lượng giếng được cấp phép là 03 giếng, thời hạn được cấp phép là 05 năm; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

### 5. Trên địa bàn huyện Phú Riềng

#### 5.1. Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng

##### 5.1.1. Đối với Nhà máy chế biến mủ cao su Long Hà

##### 5.1.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 15/3/2011; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 26/GXN-STNMT ngày 06/11/2015.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 1.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là khí hóa lỏng LPG nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### 5.1.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến cao su Long Hà được thực hiện trên thửa đất có diện tích 60.015,1m<sup>2</sup> trong tổng diện tích đất 2.556,2ha được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: 3188.QSĐĐ/UB ngày 16/11/2000, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 06ha. Công ty chưa lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp tiền thuê đất nông nghiệp năm 2021, chưa nộp năm 2022.

#### 5.1.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty sử dụng nguồn nước từ nhà máy cấp nước của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thủy lợi Bình Phước để phục vụ hoạt động sản xuất.

#### 5.1.2. Đối với Nhà máy chế biến mủ cao su Trung Tâm

##### 5.1.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 31/07/2017, Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 và Quyết định số 2672/QĐ-UB ngày 25/10/2000; được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác số 06/GXN-STNTM ngày 07/02/2018 và Công văn số 334/STNMT-CCBVTNMT ngày 07/02/2018.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng  $950\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là khí hóa lỏng LPG của nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### 5.1.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến cao su Trung Tâm được thực hiện trên thửa đất có diện tích  $84.875,7\text{m}^2$  được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00668 ngày 25/6/2008, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 08ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất năm 2021, năm 2022 chưa nộp.

#### 5.1.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 43/GP-UBND ngày 03/12/2014, thời hạn cấp phép là 10 năm, đã nộp tiền cấp quyền khai thác nước.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định, nhưng chưa đúng biểu mẫu theo quy định.

### 5.2. Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Linh Hương

#### 5.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được UBND tỉnh phê duyệt Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 15/8/2014; Công ty có văn bản báo cáo việc đã thực hiện nội dung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Nhà máy chế biến mủ cao su Linh Hương gửi cơ quan có thẩm quyền (Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản trả lời cho Công ty tại Công văn số 1938/STNMT-CCBVMT ngày 05/9/2019).

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng  $1.500\text{m}^3/\text{ngày}$ , đem được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò hơi được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### 5.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Linh Hương được thực hiện trên thửa đất có diện tích  $95.606,7\text{m}^2$ , được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT12001 ngày 22/01/2019; GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT11804 ngày 03/01/2019; GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT21092 ngày 27/11/2019, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 2,6ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

#### 5.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 15/GP-UBND ngày 27/8/2013, thời hạn được cấp phép là 10 năm; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

### 6. Trên địa bàn huyện Bù Đăng

#### 6.1. Công ty TNHH MTV cao su Sông Bé

##### 6.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 13/01/2016; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (công trình hệ thống xử lý nước thải) tại Giấy xác nhận số 29/GXN-STNMT ngày 13/11/2019.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với

đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng  $300\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

- Công ty đang tiến hành lập thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

#### 6.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su Nghĩa Trung - Công ty Cổ phần cao su Sông Bé được thực hiện trên thửa đất có diện tích  $283.804,4\text{m}^2$  đã được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT04008 ngày 27/12/2017, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 13ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty nộp tiền thuê đất hàng năm theo quy định.

#### 6.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 88/GP-UBND ngày 27/10/2020, số lượng giếng được cấp phép 07 giếng (06 giếng khai thác, 01 giếng dự phòng), thời hạn được cấp phép là đến hết ngày 25/11/2023; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

### 7. Trên địa bàn thị xã Chơn Thành

**7.1. Nhà máy sản xuất găng tay cao su xuất khẩu - Công ty TNHH SX-TM-DV Nam Cường**

### 7.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 22/03/2006.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mềm thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 50m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Khí thải không phát sinh nên Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu.

- Công ty đang tiến hành lập thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

### 7.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Xưởng chế biến mủ cao su ly tâm làm nguyên liệu phục vụ dây chuyền sản xuất găng tay cao su xuất khẩu - Công ty TNHH SX-TM-DV Nam Cường được thực hiện trên thửa đất có diện tích 10.500,3m<sup>2</sup>, được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00151 ngày 26/5/20006, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 01ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp tiền thuê đất theo quy định.

### 7.1.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 17/GP-UBND ngày 31/3/2022, thời hạn được cấp phép là đến hết ngày 28/3/2025; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

## 7.2. Công ty liên doanh Medevice 3S

### 7.2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 11/6/2018; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 14/GXN-STNMT ngày 01/7/2019.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 200m<sup>3</sup>/ngày.đem được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Khí thải không phát sinh nên Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu.

#### 7.2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy sản xuất bao cao su - Công ty Liên doanh Medevice 3S được thực hiện trên thửa đất có diện tích 17.000,5m<sup>2</sup>, được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: T00040 ngày 31/5/2005, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Công ty đã xây dựng nhà máy trên phần diện tích đất khoảng 01ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp tiền thuê đất phi nông nghiệp năm 2021, 2022 (riêng tiền thuê đất được miễn theo quy định).

#### 7.2.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty sử dụng nguồn nước cấp từ Công ty Cổ phần nước - Môi trường Bình Dương để phục vụ cho hoạt động sản xuất.

### 7.3. Công ty TNHH Thương mại Sản xuất cao su Minh Long

#### 7.3.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 18/12/2015; Công ty đã có văn bản báo cáo việc thực hiện nội dung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời tại Công văn số 2718/STNMT-CCBVMT ngày 24/11/2017.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng  $525\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là trấu, củi băm, mùn cưa nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### 7.3.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH Thương mại Sản xuất cao su Minh Long được thực hiện trên 03 thửa đất có tổng diện tích là  $35.380,1\text{m}^2$ , được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: 11.QSDĐ/UB ngày 25/6/2002, GCN số sê ri T00035 ngày 18/5/2005, GCN số sê ri CT07998 ngày 05/9/2016, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Công ty đã xây dựng nhà máy trên phần diện tích đất khoảng 3,5ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp đầy đủ tiền thuê đất năm 2021, 2022.

#### 7.3.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 69/GP-UBND ngày 13/11/2017, số lượng giếng được cấp phép là 05 giếng, thời hạn cấp phép là 05 năm. Tuy nhiên, hiện tại Giấy phép khai thác của Công ty đã hết hạn. Công ty lập thủ tục xin cấp lại Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất và đã nộp hồ sơ tại Trung Tâm hành chính công (thể hiện tại Giấy tiếp nhận hồ sơ ngày 10/11/2022).

- Công ty đã lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

#### 7.4. Công ty Cổ phần cao su Phước Thành

##### 7.4.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1893/QĐ-BTNMT ngày 04/12/2003 và Quyết định số 1892/QĐ-BTNMT ngày 04/12/2003.

- Công ty đang lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án (mở rộng, nâng công suất), hồ sơ của Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận giải quyết theo quy định (thể hiện tại Công văn số 1453/VP-CTTĐT ngày 27/10/2022).

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*); đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng  $600\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là trấu, củi băm nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

##### 7.4.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty TNHH MTV cao su Phước Thành được thực hiện trên thửa đất có tổng diện tích là  $87.185,7\text{m}^2$ , được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT002520 ngày 11/5/2012, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

- *Hiện trạng sử dụng đất:* Công ty đã xây dựng nhà máy trên phần diện tích đất khoảng 03ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:* Công ty đã nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

##### 7.4.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại Giấy phép số 23/GP-UBND ngày 23/3/2021, số lượng giếng được cấp phép là 08 giếng (06 giếng khai thác, 02 giếng dự phòng), thời hạn cấp phép là đến hết ngày 28/4/2024. Đã lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (đối với Giấy phép số 33/GP-UBND ngày 28/4/2016) và được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 19/3/2021.

- Công ty chưa lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với Giấy phép số 23/GP-UBND ngày 23/3/2021.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

## **8. Trên địa bàn huyện Bù Gia Mập**

### **8.1. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cao su Phú Thịnh**

#### **8.1.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 29/11/2014; đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 01/GXN-STNMT ngày 03/3/2017.

- Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định; đã được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại (*loại chất thải nguy hại phát sinh gồm: Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải; bao bì mền thải; giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; pin ắc quy chì thải...*) ; đã thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tại thời điểm kiểm tra cho thấy Công ty đã vận hành các công trình bảo vệ môi trường đúng quy trình theo quy định. Chưa lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động cho hệ thống xử lý nước thải.

- Lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 400m<sup>3</sup>/ngày.đem được thu gom, xử lý sau đó thải ra môi trường. Tại thời điểm kiểm tra Đoàn kiểm tra đã tiến hành thu 01 mẫu nước thải để phân tích, giám định. Qua kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy các thông số được phân tích đều đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT.

- Lượng khí thải phát sinh từ lò sấy được thu gom qua hệ thống xử lý thông qua ống khói thoát ra môi trường. Do, Công ty sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO nên nồng độ các thông số môi trường trong khí thải phát sinh thấp, ít ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, Đoàn kiểm tra không tiến hành thu mẫu khí để đánh giá.

#### **8.1.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai**

- Nhà máy chế biến mủ cao su - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cao su Phú Thịnh được thực hiện trên thửa đất có diện tích 47.537,0m<sup>2</sup>, được UBND tỉnh Bình Phước cấp GCNQSD đất số vào sổ cấp GCN: CT03114 ngày 01/02/2013, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- *Hiện trạng sử dụng đất*: Nhà máy được xây dựng trên phần đất khoảng 02ha. Đơn vị đã sử dụng đúng mục đích theo quy định.

- *Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai*: Công ty đã thực hiện việc nộp tiền thuê đất năm 2021, 2022.

#### 7.4.3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước

- Công ty đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt tại Giấy phép số 22/GP-UBND ngày 20/03/2017, thời hạn được cấp phép là 10 năm; đã nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Công ty chưa lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

### 4. Kết quả xử lý vi phạm hành chính

Đoàn kiểm tra đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 03 tổ chức với tổng số tiền xử phạt là 410.000.000 đồng và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với tổng số tiền là 582.201.843 đồng, cụ thể như sau:

- Công ty TNHH MTV Phương Hậu với hành vi khai thác, sử dụng nước mặt đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng trên 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm mà không có giấy phép khai thác theo quy định. Với tổng số tiền xử phạt là 30.000.000 đồng và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với tổng số tiền là 19.938.768 đồng.

- Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước với hành vi khai thác, sử dụng nước dưới đất đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng trên 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm mà không có giấy phép khai thác theo quy định. Với tổng số tiền xử phạt là 80.000.000 đồng và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với tổng số tiền là 9.307.264 đồng.

- Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng với hành vi chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Diện tích đất vi phạm từ 03 hecta trở lên (khoảng 60.000 m<sup>2</sup>). Với tổng số tiền xử phạt là 300.000.000 đồng và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với tổng số tiền là 552.955.811 đồng.

### III. KẾT LUẬN

Qua kết quả kiểm tra đối với các đơn vị chế biến mủ cao su trên địa bàn tỉnh cho thấy các đơn vị cơ bản đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (như: *Việc lập hồ sơ môi trường, việc lập thủ tục đăng ký chủ*

nguồn thải chất thải nguy hại; việc thực hiện nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc xây dựng các công trình bảo vệ môi trường; việc lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động; việc xử lý nước thải; việc quản lý, xử lý chất thải rắn không nguy hại và chất thải rắn nguy hại), đất đai (như: Thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất; thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai; sử dụng đất đúng mục đích) và tài nguyên nước (như: Được cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất theo quy định; thực hiện việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; thực hiện các yêu cầu của Giấy phép khai thác, sử dụng nguồn nước). Tuy nhiên, đối với ngành nghề chế biến mủ cao su việc phát sinh mùi hôi đặc trưng là khó tránh khỏi. Qua kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã đề nghị các đơn vị phải thường xuyên sử dụng (phun, xịt) các loại chế phẩm sinh học khử mùi. Thu gom, lưu giữ lượng mủ tạp và mủ skim đúng nơi quy định nhằm giảm thiểu tới mức tối thiểu mùi hôi phát sinh trong quá trình hoạt động. Bên cạnh những những kết quả đã đạt được ở trên thì vẫn còn một vài đơn vị chưa chấp hành tốt hoặc chấp hành chưa triệt để các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước, cụ thể như sau:

### **1. Việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường:**

**1.1. Việc thực hiện nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, việc xây dựng các công trình bảo vệ môi trường:**

Có 04/26 dự án (Công ty TNHH cao su Quốc Việt, Công ty TNHH MTV cao su Sông Bé, Nhà máy sản xuất găng tay cao su xuất khẩu - Công ty TNHH SX-TM-DV Nam Cường và Công ty TNHH MTV 16) chưa được xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án quy định tại Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định: “*Chủ dự án thuộc đối tượng quy định tại cột 4 Phụ lục II Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này phải lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật*”.

Đối với Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì những đối tượng này không phải tiếp tục thực hiện thủ tục cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: “*1. Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức. 2. Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này*”. Đề nghị 04 đơn vị trên sớm hoàn thiện việc lập thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

## 1.2. Việc lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động:

Qua kiểm tra: Có 13/23 dự án (Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước, Công ty TNHH cao su Quốc Việt, Công ty Cổ phần cao su Phước Thành, Công ty TNHH TM-SX Minh Long, Công ty Cổ phần Việt Sing, Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường, Công ty TNHH MTV Phương Hậu, Công ty TNHH TM-DV chế biến cao su Hoàng Anh, Công ty TNHH Duy Thắng, Công ty TNHH MTV 16, Công ty TNHH TM-SX Nha Bích, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cao su Phú Thịnh, Công ty TNHH MTV SX-TM Linh Hương) chưa thực hiện việc lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Do đó, đề nghị các đơn vị trên sớm thực hiện việc lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động theo đúng lộ trình quy định (việc lắp đặt phải được hoàn thiện trước ngày 01/01/2025).

## 1.3. Việc xử lý nước thải:

Có 01 dự án có kết quả phân tích mẫu chưa đạt cột A, QCVN 01-MT:2015/BTNMT (Công ty TNHH MTV 16). Nguyên nhân là do Công ty đang tiến hành nâng cấp, cải tạo lại hệ thống xử lý nước thải và đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm. Đồng thời, Công ty là đơn vị kinh tế quốc phòng nên việc vận hành hệ thống xử lý nước thải chưa có kinh nghiệm. Hơn nữa, đặc trưng của loại hình sản xuất này khó xử lý, quá trình vận hành của đơn vị chưa được thông suốt nên dẫn đến nước thải sau xử lý vẫn chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (chưa đạt cột A). Nhưng, hiện tại lượng nước thải sau xử lý đã được đơn vị thu hồi một phần để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất. Do đó, lượng nước thải thải vào môi trường không nhiều nên việc ảnh hưởng đến môi trường là không đáng kể. Do đó, Đoàn kiểm tra không tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển cho người có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

## 2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai:

- Có 01 dự án của 01 tổ chức (Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng) chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định để thực hiện dự án, với tổng diện tích khoảng 60.015,1m<sup>2</sup> (vi phạm khoản 1 Điều 6 của Luật Đất đai năm 2013, quy định về nguyên tắc sử dụng đất phải đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất). Do đó, Đoàn kiểm tra đã chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền tiến hành xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Đồng thời, yêu cầu Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng tiến hành lập thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất sang đất theo đúng quy định.

- Có 02 dự án (Công ty TNHH MTV 16 và Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước) chưa thực hiện việc nộp tiền sử dụng đất và 02 dự án (Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường, Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng) đang còn nợ tiền thuê đất. Do đó, đề nghị Công ty TNHH MTV 16, Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước, Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường và Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định.

## 3. Việc chấp hành pháp luật tài nguyên nước:

- Có 02 dự án của 02 tổ chức (Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước và Công ty TNHH MTV Phương Hậu) giấy phép khai thác, sử dụng nguồn nước được cấp hiện tại đã hết hạn (*vi phạm khoản 3 Điều 44 của Luật Tài nguyên nước năm 2012 quy định về đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước quy định: Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 73 của Luật này cấp giấy phép trước khi quyết định việc đầu tư*). Do đó, Đoàn kiểm tra đã chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền để tiến hành xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Đồng thời, đề nghị 02 Đơn vị trên phải tiến hành lập hồ sơ để được cấp lại giấy phép theo đúng quy định.

Ngoài ra, đối với trường hợp của Công ty TNHH cao su Quốc Việt, được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác (số lượng giếng được cấp phép là 04 giếng), có 01 giếng khoan đã bị hư hỏng không sử dụng được. Do đó, đề nghị Công ty thực hiện việc trám lấp giếng khoan đã hư hỏng theo đúng quy định.

Kết quả thực hiện các yêu cầu của Giấy phép khai thác, sử dụng nguồn nước gồm có: Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước, Công ty TNHH cao su Quốc Việt, Công ty Cổ phần cao su Phước Thành, Công ty Cổ phần Việt Sing, Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường, Công ty TNHH MTV Phương Hậu, Công ty TNHH TM-SX Nha Bích, Công ty Cổ phần ĐT-XD cao su Phú Thịnh và Công ty TNHH MTV SX-TM Linh Hương chưa thực hiện việc lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định (quy định tại Điều 8 của Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất). Do đó, đề nghị các đơn vị trên thực hiện việc lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo đúng quy định.

#### **IV. BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

Từ kết luận trên, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Ban hành kết luận kiểm tra theo đúng quy định.
2. Đề nghị các đơn vị được kiểm tra thực hiện các nội dung sau:
  - a. Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước và Công ty TNHH MTV Phương Hậu liên hệ với Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh để lập thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nguồn nước theo đúng quy định.
  - b. Đề nghị Công ty TNHH cao su Quốc Việt thực hiện việc trám lấp giếng khoan đã hư hỏng không sử dụng được theo quy định.
  - c. Đề nghị Công ty Cổ phần cao su Phước Thành và Công ty TNHH MTV 16 thực hiện việc lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác nước theo quy định.
  - d. Đề nghị Công ty TNHH MTV cao su Phú Riêng liên hệ với Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh lập thủ tục thuê đất theo quy định

đ. Đề nghị Công ty TNHH MTV 16, Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước liên hệ Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh để thực hiện các thủ tục liên quan đến nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định.

e. Đề nghị Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường và Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng liên hệ Cục thuế tỉnh Bình Phước để thực hiện việc nộp khoản tiền thuế về đất đai đang còn nợ đọng.

g. Đề nghị Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước, Công ty TNHH cao su Quốc Việt, Công ty Cổ phần cao su Phước Thành, Công ty Cổ phần Việt Sing, Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường, Công ty TNHH MTV Phương Hậu, Công ty TNHH TM-SX Nha Bích, Công ty Cổ phần ĐT-XD cao su Phú Thịnh và Công ty TNHH MTV SX-TM Linh Hương thực hiện lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo quy định.

### 3. Giao

#### a. Chi cục bảo vệ môi trường:

+ Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH cao su Quốc Việt, Công ty TNHH MTV cao su Sông Bé, Nhà máy sản xuất găng tay cao su xuất khẩu - Công ty TNHH SX-TM-DV Nam Cường và Công ty TNHH MTV 16 lập thủ tục xin cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

+ Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước, Công ty TNHH cao su Quốc Việt, Công ty Cổ phần cao su Phước Thành, Công ty TNHH TM-SX Minh Long, Công ty Cổ phần Việt Sing, Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường, Công ty TNHH MTV Phương Hậu, Công ty TNHH TM-DV chế biến cao su Hoàng Anh, Công ty TNHH Duy Thắng, Công ty TNHH MTV 16, Công ty TNHH TM-SX Nha Bích, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cao su Phú Thịnh, Công ty TNHH MTV SX-TM Linh Hương lắp đặt trạm quan trắc nước thải liên tục, tự động theo đúng lộ trình đã quy định.

#### b. Phòng Tài nguyên Nước và Khoáng sản:

+ Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước, Công ty TNHH cao su Quốc Việt, Công ty Cổ phần cao su Phước Thành, Công ty Cổ phần Việt Sing, Công ty TNHH Long Hải Nhật Trường, Công ty TNHH MTV Phương Hậu, Công ty TNHH TM-SX Nha Bích, Công ty Cổ phần ĐT-XD cao su Phú Thịnh và Công ty TNHH MTV SX-TM Linh Hương thực hiện lập báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; kết quả quan trắc theo đúng quy định.

+ Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Công ty Cổ phần cao su Phước Thành và Công ty TNHH MTV 16 tiến hành lập hồ sơ kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

+ Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH cao su Quốc Việt thực hiện việc trám lấp giếng khoan đã hư hỏng không sử dụng được theo đúng quy định.

Trên đây là Kết luận kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước đối với các dự án chế biến mủ

cao su trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các tổ chức, đơn vị được kiểm tra và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị được kiểm tra;
- CCBVMT;
- Phòng TNN&KS;
- Lưu: VT, ĐTTTr. *Wm*



*Lưu Văn Hùng*





Bình Phước, ngày 31 tháng 10 năm 2011

**SỔ ĐĂNG KÝ**  
**CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
Mã số QLCTNH: 70.000083.T  
(Cấp lần đầu)

**I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:**

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Một Thành Viên Phương Hậu.  
Địa chỉ văn phòng: Ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.  
Điện thoại: 06513 515399 Fax: 06513 515399 – 3515666  
Tài khoản số: 60422189 tại: Ngân Hàng Á Châu (ACB) – CN Đồng Xoài, Bình Phước.  
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3800436457 Cấp ngày: 14/11/2008.  
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

**II. Nội dung đăng ký:**

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký tại Nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu phát sinh CTNH kèm theo Danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

**III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:**

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 của Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường.

**IV. Điều khoản thi hành:**

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

**Nơi nhận**

- Như phần I;
- Lưu



**GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Long Đoàn*

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 70.000083.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2011)

**1. Cơ sở phát sinh CTNH**

Tên: Công ty TNHH Một Thành Viên Phương Hậu.

Địa chỉ: Ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3800436457 Cấp ngày: 14/11/2008.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.

**2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:**

| STT                  | Tên chất thải                                                                                                                                                                          | Trạng thái tồn tại<br>(rắn/lỏng/bùn) | Số lượng<br>trung bình<br>(Kg/năm) | Mã<br>CTNH |
|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|------------|
| 01                   | Dầu, nhớt thải                                                                                                                                                                         | Lỏng                                 | 400                                | 15 01 07   |
| 02                   | Bóng đèn huỳnh quang thải                                                                                                                                                              | Rắn                                  | 10                                 | 16 01 06   |
| 03                   | Bao bì mềm thải (bao nilon chứa<br>mỡ bò thải bỏ)                                                                                                                                      | Rắn                                  | 05                                 | 18 01 01   |
| 04                   | Bao bì cứng thải bằng nhựa<br>(thùng, can nhựa đựng hóa chất)                                                                                                                          | Rắn                                  | 2.000                              | 18 01 03   |
| 05                   | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao<br>gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu<br>tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo<br>vệ thải bị nhiễm các thành phần<br>nguy hại (Giẻ lau dính dầu mỡ<br>thải) | Rắn                                  | 500                                | 18 02 01   |
| <b>Tổng số lượng</b> |                                                                                                                                                                                        |                                      | <b>2.915</b>                       |            |

**3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:**

| STT                  | Tên chất thải                                             | Trạng thái tồn tại<br>(rắn/lỏng/bùn) | Số lượng trung bình<br>(Kg/năm) |
|----------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|
| 01                   | Rác thải sinh hoạt                                        | Rắn                                  | 1.700                           |
| 02                   | Bùn thải từ hệ thống xử lý<br>nước thải                   | Bùn                                  | 2.000                           |
| 03                   | Dây kẽm ràng pallet, thảm<br>nilon, vụn cao su rơi vãi... | Rắn                                  | 450                             |
| <b>Tổng số lượng</b> |                                                           |                                      | <b>4.150</b>                    |

**4. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:**

Danh sách các hồ sơ, giấy tờ trong hồ sơ đăng ký:

- Đơn xin đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty;
- Bản sao Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 02/4/2009 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: “Đầu tư Nhà máy chế biến mùn cao su Phương Hậu công suất 5.000 tấn/năm – Công ty TNHH MTV Phương Hậu” tại ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
- Bản sao Kết quả phân tích mẫu bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

**HỢP ĐỒNG THU GOM XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Số: CTD.399/2024/CQG

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường.
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX) do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp lần thứ hai ngày 16/03/2020;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên,

Hôm nay, ngày 29 tháng 9 năm 2024, chúng tôi gồm:

**BÊN A : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ**

- Địa chỉ: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
- Điện thoại : 0769 000 769 Fax: 08 54023288
- MST : 3800743345
- Tài khoản : 6282 8888 9999 Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Phú Nhuận, TP.HCM .
- Đại diện : LÊ VĂN TÙNG Chức vụ: PHÓ GIÁM ĐỐC

**BÊN B: CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHƯƠNG HẬU**

- Địa chỉ : Ấp Bù Nôm, Xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước
- Điện thoại :
- MST : 3800 436 457
- Đại diện : NGUYỄN VĂN PHÚC Chức vụ: GIÁM ĐỐC

Hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường không dính thành phần nguy hại theo những điều khoản sau:

**ĐIỀU I: NỘI DUNG DỊCH VỤ**

Bên A nhận xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường không dính thành phần nguy hại (sau đây gọi tắt là Chất thải) phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của bên B. Địa điểm tiếp nhận: Ấp Bù Nồm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

## **ĐIỀU II: ĐƠN GIÁ, DANH MỤC CHẤT THẢI VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN**

**2.1. Đơn giá:** 13.000.000vnđ/năm ( Mười ba triệu đồng/năm). Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý. Khối lượng CTNH tối đa là 500kg/ năm theo danh mục CTNH được liệt kê trong khoản 2.2 của hợp đồng này. Trong trường hợp nếu khối lượng CTNH vượt quá khối lượng tối đa là 500kg thì bên B sẽ phải thanh toán chi phí thu gom - vận chuyển- xử lý CTNH cho bên A với khối lượng tương ứng và đơn giá đồng nhất là 10.000vnđ/kg chưa bao gồm thuế VAT

**2.2. Danh mục chất thải nguy hại được xử lý bao gồm:**

| ST<br>T | Tên Chất Thải                                                                                                                                                            | Mã CTNH  | Trạng Thái | Đơn Giá<br>(VNĐ/KG)                                                        |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 1       | Dầu, nhớt thải                                                                                                                                                           | 15 01 07 | lỏng       | Giá khoán trọn<br>1 năm là:<br>13.000.000<br>đồng ( Mười<br>ba triệu đồng) |
| 2       | Bóng đèn huỳnh quang thải                                                                                                                                                | 16 01 06 | Rắn        |                                                                            |
| 3       | Bao bì mềm thải                                                                                                                                                          | 18 01 01 | Rắn        |                                                                            |
| 4       | Bao bì cứng thải bằng nhựa ( Thùng, can nhựa đựng hóa chất)                                                                                                              | 18 01 03 | Rắn        |                                                                            |
| 5       | Chất Hấp thụ, vật liệu lọc ( Bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại( giẻ lau dính dầu mỡ thải) | 18 02 01 | rắn        |                                                                            |

Tần xuất thu gom: 01 lần/năm.

### **2.3 Danh Mục chất thải thông thường**

| STT | Tên chất Thải                                       | Đơn giá       |
|-----|-----------------------------------------------------|---------------|
| 01  | Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải                | 1.800 đồng/kg |
| 02  | Dây kẽm ràng pallet. Thảm nilon, vụn cao su rơi vãi |               |

**- Đơn giá trên chưa bao gồm VAT**

Liên hệ KD: Mai 0973.930.027

P.Kinh doanh: 0769 000 769

P.Kế toán: 0906.912.942

P.Môi trường: 0936.108.207

Email: tranmaicgg@gmail.com

Email: caogiaquy.kk@gmail.com

Email: caogiaquy.kt@gmail.com

Email: caogiaquy.mt@gmail.com

### 3.2. Trách nhiệm bên B

- Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.
- Bên B phải cung cấp các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu và đảm bảo tính chính xác của thông tin.
- Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải, chất thải phải được để riêng biệt, không được để lẫn các chất thải khác ngoài danh mục hợp đồng, không được rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên và mã số chất thải theo quy định pháp luật hiện hành. Thiết bị lưu trữ chất thải do bên B chịu trách nhiệm. Khi thu gom bên A không hoàn trả lại thiết bị lưu trữ.
- Khi có nhu cầu thu gom, xử lý. Bên B thông báo trước cho bên A ít nhất là 48 giờ qua mail hoặc điện thoại (trừ ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).
- Bên B tạo điều kiện cho bên A trong quá trình thu gom chất thải, hỗ trợ phương tiện nâng hàng lên xe tải của bên A (nếu có).
- Không giao cho bên A các loại chất thải ngoài danh mục trong hợp đồng đã thỏa thuận.
- Phối hợp cùng bên A trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.
- Trong thời gian hiệu lực hợp đồng bên B không được giao chất thải cho đơn vị khác thu gom, xử lý hoặc tự ý xử lý. Nếu vi phạm bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên A.
- Cam kết thanh toán đầy đủ cho bên A như trong khoản 2.3 của điều 2.
- Nếu đến hạn thanh toán mà bên B chưa thanh toán phí cho bên A thì bên B phải chịu phạt do chậm thanh toán với mức phạt theo lãi suất cho vay của Ngân Hàng Nhà Nước tại thời điểm thanh toán.

### ĐIỀU IV: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 29 tháng 09 năm 2027 và được xem là tự động thanh lý trong trường hợp hai bên đã hoàn thành toàn bộ quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều khoản của hợp đồng.
- Nếu một trong hai bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại bằng văn bản và nêu rõ lý do trước 30 ngày.

**2.4. Phương thức thanh toán:** Bên B sẽ phải thanh toán chi phí thu gom- vận chuyển- xử lý CTNH cho bên B thành 03 đợt như sau:

+ Đợt 01: Bên B sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng xử lý CTNH & CTCN năm đầu tiên cho bên A kèm theo hóa đơn GTGT và giấy đề nghị thanh toán dựa trên số lượng thu gom thực tế cho năm đầu tiên.( từ tháng 9 /2024 đến tháng 9/2025)

+ Đợt 02: Bên B sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng xử lý CTNH & CTCN năm thứ 2 cho bên A kèm theo hóa đơn GTGT và giấy đề nghị thanh toán dựa trên số lượng thu gom thực tế cho năm thứ 2.( từ tháng 9 /2025 đến tháng 9/2026)

+ Đợt 03: Bên B sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng xử lý CTNH & CTCN năm thứ 3 cho bên A kèm theo hóa đơn GTGT và giấy đề nghị thanh toán dựa trên số lượng thu gom thực tế cho năm thứ 3.( từ tháng 9 /2026 đến tháng 9/2027)

Bên B Thanh toán cho bên A theo hình thức chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt bằng tiền đồng Việt Nam cho bên B trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn .

### **ĐIỀU III: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN**

#### **3.1. Trách nhiệm bên A**

- Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.
- Bên A phải cung cấp cho Bên B bản sao giấy phép kinh doanh; giấy phép vận chuyển CTNH; giấy phép xử lý CTNH và các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
- Bên A thu gom chất thải của bên B, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý của bên A, (hoặc chuyển giao xử lý) các loại chất thải đã tiếp nhận theo đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo đúng các quy định về môi trường của Nhà nước. Nếu bên A không tuân thủ theo các quy định mà gây ra tác hại về môi trường, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan.
- Bên A bố trí thời gian nhận chất thải theo yêu cầu của bên B.
- Phối hợp cùng bên B trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.
- Chất thải sau khi chở ra khỏi cổng bên B thì bên A phải chịu mọi trách nhiệm về mặt pháp lý của pháp luật hiện hành.
- Bên A chịu trách nhiệm xác nhận và hoàn trả các liên chứng từ chất thải cho bên B, sau khi hoàn thành việc xử lý theo đúng quy định và mẫu chứng từ hiện hành của Bộ Tài nguyên & Môi trường ban hành.

Liên hệ KD: Mai 0973.930.027

P.Kinh doanh: 0769 000 769

P.Kế toán: 0906.912.942

P.Môi trường: 0936.108.207

Email: tranmaicgq@gmail.com

Email: caogiaquy.kd@gmail.com

Email: caogiaquy.kt@gmail.com

Email: caogiaquy.mt@gmail.com

- Nếu một trong hai bên muốn điều chỉnh nội dung hợp đồng này thì cần có sự đồng ý của hai bên và sẽ được thể hiện vào PLHD.

#### **ĐIỀU V: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- Trong trường hợp bất khả kháng như: chiến tranh, bão lụt, động đất, chính sách quốc gia... nằm ngoài khả năng kiểm soát của mỗi bên mà hợp đồng không thực hiện được thì các bên phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia trong vòng 05 ngày và các bên sẽ được miễn trách nhiệm thực hiện hợp đồng.
- Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu hai bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân TPHCM để giải quyết. Phán xét của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp giữa hai bên (nếu có).

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**NGUYỄN VĂN PHÚC**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**LÊ VĂN TÙNG**

Liên hệ KD: Mai 0973.930.027

P.Kinh doanh: 0769 000 769

P.Kế toán: 0906.912.942

P.Môi trường: 0936.108.207

Email: tranmaicgq@gmail.com

Email: caogiaquy.kd@gmail.com

Email: caogiaquy.kt@gmail.com

Email: caogiaquy.mt@gmail.com

**UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Số: 3095 /STNMT-CCBVMT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bình Phước, ngày 17 tháng 10 năm 2024*

V/v ý kiến về môi trường đối với Dự  
án nhà máy chế biến mủ cao su  
Phương Hậu của Công ty TNHH  
MTV Phương Hậu

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Phương Hậu

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 04/2024/CV-PH ngày 23/8/2024 của Công ty TNHH MTV Phương Hậu về việc giải trình việc lắp đặt dây chuyền sản xuất mủ cao su ly tâm. Qua xem xét các văn bản pháp lý liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường ý kiến như sau:

Dự án đầu tư Nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu, công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm tại ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Phương Hậu làm chủ đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 02/4/2009. Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 23/GXN-STNMT ngày 09/8/2018.

Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thì Nhà máy mủ cao su Phương Hậu sản xuất với công suất 5.000 tấn sản phẩm/năm bao gồm 2 dây chuyền: Chế biến mủ cốm từ mủ tạp (thành phẩm là mủ cao su sơ chế SVR10), công suất 3.000 tấn sản phẩm/năm và chế biến từ mủ cốm từ mủ nước (thành phẩm là mủ cao su sơ chế SVR3L), công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm. Hiện nay, Công ty đề nghị lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất mủ ly tâm (với công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm bao gồm công suất của mủ ly tâm và mủ SVR3L).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 39 và điểm c khoản 3 Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường và thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND tỉnh.

Tại điểm d khoản 2 Điều 42 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định cơ sở sản xuất đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật này có hiệu lực phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước,... (gọi chung là giấy phép môi trường thành phần). Giấy phép

môi trường thành phần được tiếp tục sử dụng như giấy phép môi trường đến hết thời hạn của giấy phép môi trường thành phần hoặc được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành trong trường hợp giấy phép môi trường thành phần không xác định thời hạn. Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty TNHH MTV Phương Hậu sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường cho Nhà máy chế biến mủ cao su Phương Hậu và tích hợp việc lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất mủ ly tâm vào Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trong quá trình cấp giấy phép môi trường.

Yêu cầu Công ty TNHH MTV Phương Hậu trong quá trình hoạt động phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về công tác bảo vệ môi trường theo các nội dung tại Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 02/4/2009 của UBND tỉnh; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 23/GXN-STNMT ngày 09/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận: *[Signature]*

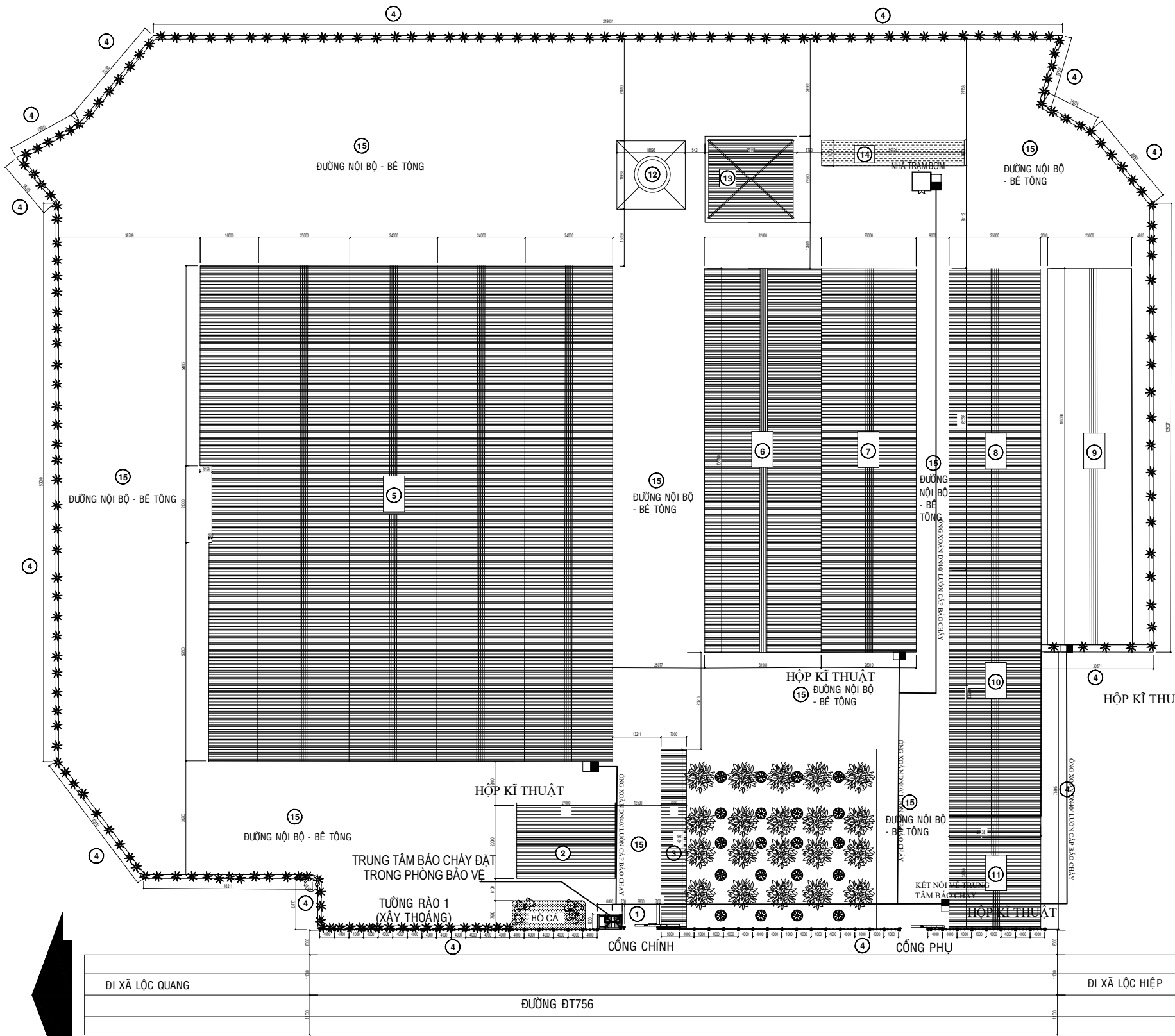
- Như trên;
- Lưu: VT, CCBVMT (Th Linh).

*[Signature]*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Võ Văn Dinh*



MẶT BẰNG TỔNG THỂ TL 1/500

CHÚ THÍCH:

| KÍ HIỆU | HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH         |
|---------|-----------------------------|
| ①       | CỔNG CHÍNH - NHÀ BẢO VỆ     |
| ②       | NHÀ Ở NHÂN VIÊN + VĂN PHÒNG |
| ③       | NHÀ XE                      |
| ④       | HÀNG RÀO - RANH ĐẤT         |
| ⑤       | KHU NHÀ XƯỞNG SỐ 1          |
| ⑥       | KHU NHÀ XƯỞNG SỐ 2          |
| ⑦       | KHU NHÀ XƯỞNG SỐ 3          |
| ⑧       | KHU NHÀ XƯỞNG SỐ 4          |
| ⑨       | KHU NHÀ XƯỞNG SỐ 5          |
| ⑩       | KHU NHÀ XƯỞNG SỐ 6          |
| ⑪       | KHU NHÀ XƯỞNG CƠ KHÍ        |
| ⑫       | BỒN NƯỚC                    |
| ⑬       | TRẠM CẤP NƯỚC               |
| ⑭       | HỒ CHỨA NƯỚC                |
| ⑮       | ĐƯỜNG NỘI BỘ - BÊ TÔNG      |
|         | CÂY XANH                    |
|         | CÂY XANH                    |
|         | CÂY XANH                    |

- TIM ĐƯỜNG
- HÀNH LANG LỘ GIỚI
- RANH HÀNG RÀO - RANH ĐẤT

GHI CHÚ

1- .....

CHỦ ĐẦU TƯ - PROJECT OWNER:

**CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG HẬU**

CÔNG TY TNHH  
MỘT THÀNH VIÊN  
PHƯƠNG HẬU

DỰ ÁN - PROJECT

**NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG HẬU**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION:

**XÃ LỘC PHÚ, HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

HẠNG MỤC - CATEGORIES:

**PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**

| STT | Ngày/tháng | Sửa đổi |
|-----|------------|---------|
| 01  |            |         |
| 02  |            |         |
| 03  |            |         |
| 04  |            |         |

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

**MẶT BẰNG BẢO CHÁY TỔNG THỂ**

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGNED BY :

**CÔNG TY TNHH BẢO AN BÌNH PHƯỚC**

**Bao An Binh Phuoc Co., Ltd**

CHUYÊN NGÀNH PCCC - CHỐNG SÉT - ĐIỆN

TRỤ SỞ: 40 HAI BÀ TRUNG - ĐỨC PHONG - BÙ ĐĂNG - BÌNH PHƯỚC  
VPDD: 01 BACH ĐANG - TÂN PHÚ - ĐỒNG XOÀI - BÌNH PHƯỚC  
ĐT: 02713 880345 - DD: 0908717426  
E-mail: pcccbaoanbp@gmail.com

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

GD: NGUYỄN NGỌC QUÂN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - PROJECT LEADER

K.S: NGUYỄN MẠNH THẮNG

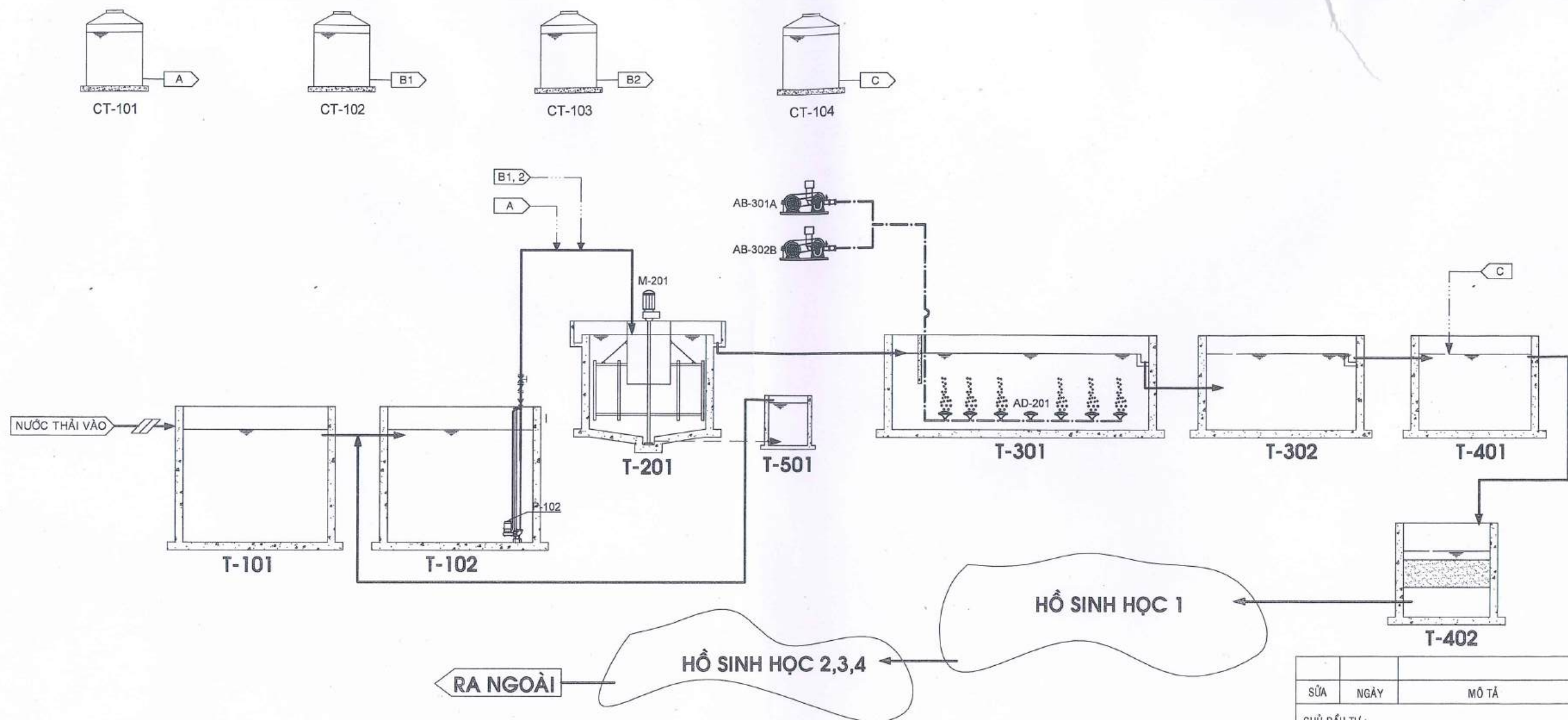
THIẾT KẾ - DESIGN

K.S: VĂN TUẤN ANH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECHNICALMANAGER

K.S: VĂN TUẤN ANH

|                |       |
|----------------|-------|
| HOÀN THÀNH     | 2024  |
| KÝ HIỆU BẢN VẼ |       |
| HSTKBVTC       | BC 02 |



### GHI CHÚ :

T-101A : BỂ TÁCH MÙ 1

T-101B : BỂ TÁCH MÙ 2

T-102 : BỂ ĐIỀU HÒA

T-201 : BỂ KEO TỤ KẾT HỢP LẮNG

T-301 : BỂ AEROTANK

T-302 : BỂ LẮNG

T-401 : BỂ KHỬ TRÙNG

T-402 : BỂ LỌC

T-501 : BỂ CHỨA BÙN

CT-101 : BỒN CHỨA PAC

CT-102 : BỒN CHỨA NaOH

CT-103 : BỒN CHỨA POLYMER

CT-104 : BỒN CHỨA CLORINE

P-102 : BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA

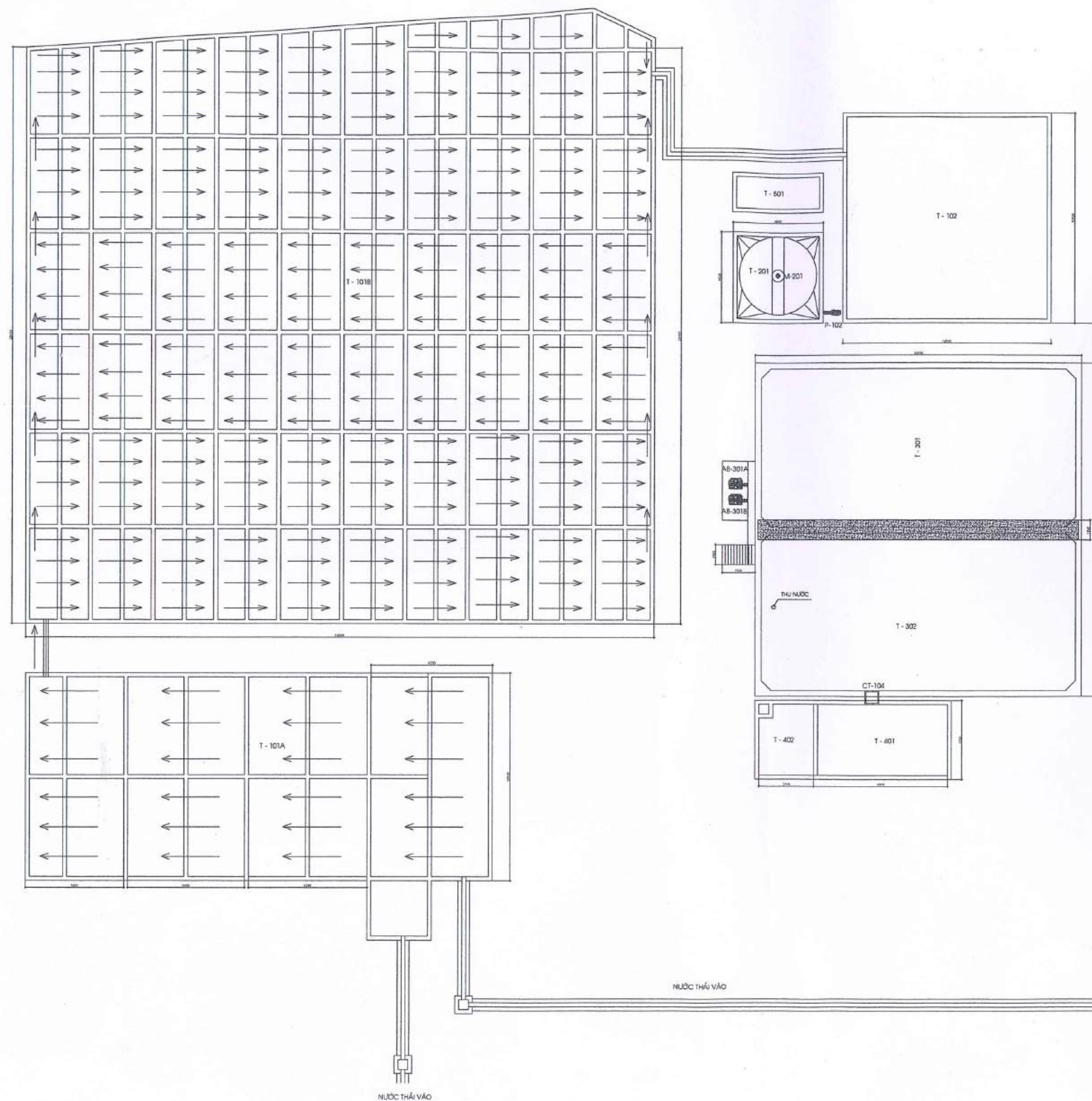
M-201 : MÁY KHUẤY BỂ KEO TỤ

AB-301A/B : MÁY THỔI KHÍ BỂ AEROTANK

———— : ĐƯỜNG NƯỚC THẢI ———— : ĐƯỜNG KHÍ ———— : ĐƯỜNG HÓA CHẤT ———— : ĐƯỜNG BÙN

|                                                |      |                                                                                                    |               |
|------------------------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
|                                                |      |                                                                                                    |               |
| SỬA                                            | NGÀY | MÔ TẢ                                                                                              | VẼ            |
| CHỦ ĐẦU TƯ :                                   |      |                                                                                                    |               |
| CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG HẬU                    |      |                                                                                                    |               |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN VĂN PHÚC                     |      |                                                                                                    |               |
| CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN HOÀNG |      |                                                                                                    |               |
| 481 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP.HCM    |      |                                                                                                    |               |
| TEL: 08.38 330 888 FAX: 08.38 330 999          |      |                                                                                                    |               |
| EMAIL: nguyenhoangcongnghe@gmail.com           |      |                                                                                                    |               |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN CAO TRÍ                      |      |               |               |
| DỰ ÁN :                                        |      |                                                                                                    |               |
| HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI                       |      |                                                                                                    |               |
| 580 M3/NGÀY                                    |      |                                                                                                    |               |
| TÊN BẢN VẼ                                     |      |                                                                                                    |               |
| SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ                                |      |                                                                                                    |               |
| VẬT LIỆU : --                                  |      | HÌNH CHIẾU :  |               |
| C.T+T.KẾ : NG.C.TRÍ                            |      | KT : MM                                                                                            | SHT OF        |
| VẼ : TRẦN.T.HÀ                                 |      | SỬA : 0                                                                                            | TỈ LỆ : 1/100 |
| KTRA : TR.M.HIỆU                               |      | BẢN VẼ SỐ :                                                                                        |               |
| NGÀY : 04-2010                                 |      | XLNT-PH-CN-01-1                                                                                    |               |





**GHI CHÚ :**

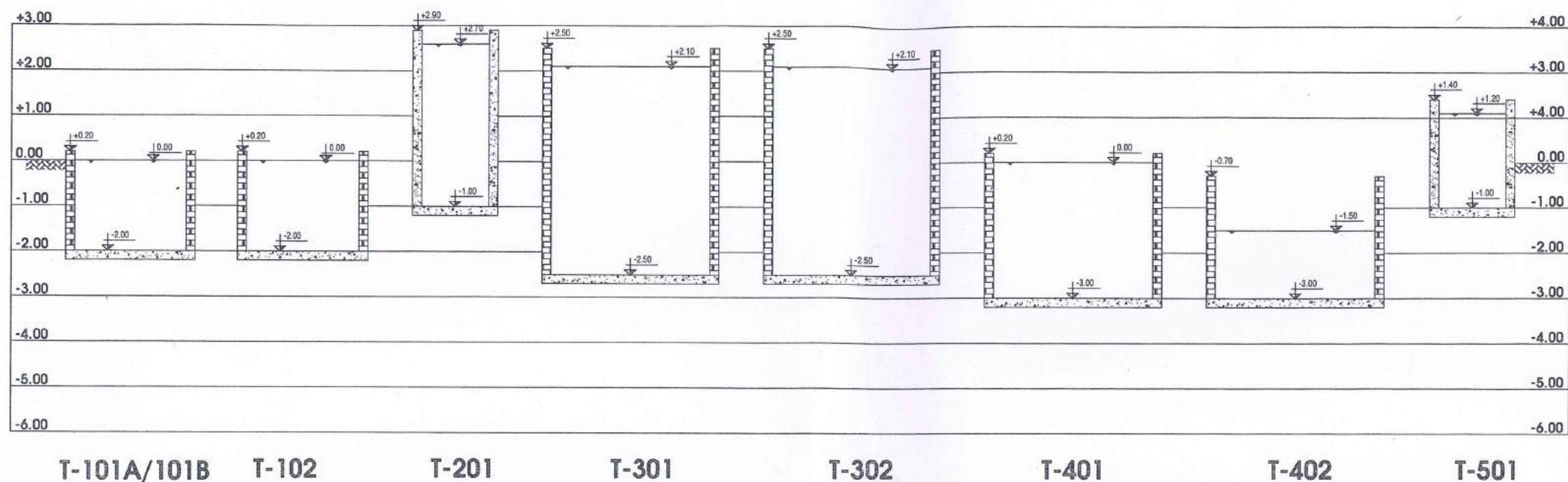
- T-101A : BỂ TÁCH MÙ 1  
T-101B : BỂ TÁCH MÙ 2  
T-102 : BỂ ĐIỀU HÒA  
T-201 : BỂ KEO TỤ KẾT HỢP LẮNG  
T-301 : BỂ AEROTANK  
T-302 : BỂ LẮNG  
T-401 : BỂ KHỬ TRÙNG  
T-402 : BỂ LỌC  
T-501 : BỂ CHỨA BÙN  
CT-101 : BỒN CHỨA PAC  
CT-102 : BỒN CHỨA NaOH  
CT-103 : BỒN CHỨA POLYMER  
CT-104 : BỒN CHỨA CLORINE

**GHI CHÚ :**

- P-102 : BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA  
M-201 : MÁY KHUẤY BỂ KEO TỤ  
AB-301A/B : MÁY THỔI KHÍ BỂ AEROTANK

|                                                |                 |              |       |
|------------------------------------------------|-----------------|--------------|-------|
| SỬA                                            | NGÀY            | MÔ TẢ        | VẼ    |
| CHỦ ĐẦU TƯ :                                   |                 |              |       |
| <b>CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG HẬU</b>             |                 |              |       |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN VĂN PHÚC                     |                 |              |       |
| CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN HOÀNG |                 |              |       |
| 481 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP.HCM    |                 |              |       |
| TEL: 08.38 330 888 FAX: 08.38 330 999          |                 |              |       |
| EMAIL : nguyenhoangcongnguyenhoangenvi.vn      |                 |              |       |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN CAO TRÍ                      |                 |              |       |
| DỰ ÁN :                                        |                 |              |       |
| <b>HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI</b>                |                 |              |       |
| <b>580 M3/NGÀY</b>                             |                 |              |       |
| TÊN BẢN VẼ                                     |                 |              |       |
| <b>BỂ XỬ LÝ</b>                                |                 |              |       |
| <b>MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ</b>                |                 |              |       |
| VẬT LIỆU : ---                                 |                 | HÌNH CHIẾU : |       |
| C.T+T.KẾ : NG.C.TRÍ                            | KT : MM         | SHT          | OF    |
| VẼ : TRẦN.T.HÀ                                 | SỬA : 0         | TỈ LỆ :      | 1/100 |
| KTRA : TR.M.HIỆU                               | BẢN VẼ SỐ :     |              |       |
| NGÀY : 04-2010                                 | XLNT-PH-CN-01-2 |              |       |





### CAO TRÌNH CÔNG NGHỆ

#### GHI CHÚ :

T-101A : BỂ TÁCH MŨ 1

T-101B : BỂ TÁCH MŨ 2

T-102 : BỂ ĐIỀU HÒA

T-201 : BỂ KEO TỤ KẾT HỢP LẮNG

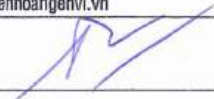
T-301 : BỂ AEROTANK

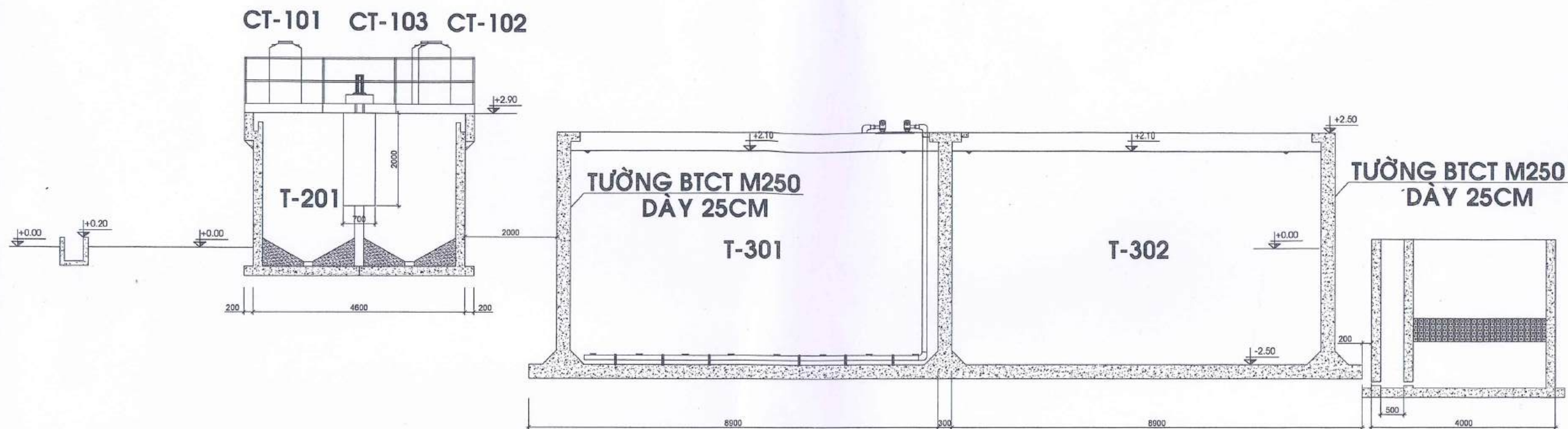
T-302 : BỂ LẮNG

T-401 : BỂ KHỬ TRÙNG

T-402 : BỂ LỌC

T-501 : BỂ CHỨA BÙN

|                                                                                    |      |                                                                                                    |              |
|------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
|                                                                                    |      |                                                                                                    |              |
| SỬA                                                                                | NGÀY | MÔ TẢ                                                                                              | VẼ           |
| CHỦ ĐẦU TƯ :                                                                       |      |                                                                                                    |              |
| CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG HẬU                                                        |      |                                                                                                    |              |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN VĂN PHÚC                                                         |      |                                                                                                    |              |
| CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN HOÀNG                                     |      |                                                                                                    |              |
| 481 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP.HCM                                        |      |                                                                                                    |              |
| TEL: 08.38 330 888      FAX: 08.38 330 999                                         |      |                                                                                                    |              |
| EMAIL : <a href="mailto:nguyenhoangcongngheenvi.vn">nguyenhoangcongngheenvi.vn</a> |      |                                                                                                    |              |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN CAO TRÍ                                                          |      |               |              |
| DỰ ÁN :                                                                            |      |                                                                                                    |              |
| HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI                                                           |      |                                                                                                    |              |
| 580 M3/NGÀY                                                                        |      |                                                                                                    |              |
| TÊN BẢN VẼ                                                                         |      |                                                                                                    |              |
| BỂ XỬ LÝ                                                                           |      |                                                                                                    |              |
| CAO TRÌNH CÔNG NGHỆ                                                                |      |                                                                                                    |              |
| VẬT LIỆU : --                                                                      |      | HÌNH CHIẾU :  |              |
| C.T+T.KẾ : NG.C.TRÍ                                                                |      | KT : MM                                                                                            | SHT OF       |
| VẼ : TRẦN.T.HÀ                                                                     |      | SỬA : 0                                                                                            | TỈ LỆ: 1/100 |
| KTRA : TR.M.HIỆU                                                                   |      | BẢN VẼ SỐ :                                                                                        |              |
| NGÀY : 04-2010                                                                     |      | XLNT-PH-CN-01-4                                                                                    |              |

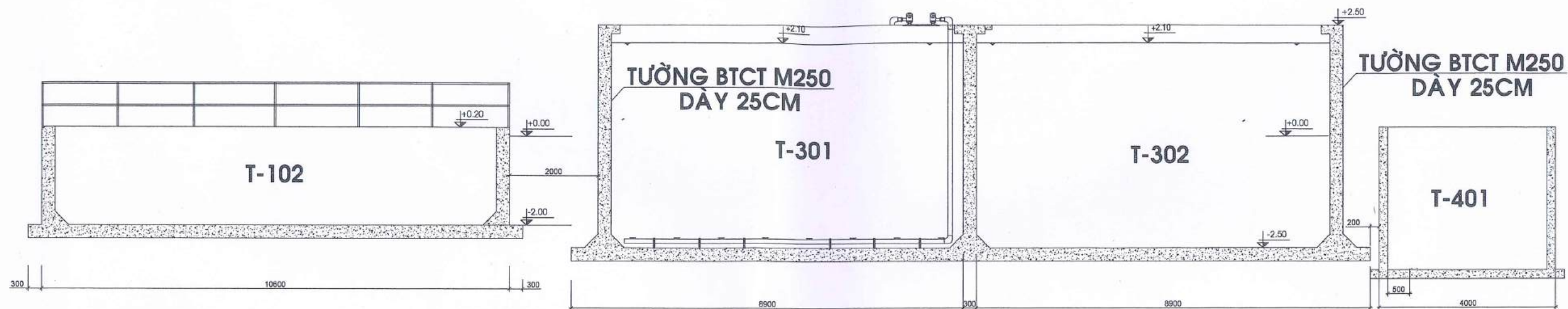


**MẶT CẮT A-A**

**GHI CHÚ :**

- T-301 : BỂ AEROTANK  
T-102 : BỂ ĐIỀU HÒA  
T-201 : BỂ KEO TỤ  
CT-101 : BỒN CHỨA PAC  
CT-102 : BỒN CHỨA NaOH  
CT-103 : BỒN CHỨA POLYMER

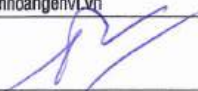
|                                                                                                  |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
|                                                                                                  |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
| SỬA                                                                                              | NGÀY | MÔ TẢ                                                                                                                                                                                    | VẼ               |
| CHỦ ĐẦU TƯ :                                                                                     |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
| CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG HẬU                                                                      |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN VĂN PHÚC                                                                       |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
| CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN HOÀNG                                                   |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
| 481 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP.HCM                                                      |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
| TEL: 08.38 330 888      FAX: 08.38 330 999                                                       |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
| EMAIL : <a href="mailto:nguyenhoangcongnguyenhoangenvi.vn">nguyenhoangcongnguyenhoangenvi.vn</a> |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN CAO TRÍ                                                                        |      |                                                                                                     |                  |
| DỰ ÁN :                                                                                          |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
| HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI                                                                         |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
| 580 M3/NGÀY                                                                                      |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
| TÊN BẢN VẼ                                                                                       |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
| BỂ XỬ LÝ                                                                                         |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
| MẶT CẮT A-A                                                                                      |      |                                                                                                                                                                                          |                  |
| VẬT LIỆU :      --                                                                               |      | HÌNH CHIẾU :   |                  |
| C.T+T.KẾ : NG.C.TRÍ                                                                              |      | KT :    MM                                                                                                                                                                               | SHT    OF        |
| VẼ : TRẦN.T.HÀ                                                                                   |      | SỬA :    0                                                                                                                                                                               | TỈ LỆ :    1/100 |
| KTRA : TR.M.HIỆU                                                                                 |      | BẢN VẼ SỐ :                                                                                                                                                                              |                  |
| NGÀY :                      04-2010                                                              |      | XLNT-PH-CN-02-1                                                                                                                                                                          |                  |

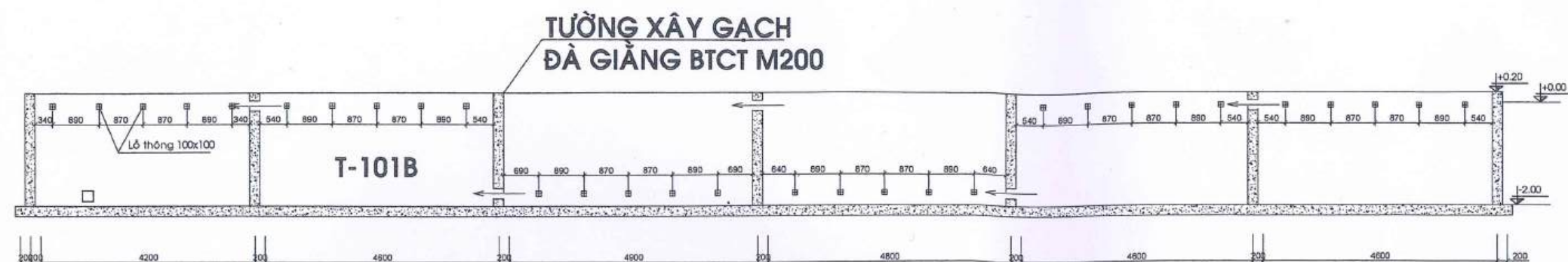


**MẶT CẮT B-B**

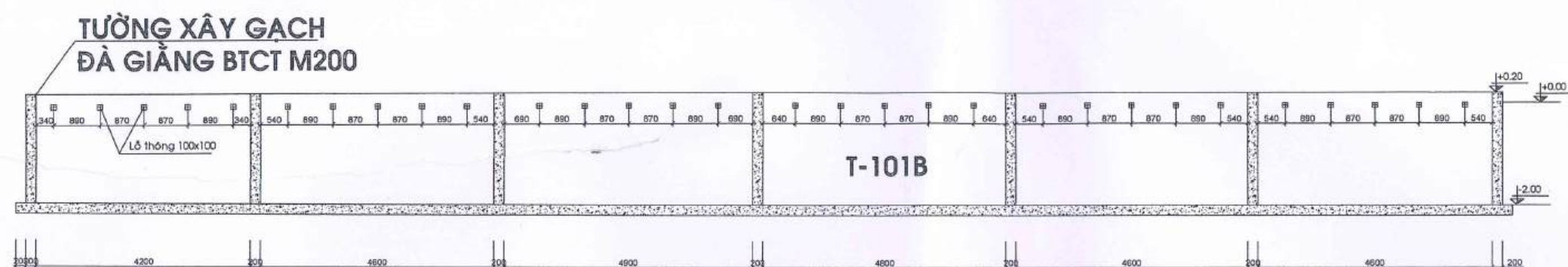
**GHI CHÚ :**

- T-301 : BỂ AEROTANK  
T-102 : BỂ ĐIỀU HÒA  
T-302 : BỂ LẮNG  
T-401 : BỂ KHỬ TRÙNG

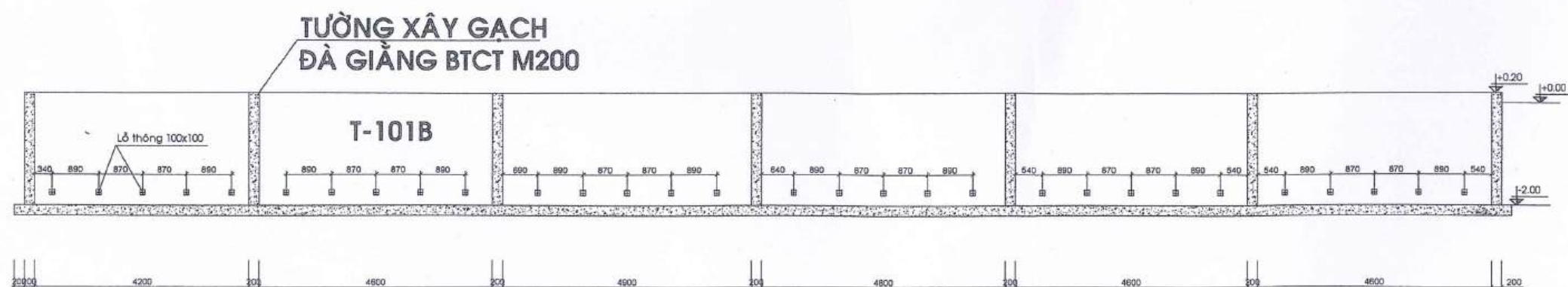
|                                                                                                  |      |                                                                                                    |               |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
|                                                                                                  |      |                                                                                                    |               |
| SỬA                                                                                              | NGÀY | MÔ TẢ                                                                                              | VẼ            |
| CHỦ ĐẦU TƯ :                                                                                     |      |                                                                                                    |               |
| CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG HẬU                                                                      |      |                                                                                                    |               |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN VĂN PHÚC                                                                       |      |                                                                                                    |               |
| CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN HOÀNG                                                   |      |                                                                                                    |               |
| 481 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP.HCM                                                      |      |                                                                                                    |               |
| TEL: 08.38 330 888      FAX: 08.38 330 999                                                       |      |                                                                                                    |               |
| EMAIL : <a href="mailto:nguyenhoangcongnguyenhoangenvi.vn">nguyenhoangcongnguyenhoangenvi.vn</a> |      |                                                                                                    |               |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN CAO TRÍ                                                                        |      |               |               |
| DỰ ÁN :                                                                                          |      |                                                                                                    |               |
| HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI                                                                         |      |                                                                                                    |               |
| 580 M3/NGÀY                                                                                      |      |                                                                                                    |               |
| TÊN BẢN VẼ                                                                                       |      |                                                                                                    |               |
| BỂ XỬ LÝ                                                                                         |      |                                                                                                    |               |
| MẶT CẮT B-B                                                                                      |      |                                                                                                    |               |
| VẬT LIỆU :      --                                                                               |      | HÌNH CHIẾU :  |               |
| C.T+T.KẾ : NG.C.TRÍ                                                                              |      | KT : MM                                                                                            | SHT OF        |
| VẼ : TRẦN.T.HÀ                                                                                   |      | SỬA : 0                                                                                            | TỈ LỆ : 1/100 |
| KTRA : TR.M.HIỆU                                                                                 |      | BẢN VẼ SỐ :                                                                                        |               |
| NGÀY : 04-2010                                                                                   |      | XLNT-PH-CN-02-2                                                                                    |               |



**MẶT CẮT C-C**



**MẶT CẮT D-D**



**MẶT CẮT E-E**

**GHI CHÚ :**

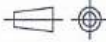
T-101A : BỂ TÁCH MŨ 1

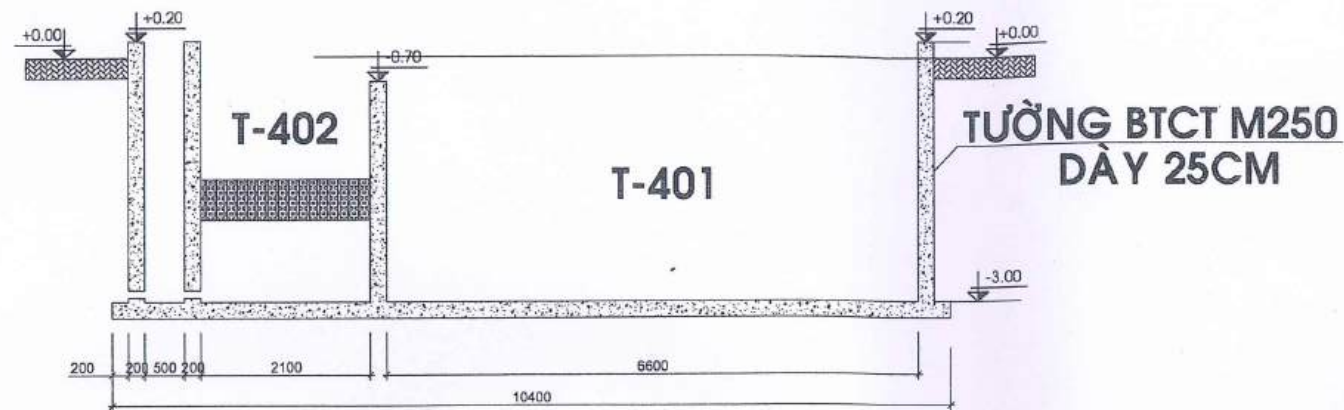
T-101B : BỂ TÁCH MŨ 2

|                                                |      |                                                                                                                                                                                          |               |
|------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| SỬA                                            | NGÀY | MÔ TẢ                                                                                                                                                                                    | VẼ            |
| CHỦ ĐẦU TƯ :                                   |      |                                                                                                                                                                                          |               |
| CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG HẬU                    |      |                                                                                                                                                                                          |               |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN VĂN PHÚC                     |      |                                                                                                                                                                                          |               |
| CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN HOÀNG |      |                                                                                                                                                                                          |               |
| 481 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP.HCM    |      |                                                                                                                                                                                          |               |
| TEL: 08.38 330 888 FAX: 08.38 330 999          |      |                                                                                                                                                                                          |               |
| EMAIL : nguyenhoangcongnghe@nguyenhoangenvi.vn |      |                                                                                                                                                                                          |               |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN CAO TRÍ                      |      |                                                                                                     |               |
| DỰ ÁN :                                        |      |                                                                                                                                                                                          |               |
| HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI                       |      |                                                                                                                                                                                          |               |
| 580 M3/NGÀY                                    |      |                                                                                                                                                                                          |               |
| TÊN BẢN VẼ                                     |      |                                                                                                                                                                                          |               |
| BỂ TÁCH MŨ                                     |      |                                                                                                                                                                                          |               |
| MẶT CẮT C-C,D-D,E-E                            |      |                                                                                                                                                                                          |               |
| VẬT LIỆU : --                                  |      | HÌNH CHIẾU :   |               |
| C.T+T.KẾ : NG.C.TRÍ                            |      | KT : MM                                                                                                                                                                                  | SHT OF        |
| VẼ : TRẦN.T.HÀ                                 |      | SỬA : 0                                                                                                                                                                                  | TỈ LỆ : 1/100 |
| KTRA : TR.M.HIỆU                               |      | BẢN VẼ SỐ :                                                                                                                                                                              |               |
| NGÀY : 04-2010                                 |      | XLNT-PH-CN-02-3                                                                                                                                                                          |               |



T-101B : BỂ TÁCH MŨ 2

|                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |                                                                                                           |               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |                                                                                                           |               |
| SỬA                                                                                                                                                                                                                                                                         | NGÀY | MÔ TẢ                                                                                                     | VỀ            |
| <b>CHỦ ĐẦU TƯ :</b><br><b>CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG HẬU</b>                                                                                                                                                                                                                   |      |                                                                                                           |               |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN VĂN PHÚC                                                                                                                                                                                                                                                  |      |                                                                                                           |               |
| <b>CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN HOÀNG</b><br><b>481 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP.HCM</b><br><b>TEL: 08.38 330 888      FAX: 08.38 330 999</b><br><b>EMAIL : <a href="mailto:nguyenhoangcongnguyenhoangenvi.vn">nguyenhoangcongnguyenhoangenvi.vn</a></b> |      |                                                                                                           |               |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN CAO TRÍ                                                                                                                                                                                                                                                   |      |                      |               |
| <b>DỰ ÁN :</b><br><b>HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI</b><br><b>580 M3/NGÀY</b>                                                                                                                                                                                                     |      |                                                                                                           |               |
| TÊN BẢN VẼ                                                                                                                                                                                                                                                                  |      | <b>BẺ TÁCH MŨ</b><br><b>MẶT CẮT V-V, VI-VI</b>                                                            |               |
| VẬT LIỆU : —                                                                                                                                                                                                                                                                |      | <b>HÌNH CHIẾU :</b>  |               |
| C.T+T.KẾ : NG.C.TRÍ                                                                                                                                                                                                                                                         |      | KT : MM                                                                                                   | SHT OF        |
| VỀ : TRẦN.T.HÀ                                                                                                                                                                                                                                                              |      | SỬA : 0                                                                                                   | TỈ LỆ : 1/100 |
| KTRA : TR.M.HIỆU                                                                                                                                                                                                                                                            |      | BẢN VẼ SỐ :                                                                                               |               |
| NGÀY : 04-2010                                                                                                                                                                                                                                                              |      | XLNT-PH-CN-02-5                                                                                           |               |



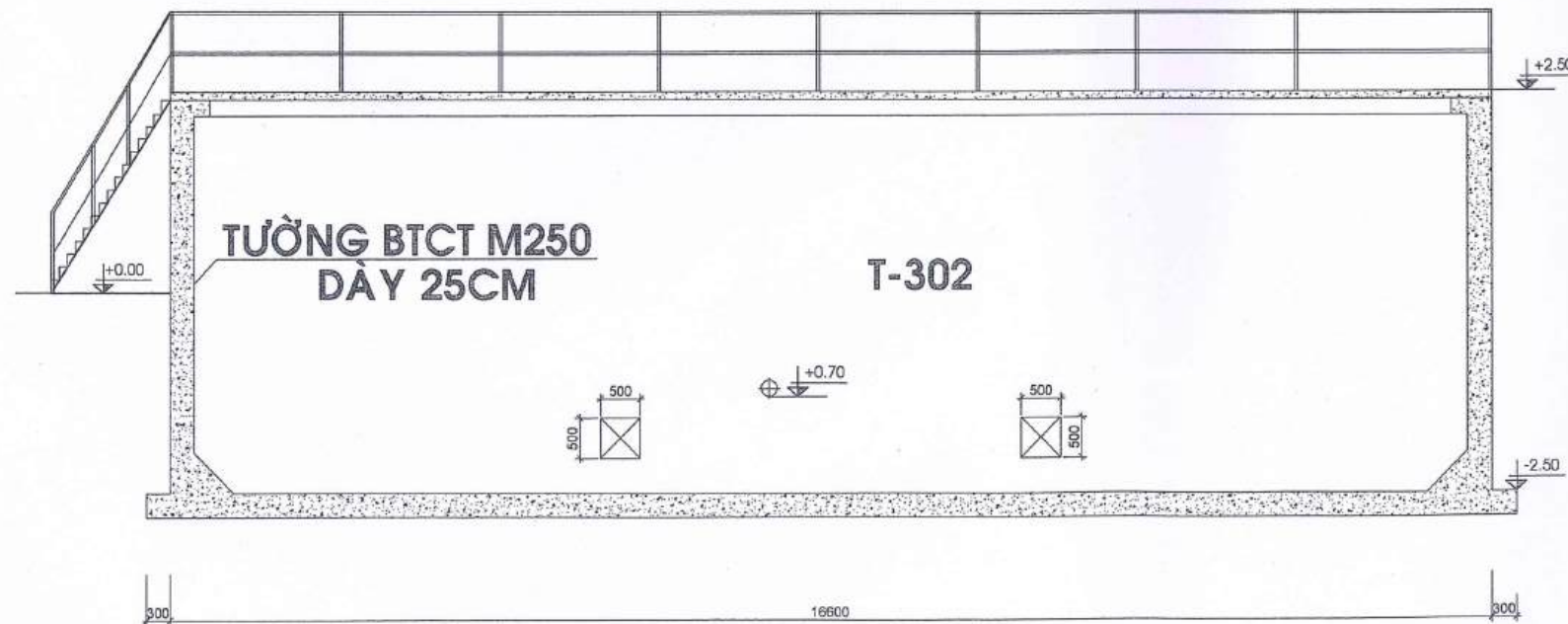
**MẶT CẮT I-I**

**GHI CHÚ :**

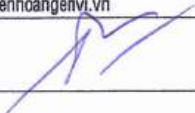
**T-302 : BỂ LẮNG**

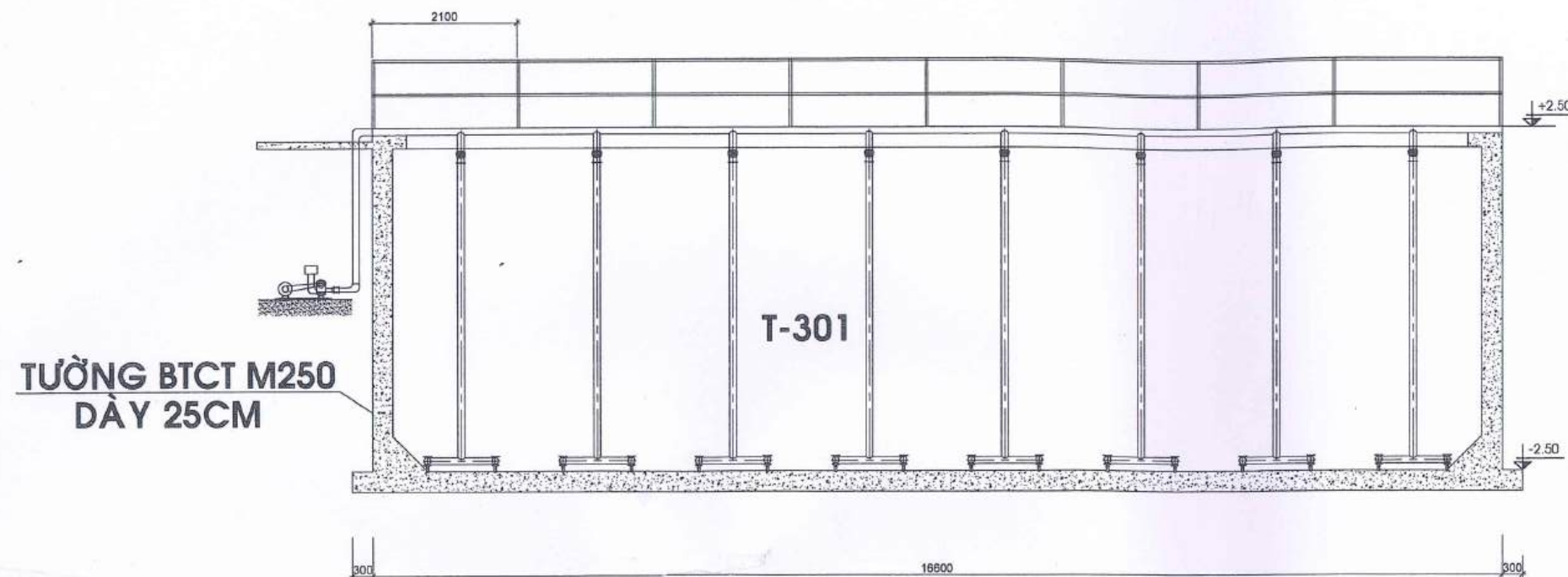
**T-401 : BỂ KHỦ TRÙNG**

**T-402 : BỂ LỌC**

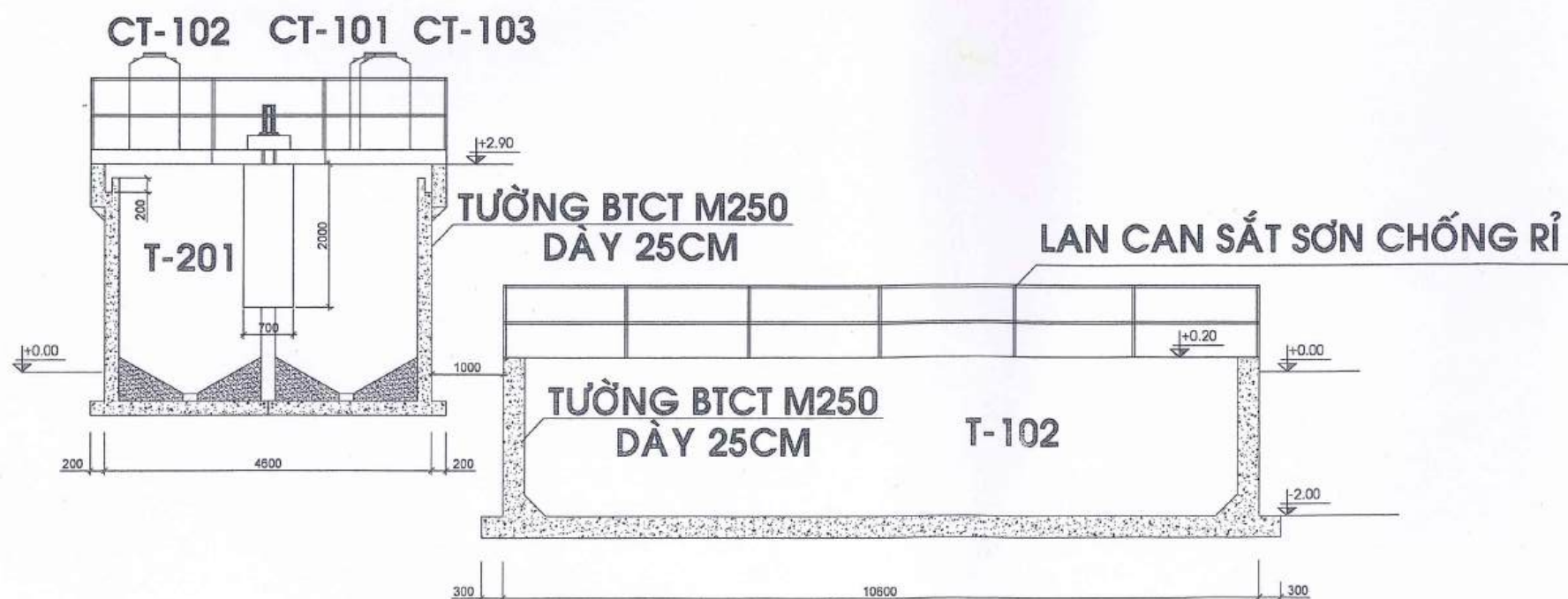


**MẶT CẮT II-II**

|                                                |      |                                                                                                    |               |
|------------------------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| SỬA                                            | NGÀY | MÔ TẢ                                                                                              | VẼ            |
| CHỦ ĐẦU TƯ :                                   |      |                                                                                                    |               |
| CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG HẬU                    |      |                                                                                                    |               |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN VĂN PHÚC                     |      |                                                                                                    |               |
| CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN HOÀNG |      |                                                                                                    |               |
| 481 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP.HCM    |      |                                                                                                    |               |
| TEL: 08.38 330 888 FAX: 08.38 330 999          |      |                                                                                                    |               |
| EMAIL : nguyenhoangcongnguyenhoangenvi.vn      |      |                                                                                                    |               |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN CAO TRÍ                      |      |               |               |
| DỰ ÁN :                                        |      |                                                                                                    |               |
| HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI                       |      |                                                                                                    |               |
| 580 M3/NGÀY                                    |      |                                                                                                    |               |
| TÊN BẢN VẼ                                     |      |                                                                                                    |               |
| BỂ XỬ LÝ                                       |      |                                                                                                    |               |
| MẶT CẮT I-I, II-II                             |      |                                                                                                    |               |
| VẬT LIỆU : --                                  |      | HÌNH CHIẾU :  |               |
| C.T+T.KẾ : NG.C.TRÍ                            |      | KT : MM                                                                                            | SHT OF        |
| VẼ : TRẦN.T.HÀ                                 |      | SỬA : 0                                                                                            | TỈ LỆ : 1/100 |
| KTRA : TR.M.HIỆU                               |      | BẢN VẼ SỐ :                                                                                        |               |
| NGÀY : 04-2010                                 |      | XLNT-PH-CN-02-4                                                                                    |               |



**MẶT CẮT III-III**



**MẶT CẮT IV-IV**

**GHI CHÚ :**

- T-301 : BỂ AEROTANK
- T-102 : BỂ ĐIỀU HÒA
- T-201 : BỂ KEO TỤ
- CT-101 : BỒN CHỨA PAC
- CT-102 : BỒN CHỨA NaOH
- CT-103 : BỒN CHỨA POLYMER

|                                                |      |                                                                                                    |               |
|------------------------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
|                                                |      |                                                                                                    |               |
| SỬA                                            | NGÀY | MÔ TẢ                                                                                              | VẼ            |
| CHỦ ĐẦU TƯ :                                   |      |                                                                                                    |               |
| CÔNG TY TNHH MTV PHƯƠNG HẬU                    |      |                                                                                                    |               |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN VĂN PHÚC                     |      |                                                                                                    |               |
| CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NGUYỄN HOÀNG |      |                                                                                                    |               |
| 481 ĐIỆN BIÊN PHỦ, PHƯỜNG 3, QUẬN 3, TP.HCM    |      |                                                                                                    |               |
| TEL: 08.38 330 888 FAX: 08.38 330 999          |      |                                                                                                    |               |
| EMAIL : nguyenhoangcongnguyenhoangenvi.vn      |      |                                                                                                    |               |
| GIÁM ĐỐC : NGUYỄN CAO TRÍ                      |      |               |               |
| DỰ ÁN :                                        |      |                                                                                                    |               |
| HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI                       |      |                                                                                                    |               |
| 580 M3/NGÀY                                    |      |                                                                                                    |               |
| TÊN BẢN VẼ                                     |      |                                                                                                    |               |
| BỂ XỬ LÝ                                       |      |                                                                                                    |               |
| MẶT CẮT III-III, IV-IV                         |      |                                                                                                    |               |
| VẬT LIỆU : --                                  |      | HÌNH CHIẾU :  |               |
| C.T+T.KẾ : NG.C.TRÍ                            |      | KT : MM                                                                                            | SHT OF        |
| VẼ : TRẦN.T.HÀ                                 |      | SỬA : 0                                                                                            | TỈ LỆ : 1/100 |
| KTRA : TR.M.HIỆU                               |      | BẢN VẼ SỐ :                                                                                        |               |
| NGÀY : 04-2010                                 |      | XLNT-PH-CN-02-6                                                                                    |               |